

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Phát hành mỗi kỳ hai tháng/Edition bimestrielle Số N. 16 10/2003

Chân lý bất vô danh
Nhân danh hiển chân lý
Thọ đắc chân thật pháp
Phi chân diệc phi nguy.

*Chân lý đâu chẳng tên
Do tên hiển chân lý
Thọ được pháp chân thật
Chẳng thật cũng chẳng giả.*

Tổ thứ chín Phục Đà Mật Đa Tôn Giả.

Vérité n'est pas sans nom
Du nom paraît la vérité
Pénétrer la vérité du Dharma
Qui n'est ni vérité ni non-vérité.

Neuvième Patriarche Vénérable Bouddhamitra

Các bạn muốn nghiên cứu và thâm nhập Phật pháp là ở đây.
Cette propagation de l'Enseignement du Bouddha vous
permettra d'étudier et connaître la voie du Bouddha.

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Mục Lục / Sommaire

<ul style="list-style-type: none"> □ Tờ Phật pháp / La Revue BouddhaDharma phát hành mỗi kỳ hai tháng / Edition bimestrielle. □ Chủ Nhiệm / Directeur de publication : Vén. Thích Minh Định. □ Kỹ thuật máy vi tính / Technicien de l'ordinateur : Đỗ Lưu Vương. □ Phụ tá đánh máy : Ngô Trí Tuệ, Chú Hoàng Minh, Trần Xuân Tiến, Cô Hiếu Thảo, Cô Hạnh. □ Les correcteurs des textes en français : Pan Xin Ya, Nguyễn Chiêm Khoa, Lý Thị Minh Nguyệt. □ Ban phát hành : Nguyễn Quang Lý, Anh Chị Phạm Tấn Lộc, Diệp Văn Thọ, Cô Vi, Cô Hồng, Anh chị Lethong Savanh Hào, Cô Cẩm Vân, Fahmat Fakine, Nguyễn Thị Kim Liên. □ Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang / Les Sutras publiés dans la revue BouddhaDharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang. □ Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng. □ La revue BouddhaDharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha. □ Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang. □ Mọi chi tiết xin liên lạc về : Chùa/Pagode Kim Quang 8 B rue Fontaine 93000 Bobigny - France Tel./fax : 01.48.50.98.66 kimquang@free.fr kimquangtu@hotmail.com 	<ul style="list-style-type: none"> □ Kinh Hoa Nghiêm 3 □ Kinh Pháp Hoa 7 □ Kinh Lăng Nghiêm 10 □ Chú Lăng Nghiêm 13 □ Chú Đại Bi 15 □ Đại Trí Độ Luận 17 □ Thiên Thất Khai Thị 19 □ Niệm Quán Âm Trong Tụ Tánh 21 □ Sáu Con Đường Vào Cửa Phật 22 □ Bốn Loại Phước Đức 23 □ Tánh, Thức, Ý, Tâm 24 □ Le Sutra Du Dharma De La Fleur 27 □ Le Sutra Shurangama 30 □ Le Mantra Shurangama 33 □ Le Sutra Du Vajna Prajna 35 □ Le Bouddha Parle Le Sutra . . . 37 □ Chant De L'Illumination 39 □ Le Sutra De La Cause . . . 41 □ Les Six Directives De La Cité . . . 42 □ Les Quatre Bonheurs 45 □ Toute Vie Peut S'éteindre . . . 47 □ Le Souvenir De La Vie . . . 49 □ L'Histoire Du Bouddha 51
---	--



KINH HOA NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Có vô lượng số Càn Thát Bà Vương như vậy làm thượng thủ. Các vị này đều sinh tâm tin hiểu thâm sâu ở trong pháp đại thừa. Hoan hỷ ái trọng siêng tu không mỗi mệt.

Mười vị Càn Thát Bà Vương này làm thượng thủ trong chúng Càn Thát Bà. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên Càn Thát Bà số nhiều không thể tính đếm được.

Những vị Càn Thát Bà Vương này đều tu hành pháp đại thừa. Sinh tâm tin và thấu hiểu rất thâm sâu. Sinh tâm hoan hỷ cho nên ái trọng pháp đại thừa, siêng năng tu pháp đại thừa, không biết mệt mỏi. Ở trên là chúng thứ tám Càn Thát Bà Vương.

Vừa qua đã giảng xong tám bộ Tứ Vương chúng. Dưới đây bắt đầu giảng mười hai chúng chư thiên thuộc về dục giới và sắc giới.

Mười hai chúng chư thiên thuộc dục giới và sắc giới. Tại dục giới có bảy chúng : 1. Nguyệt Thiên Tử. 2. Nhật Thiên Tử. 3. Tam Thập Tam Thiên Vương. 4. Tu Dạ Ma Thiên Vương. 5. Đâu Xuất Thiên Vương. 6. Hóa Lạc Thiên Vương. 7. Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương.

Tại Sắc giới có năm chúng : 1. Đại Phạm Thiên Vương. 2. Quang Âm Thiên Vương. 3. Biến Tịnh Thiên Vương. 4. Quảng Quả Thiên Vương. 5. Đại Tự Tại Thiên Vương.

Nay lược giới thiệu về thời gian, thọ mạng, thân cao, trọng lượng y phục của sáu cõi trời thuộc về dục giới.

Thời gian trên trời : Tại nhân gian năm mươi năm thì bằng một ngày một đêm ở cõi trời Tứ Thiên Vương. Tại nhân gian một trăm năm thì bằng một ngày một đêm ở cõi trời Đao Lợi. Tại nhân gian hai trăm năm thì bằng một ngày một đêm ở cõi trời Dạ Ma. Tại nhân gian bốn trăm năm thì bằng một ngày một đêm ở cõi trời Đâu Xuất. Tại nhân gian tám trăm

năm thì bằng một ngày một đêm ở cõi trời Hóa Lạc. Tại nhân gian một ngàn sáu trăm năm thì bằng một ngày một đêm ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại.

Thọ mạng của chư thiên : Thọ mạng của Tứ Thiên Vương là năm trăm tuổi. Thọ Mạng của chư thiên trời Đao Lợi là một ngàn tuổi. Thọ mạng của chư thiên trời Dạ Ma là hai ngàn tuổi. Thọ mạng của chư thiên trời Đâu Xuất là bốn ngàn tuổi. Thọ mạng của chư thiên trời Hóa Lạc là tám ngàn tuổi. Thọ mạng của chư thiên trời Tha Hóa Tự Tại là một vạn sáu ngàn tuổi.

Thân của chư thiên : Thân của Tứ Thiên Vương cao nửa dặm. Thân của chư thiên trời Đao Lợi cao một dặm. Thân của chư thiên trời Dạ Ma cao một dặm rưỡi. Thân của chư thiên trời Đâu Xuất cao hai dặm. Thân của chư thiên trời Hóa Lạc cao hai dặm rưỡi. Thân của chư thiên trời Tha Hóa Tự Tại cao ba dặm.

Trọng lượng y phục của các cõi trời : Y phục của trời Tứ Thiên Vương nặng hai mươi lạng. Y phục của trời Đao Lợi sáu lạng. Y phục của trời Dạ Ma ba lạng. Y phục của trời Đâu Xuất một lạng rưỡi. Y phục của trời Hóa Lạc một lạng. Y của trời Tha Hóa Tự Tại nửa lạng.

Thân cao và thọ mạng của chư thiên sắc giới mười tám cõi trời : Trời thứ nhất Phạm Chúng Thiên thân cao nửa tiểu do tuần (20 dặm), tuổi thọ nửa tiểu kiếp (tám vạn ba ngàn chín trăm chín mươi tuổi). Trời thứ hai Phạm Phụ Thiên, thân cao một tiểu do tuần, thọ mạng một tiểu kiếp. Trời thứ ba Đại Phạm Thiên, thân cao một do tuần rưỡi, thọ mạng một kiếp rưỡi. Các trời còn lại lấy đây làm tiêu chuẩn.

Vô sắc giới bốn cõi trời, chư thiên cõi này chẳng có thân thể, chỉ có tư tưởng, nhưng có thọ mạng : Trời thứ nhất : Trời Không Vô Biên Xứ, thọ mạng hai vạn đại kiếp, còn ba cõi trời còn lại là bốn vạn

đại kiếp, tám vạn đại kiếp và mười sáu vạn đại kiếp.

Lại có vô lượng Nguyệt Thiên Tử. Đó là : Thiên Tử Nguyệt. Thiên Tử Hoa Vương Kế Quang Minh. Thiên Tử Chúng Diệu Tịnh Quang Minh. Thiên Tử An Lạc Thế Gian Tâm. Thiên Tử Thụ Vương Nhân Quang Minh. Thiên Tử Thị Hiện Thanh Tịnh Quang. Thiên Tử Phổ Du Bất Động Quang. Thiên Tử Tinh Tú Vương Tự Tại. Thiên Tử Tịnh Giác Nguyệt. Thiên Tử Đại Oai Đức Quang Minh.

Lại có vô lượng vô biên Nguyệt Thiên Tử. Nguyệt Thiên Tử tức gọi chung là mặt trăng. Nguyệt còn có tên gọi là thái âm, bây giờ phân làm tên gọi mười Thiên tử.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ nhất đó là Thiên Tử Nguyệt. Nguyệt nghĩa là khuyết, có lúc thiếu khuyết, vẫn mát vẫn chiếu, biểu thị Bồ Tát đắc được tâm từ bi mát mẻ, chiếu màn đêm sinh tử, khiến cho chúng sinh ra khỏi biển sinh tử.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ hai tên là Hoa Vương Kế Quang Minh. Vì trong hoa vương kế của vị này phóng ra quang minh, chiếu đến thân chúng sinh, khiến cho họ đắc được lợi ích, cho nên được tên này. Vị Nguyệt Thiên Tử thứ ba tên là Chúng Diệu Tịnh Quang Minh. Vì vị này có quang minh vi diệu thanh tịnh, chiếu sáng chúng sinh khiến cho họ đắc được trí huệ, cho nên được tên này.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ tư tên là An Lạc Thế Gian Tâm. Vì vị này khiến cho tất cả chúng sinh thế gian đắc được an lạc, cho nên được tên này.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ năm tên là Thụ Vương nhân Quang Minh. Vì vị này thanh tịnh quang minh, giống như đại thụ vương, cho nên được tên này.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ sáu tên là Thị Hiện Thanh Tịnh Quang. Vì vị này thị hiện khắp tất cả thế giới đều có quang minh thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ bảy tên là Phổ Du Bất Động Quang. Vì vị này chu du khắp mười phương thế giới mà quang minh chẳng động, cho nên được tên này.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ tám tên là Tinh Tú Vương Tự Tại. Vì vị này là vua trong tinh tú, lại tự tại tiêu dao, cho nên được tên này.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ chín tên là Tịnh Giác Nguyệt. Vì vị này giác hạnh thanh tịnh viên mãn như ánh sáng mặt trăng, cho nên được tên này.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ mười tên là Đại Oai Đức Quang Minh. Vì vị này có đại oai đức, đại quang minh, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Nguyệt Thiên Tử như vậy làm thượng thủ, các vị đó đều siêng năng hiển hiện tâm bảo của chúng sinh.

Mười vị Nguyệt Thiên Tử này đều làm thượng thủ trong chúng Nguyệt Thiên Tử. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên Nguyệt Thiên Tử không thể tính đếm được.

Những vị thiên tử này đều tinh tấn tu tập Bồ Tát giống như trăng sáng ở trong hư không, tùy nước lắng trong ở trong tâm chúng sinh, liền hiển hiện ra mặt trăng sáng. Do đó có câu :

*“ Phật pháp như trăng sáng,
Lơ lững trên bầu trời,
Tâm chúng sinh thanh tịnh,
Bóng bồ đề hiện ở trong.”*

Tức là đạo lý "ngàn cái ao nước đều có ngàn mặt trăng", trên đây là chúng thứ nhất Nguyệt Thiên Tử.

Lại có vô lượng Nhựt Thiên Tử. Đó là : Thiên Tử Nhựt. Thiên Tử Quang Diệm Nhân. Thiên Tử Tu Di Quang Khả Uy Kính Tràng. Thiên Tử Ly Cấu Bảo Trang Nghiêm. Thiên Tử Dũng Mãnh Bất Thối Chuyển. Thiên Tử Diệu Hoa Anh Quang Minh. Thiên Tử Tối Thắng Tràng Quang Minh. Thiên Tử Bảo Kế Phổ Quang Minh. Thiên Tử Quang Minh Nhân. Thiên Tử Trì Thắng Đức. Thiên Tử Phổ Quang Minh.

Lại có vô lượng vô biên Nhựt Thiên Tử. Nhựt Thiên Tử gọi chung là mặt trời. Bảy giờ đại diện gồm có mười vị.

Nhựt Thiên Tử. Nhựt ý nghĩa là thật, vì thường sung thật, vừa nóng vừa chiếu sáng, biểu thị trí huệ sở chiếu của Bồ Tát. Nhựt dùng dương đức, Nguyệt dùng âm linh. Một thường phá đen tối biểu thị căn bản phá hoặc ; một thường mát mẻ, biểu thị đức dày lợi ích vạn vật. Đó là công đức của Nhựt, Nguyệt (mặt trời, mặt trăng).

Vị Nhựt Thiên Tử thứ nhất tên là Quang Diệm Nhân. Vì mắt của vị này phóng ra quang minh như lửa ngọn, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ hai tên là Tu Di Quang Khả Uy Kính Tràng. Vì vị này có quang minh cao như núi Tu Di, khiến cho người thấy sinh tâm kính sợ, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ ba tên là Ly Cấu Bảo Trang Nghiêm. Vì vị này có bảo châu khử dơ bẩn, quét bụi trần, vừa thanh tịnh vừa trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ tư tên là Dũng Mãnh Bất Thối Chuyển. Vì vị này có tâm dũng mãnh tinh tấn, chỉ hướng đến trước mà không lùi về sau, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ năm tên là Diệu Hoa Anh Quang Minh. Vì vị này có chuỗi diệp hoa, có quang minh như cầu vòng, năm quang mười sắc, sáng lạng khả ái, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ sáu tên là Tối Thắng Tràng Quang Minh. Vì vị này có tràng quang minh thù thắng nhất, thứ quang minh này không thể so sánh phỏng theo được, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ bảy tên là Bảo Kế Phổ Quang Minh. Vì bảo kế của vị này phóng ra quang minh chiếu khắp tất cả thế gian, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ tám tên là Quang Minh Nhân. Vì mắt của vị này phóng ra một thứ quang minh đặc biệt thù thắng, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ chín tên là Trì Thắng Đức. Vì đức hạnh của vị này thù thắng nhất, không ai sánh kịp, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ mười tên là Phổ Quang Minh. Vì vị này phóng quang minh chiếu sáng khắp tất cả chúng sinh, khiến cho họ đắc được trí huệ, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Nhựt Thiên Tử như vậy làm thượng thủ. Các vị này đều siêng năng tu tập lợi ích và làm tăng trưởng căn lành của chúng sinh.

Mười vị Nhựt Thiên Tử này làm thượng thủ trong các chúng Nhựt Thiên Tử, ngoài ra còn có vô lượng vô biên, không cách chi tính đếm được.

Những vị Nhựt Thiên Tử này đều siêng tu tập pháp đại thừa, lợi ích tất cả chúng sinh và làm tăng trưởng căn lành của chúng sinh. Người chưa trồng căn lành thì khiến cho họ trồng căn lành, người đã trồng căn lành thì khiến cho họ sinh trưởng, người căn lành đã sinh trưởng thì khiến cho thành thực, người căn lành đã thành thực thì khiến cho được giải thoát. Ở trên là chúng thứ hai Nhựt Thiên Tử.

Lại có vô lượng Tam Thập Tam Thiên Vương. Đó là : Thiên Vương Thích Ca Nhân Đà La. Thiên Vương Phổ Xưng Mãn Âm. Thiên Vương Từ Mục Bảo Kế. Thiên Vương Bảo Quang Tràng Danh Xưng. Thiên Vương Phát Sinh Hỷ Lạc Kế. Thiên Vương Khả Ái Lạc Chánh Niệm. Thiên Vương Tu Di Thắng Âm. Thiên Vương Thành Tựu Niệm. Thiên Vương Khả Ái Lạc Tịnh Hoa Quang. Thiên Vương Trí Nhựt Nhân. Thiên Vương Tự Tại Quang Minh Năng Giác Ngộ.

Lại có vô lượng vô biên Tam Thập Tam Thiên Vương. Trời Tam Thập Tam tức là trời Đạo Lợi, là tầng trời thứ hai thuộc về dục giới. Trời Đạo Lợi ở trên đỉnh núi Tu Di, chưa rời khỏi mặt đất, cho nên gọi là "địa cư thiên". Phương đông của trời Đạo Lợi có tám trời, phương nam có tám trời, phương tây có tám trời, phương bắc có tám trời. Đế Thích một trời ở chính giữa cộng thành trời Tam Thập Tam (ba mươi ba tầng trời).

Trong quá khứ có một tín nữ, thấy một tượng Phật cũ tróc sơn, chùa cũng hư hoại, do đó phát tâm trùng tu, đi khắp nơi lạc quyền thì có ba mươi hai người nữ cùng phát tâm sửa chữa ngôi chùa này và trang nghiêm tượng Phật. Người có chí việc tất thành, trải qua thời gian cuối cùng đã thành công. Chùa làm mới lại, tượng Phật trang nghiêm bằng vàng rất đẹp. Nhờ công đức đó, chết rồi được sinh lên trời làm thiên chủ. Ba mươi hai người nữ đó làm thiên chủ cõi trời Tam Thập Nhị, cộng với người nữ chủ xưởng công đức thành thiên chủ trời Tam Thập Tam.

Vị thiên chủ này gọi là Thích Đề Hoàn Nhân (còn gọi là Ngọc Hoàng thượng đế). Thành của vị này ở gọi là Thành Thiện Kiến, dùng vàng ròng làm thành, chính giữa thành có một lầu các, dùng bảy báu tạo thành, tức là cung điện của thiên chủ.

Nói về Thích Ca Nhân Đà La. Thích Ca dịch là "năng nhân". Nhân Đà La dịch là "chủ", nếu nói đầy đủ là Thích Ca Đề Hoàn Nhân Đà La, gọi tắt là Thích Đề Hoàn Nhân. Đề Hoàn dịch là "thiên", tức là nhân thiên chủ. Vì dụ dỗ khuyến thiện, cho nên được làm chúa trời.

Vị trời Tam Thập Tam thứ nhất tên là Phổ Xưng Mãn Âm. Vì vị này có đức hạnh, cho nên khắp nơi đều xưng dương, tán thán ca tụng, âm thanh vang dội khắp trời đất, cho nên được tên này.

Vị trời Tam Thập Tam thứ hai tên là Từ Mục Bảo Kế. Vì mắt của vị này rất từ bi, lại có bảo kế, phóng đại quang minh, cho nên được tên này.

Vị trời Tam Thập Tam thứ ba tên là Bảo Quang Tràng Danh Xưng. Vì vị này dùng quang minh bảy báu để trang nghiêm tràng báu, trở thành danh xưng cho nên được tên này.

Vị trời Tam Thập Tam thứ tư tên là Phát Sinh Hỷ Lạc Kế. Vì bảo kế của vị này phóng quang minh, khi chúng sinh thấy được thì sinh tâm hoan hỷ và khoái lạc, cho nên được tên này.

Vị trời Tam Thập Tam thứ năm tên là Khả Ái Lạc Chánh Niệm. Vì vị này có chánh niệm, cho nên được người ái kính, khiến cho người vui thích, cho nên được tên này.

Vị trời Tam Thập Tam thứ sáu tên là Tu Di Thắng Âm. Vì vị này có âm thanh thù thắng, siêu hơn núi Tu Di, cho nên được tên này.

Vị trời Tam Thập Tam thứ bảy tên là Thành Tụ Niệm. Vì vị này khiến cho chúng sinh đạt thành tâm nguyện, thành tựu thiện niệm của chúng sinh, cho nên được tên này.

Vị trời Tam Thập Tam thứ tám tên là Khả Ái Lạc Tịnh Hoa Quang. Vì vị này là mắt lành từ bi, bất cứ ai thấy thì đều phát tâm cung kính, vui thích. Đức hạnh của vị này thanh tịnh như liên hoa quang, cho nên được tên này.

Vị trời Tam Thập Tam thứ chín tên là Trí Nhựt Nhân. Vì vị này có mắt trí huệ, sáng như ánh sáng mặt trời, cho nên được tên này.

Vị trời Tam Thập Tam thứ mười tên là Tụ Tại Quang Minh Năng Giác Ngộ. Vì vị này vừa tụ tại vừa quang minh, năng giác ngộ tất cả chúng sinh, cho nên được tên này.

Có vô lượng số vị Trời Tam Thập Tam như vậy làm thượng thủ. Các vị này đều siêng năng phát khởi nghiệp rộng lớn của tất cả thế gian.

Mười vị Thiên Vương Tam Thập Tam này, làm thượng thủ trong chúng Thiên Vương. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên nhiều chẳng thể tính đếm được.

Những vị Thiên Vương Tam Thập Tam này đều rất tinh tấn, phát khởi nghiệp rộng lớn, cùng tu hành với tất cả chúng sinh, học tập Phật pháp, trông nhân bờ đề, kết quả bờ đề, đó là thành tựu Phật nghiệp.

Tại sao chư thiên thích người làm thiện ? Vì A Tu La đố kỵ trời có cam lồ vị, chư thiên muốn cầu nữ sắc của A Tu La, cho nên bị chỗ này mà thường phát sinh chiến tranh. Để Thích biết A Tu La sớm muốn đến tác chiến trước, mới phái người đến nhân gian tuần tra, quán sát nếu người làm thiện nhiều thì người trời sẽ thắng, nếu người làm ác nhiều thì người trời sẽ thất bại. Cho nên khuyên người đời hướng thiện, gặp kẻ ác nhất định phải trừng phạt. Người thiện nhiều thì quyến thuộc chư thiên cũng nhiều. Người ác nhiều thì quyến thuộc A Tu La cũng nhiều. Vì có quan hệ như thế, cho nên chư thiên hy vọng tất cả chúng sinh siêng làm công đức lành, tiêu diệt tội lỗi. Đó là mục đích chúa trời giáo hóa chúng sinh, cũng là biện pháp giải cứu duy nhất. Trên đây là chúng thứ ba Tam Thập Tam Thiên Vương. (còn tiếp)

KINH PHÁP HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch : Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Phật thấy Tôn Giả luôn luôn buồn rầu không vui, mới đưa Tôn Giả lên núi đi du ngoạn. Đến trên núi thấy bầy khỉ đùa giỡn, Phật bèn hỏi : "Con hãy so sánh bầy khỉ này với nàng Tôn Đà La ai đẹp hơn ?" Tôn Giả nói : "Đương nhiên nàng Tôn Đà La đẹp hơn, bầy khỉ xấu xí làm sao sánh với nàng Tôn Đà La." Phật nói : "Con thật là thông minh, biết phân biệt đẹp xấu, được rồi, chúng ta trở về." Trở về, Tôn Giả nhớ vợ không nguì, tuy nhiên luôn luôn muốn trốn đi nhưng chẳng có cơ hội.

Phật thấy Tôn Giả buồn bã không vui, lần này Phật đưa Tôn Giả lên các cõi trời du ngoạn, thấy thiên cung thật là đẹp đẽ trang nghiêm, lại có một thiên cung, bên trong có rất nhiều tiên nữ xinh đẹp tuyệt trần. Phật hỏi Tôn Giả : "Con thấy những vị tiên nữ này đẹp hay là nàng Tôn Đà La đẹp hơn ?" Tôn Giả nói : "Đương nhiên là tiên nữ đẹp hơn, nàng Tôn Đà La sánh với tiên nữ cũng giống như khỉ sánh với nàng Tôn Đà La, nàng Tôn Đà La sao có thể sánh với tiên nữ được !" Tôn Giả thấy những tiên nữ đẹp mà chẳng thấy chủ nhân, do đó mới hỏi tiên nữ : "Ai là chủ nhân của các vị ?" Tiên nữ đáp : "Chủ nhân của chúng tôi là em của Phật, là Tôn Giả Tôn Đà La Nan Đà. Bây giờ anh ấy đang theo Phật tu đạo, đời sau anh ấy sẽ sinh về cung trời này, chúng tôi sẽ hầu hạ anh ấy." Tôn Giả nghe như vậy tâm mừng rỡ vô cùng, nghĩ rằng : "Có những tiên nữ xinh đẹp như thế sẽ hầu hạ mình, mình nhất định phải dụng công tu hành."

Lần này trở về, Tôn Giả đã hoàn toàn quên nàng Tôn Đà La, mà chỉ nhớ đến các tiên nữ. Cho nên Tôn Giả thay đổi thái độ trước kia, ngược lại rất tinh tấn dụng công tu hành, nhưng Phật biết Tôn Giả chỉ muốn tu để sinh về cõi trời làm chủ nhân của các tiên nữ. Do đó, một ngày nọ, Phật đưa Tôn Giả đi xuống địa ngục xem cho biết. Đến địa ngục thấy cảnh trạng thật thê thảm hãi hùng, nào là núi đao, chảo dầu sôi, hàm lửa, đủ các thứ địa ngục khiến cho người thấy

toát mồ hôi, toàn thân run sợ ! Cuối cùng đến địa ngục nọ, thấy có hai con quỷ giữ chảo dầu sôi mà chẳng thấy có người ở trong, bèn hỏi quỷ rằng : "Sao trong chảo dầu sôi này chẳng thấy có ai ?" Quỷ đáp : "Anh không biết đâu, chảo dầu sôi này để dành cho em của Phật tức là Tôn Giả Tôn Đà La Nan Đà, bây giờ đã theo Phật xuất gia tu đạo, nhưng chỉ muốn tu để hưởng phước cõi trời, sau khi hưởng thụ hết phước cõi trời thì Tôn Giả sẽ đọa vào địa ngục, đời Tôn Giả sẽ vào chảo dầu sôi này." Tôn Giả nghe rồi thì toàn thân toát ra mồ hôi run lập cập nghĩ : "Không xong rồi, nguyên lai chảo dầu này chuẩn bị dành riêng cho ta, biết làm sao ?" Sau đó Phật đưa Tôn Giả trở về nhân gian, vì Tôn Giả mà nói về pháp môn : Khổ, không, vô thường, vô ngã. Lúc đó Tôn Giả tinh tấn dụng công tu hành chẳng bao lâu chứng được quả A La Hán.

Tuy nhiên ban đầu Tôn Giả rất thương nhớ vợ, nhưng từ khi thấy các vị tiên nữ quá xinh đẹp hơn vợ thì Tôn Giả chẳng còn nhớ vợ nữa. Một khi biết được khổ ở địa ngục thì mới chân chánh phát tâm tu hành. Nếu không biết khổ ở địa ngục thì Tôn Giả chưa chịu phát tâm tu hành.

18. Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử

Phú Lâu Na dịch là "mãn", là tên cha của Ngài. Di Đa La Ni dịch là "từ", là tên mẹ của Ngài. Nghĩa của tên là Mãn Từ Tử. Khi Ngài vừa ra đời thì chư thiên cõi trời mưa châu báu xuống nhà của Ngài đó là điềm cát tường. Ngài là vị A La Hán thuyết pháp đệ nhất trong số đệ tử của Phật.

19. Tu Bồ Đề.

Khi Ngài sinh ra thì châu báu trong nhà đều không (biến mất hết), cho nên gọi là Không Sinh. Cha mẹ của Ngài tìm thầy bói tướng xem thử thì đoán rằng đó là cát tường trong sự cát tường, do

đó lại có tên là Thiện Cát, qua bảy ngày sau châu báu trong nhà đều xuất hiện trở lại, cho nên Ngài lại có tên nữa là Thiện Hiện. Trong số đệ tử của Phật, Ngài là giải không đệ nhất.

20. A Nan.

A Nan là vị Tôn Giả kết tập Kinh điển, là thị giả của Đức Phật. A Nan dịch là Khánh Hỉ, vì ngày Đức Phật thành đạo là ngày Ngài ra đời, cho nên cha mẹ của Ngài quá đổi vui mừng, do đó đặt tên là Khánh Hỉ.

21. La Hầu La.

Là con của Phật. Khi La Hầu La chào đời thì xảy ra việc thị phi phiền não rất nghiêm trọng. Phật đã xuất gia sáu năm mà vợ của Ngài mới sinh ra một đứa con, cho nên quyến thuộc của Phật giận dữ vô cùng, cho rằng công chúa không giữ đạo làm vợ, do đó có người muốn trừng phạt công chúa, nhục mạ công chúa, tiếng xấu đồn lan tràn khắp nơi : "Phật đã xuất gia sáu năm mà vợ của Phật mới mang bầu !" Tuy nhiên người trong cung nói với phụ vương của Phật là bảo đảm công chúa chẳng làm chuyện đó, đứa con này chắc chắn là con của Phật, nhưng chẳng có ai tin. Thật tế thì La Hầu La ở trong thai mẹ sáu năm. Nhưng duyên bên ngoài bức bách quá, do đó nàng Gia Du Đà La mới phát nguyện rằng : "Nếu tôi không giữ đạo làm vợ thì nhảy vào hầm lửa, lửa sẽ thiêu chết mẹ con tôi, nếu tôi trong sạch thì thiên thần hãy bảo hộ tôi khiến cho mẹ con tôi không bị lửa thiêu chết !", mới làm một hầm lửa. Công chúa Gia Du Đà La bỗng Ngài La Hầu La nhảy vào hầm lửa nhưng lạ thay hầm lửa biến thành hồ sen, có đóa hoa sen lớn đỡ mẹ con hai người. Từ đó về sau mọi người đều biết là Công Chúa Gia Du Đà La bị oan, ai ai cũng hiểu rõ sự việc này chẳng phải là việc tầm thường, cũng chẳng còn ai phỉ báng công chúa nữa.

Tên của La Hầu La dịch là Phú Chướng (chướng che đậy), vì trong quá khứ Ngài La Hầu La từng bít miệng hang chuột trong vòng sáu ngày, cho nên đời này Ngài phải ở trong thai mẹ sáu năm, đó là quả báo. Cho nên quả báo tuần hoàn thật là đáng sợ ! La Hầu La là con của Phật cũng không tránh khỏi ác nghiệp mình đã tạo ra trong quá khứ, mà phải ở trong thai mẹ sáu năm, cho nên gọi là Phú Chướng, vì mang thai La Hầu La mà sinh rất nhiều phiền não chướng ngại.

Cứu kính con của Phật ra sao. Có phải con của Phật chẳng ? Phải. Vậy có phải Phật quan hệ hành vi vợ

chồng như người bình thường chăng ? Không phải. Vì công chúa Gia Du Đà La muốn có con, do đó Đức Phật dùng tay chỉ vào bụng thì nàng mang thai, đó là một cảnh giới không thể nghĩ bàn, nếu bạn muốn khảo chứng thì hiện tại tôi chẳng có chi làm cho bạn hiểu đặng, chỉ có cách bạn dụng công tu hành, tu đến cảnh giới đó thì sẽ thấy rõ cảnh giới của Phật vi diệu khó nghĩ bàn.

Đó là những vị đại A La Hán hàng tri thức của chúng.

Tức là chỉ hai mươi mốt vị đại A La Hán ở trên. Trong tâm của đại chúng minh bạch là tri, mắt thấy là thức ; tâm, mắt đều minh bạch tức là tri thức. Tri thức là đối với người ngu si mà nói. Người ngu si thì bất tri bất thức (chẳng hiểu biết), người trí huệ là tri thức. Nhưng đạo lý phải nói hai bên, nếu bạn thật bất tri bất thức, đó mới là chân chính trí huệ. Chân chính bất tri bất thức mới chân chính trí huệ. Chân chính bất tri bất thức mới chân chính vô tư vô lự (không suy nghĩ). Được vô tư vô lự thì trí huệ của mình mới hiển hiện được, đó mới là chân chính tri thức trí huệ.

Đại A La Hán thì thọ nhận sự cúng dường của trời người. Nghĩa của A La Hán là ứng cúng, sát tặc, vô sinh. A La Hán không những sát tặc (giết kẻ tặc), mà cho đến bất tặc (chẳng phải tặc) cũng giết. Vì cảnh giới của A La Hán thì cho rằng chẳng phải tặc, nhưng cảnh giới của Bồ Tát thì đó là tặc. Cho nên nếu hồi tiểu hướng đại thì chẳng phải tặc cũng phải giết.

Lại có hai nghìn người hữu học và vô học.

Trong bốn quả Thánh thì ba quả trước là bậc hữu học, chúng được tứ quả A La Hán mới là bậc vô học. Trong hội Pháp Hoa bậc hữu học và vô học cộng lại có hai ngàn người. Hai ngàn người này lại biểu thị "thập như thị". Mười pháp giới từ pháp giới địa ngục cho đến pháp giới của Phật, mỗi pháp giới đều có đủ pháp nhân quả thập như thị. Đó là như thị tướng (tướng như vậy), như thị tính, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bản mạt (gốc ngọn) cứu kính. Mỗi như

thị lại biến thành mười, mười lại biến thành trăm, trăm lại biến thành ngàn, đó là biểu thị hữu học vô học hai ngàn người.

Tỳ Kheo Ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề cùng với quyến thuộc sáu ngàn người tu hội. Mẹ của La Hầu La là Tỳ Kheo Ni Gia Du Đà La cũng cùng với quyến thuộc tu hội.

Ma Ha là lớn. Ba Xà Ba Đề dịch là Ái Đạo. Vị Đại Ái Đạo Tỳ Kheo Ni này không phải chỉ là dì của Đức Phật mà là mỗi vị Phật ra đời bà ta đều làm dì của Đức Phật, nuôi dưỡng chăm sóc các Ngài trưởng thành. Quyến thuộc kể cả lục thân, bạn bè. Đại Ái Đạo Tỳ Kheo Ni với quyến thuộc sáu ngàn người thân nhân bạn bè đều ở trong hội Pháp Hoa.

Mẹ của La Hầu La là Gia Du Đà La cũng xuất gia theo Phật, làm đệ tử của Phật, trở thành Tỳ Kheo Ni. Tỳ Kheo Ni cũng có ba nghĩa như Tỳ Kheo là khát sĩ, bố ma, phá ác. Tỳ Kheo Ni Gia Du Đà La cũng cùng với quyến thuộc ở trong hội Pháp Hoa.

Bạc đại Bồ Tát gồm tám vạn người đều không thối chuyển nơi đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều đắc được Đà La Ni nhạo thuyết biện tài, chuyển bánh xe pháp bất thối chuyển, đã từng cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật, ở chỗ chư Phật gieo trồng các gốc công đức. Thường được chư Phật ngợi khen, dùng từ để tu thân, khéo vào huệ của Phật, thông đạt đại trí, đến nơi bờ kia, danh đồn khắp vô lượng thế giới, có thể độ được vô số trăm ngàn chúng sinh.

Bồ Tát là tiếng Phạn, nói đủ là Bồ Đề Tát Đỏa. Bồ Đề là giác, Tát Đỏa là hữu tình. Một vị Bồ Tát giác ngộ hữu tình, tức cũng là trong hữu tình Bồ Tát là một vị giác ngộ. Ngài dùng phương pháp đạo lý giác ngộ đi giác ngộ những hữu tình khác. Ngoài ra còn có hai tên gọi khác là chúng sinh đại đạo tâm, hoặc là Khai Sĩ. Bạc đại Bồ Tát có đầy đủ bảy đại.

1. Đủ đại căn cơ : Căn cơ của Bồ Tát sâu rộng vô cùng. Ngài gieo trồng gốc công đức từ nhiều đời

nhieu kiếp đến nay, đã trồng xuống căn lành sâu rộng quảng đại, căn lành này gọi là gốc công đức. Căn lành Ngài trồng xuống nhiều vô lượng vô biên, cho nên nói là gieo trồng các gốc công đức. Hơn nữa chẳng phải chỉ trồng căn lành ở nơi một vị Phật, hai vị Phật, ba, bốn, năm vị Phật, mà là giống như trong Kinh Kim Cang có nói : "Ở nơi vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức vị Phật nhiều như số cát sông Hằng đều đã từng gieo trồng các căn lành." Ở trước vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức vị Phật nhiều như số cát sông Hằng đều đã từng gieo trồng các căn lành.

2. Đủ đại trí huệ : Ngài phát đại Bồ đề tâm rộng độ tất cả chúng sinh, tuy độ khắp tất cả chúng sinh nhưng chẳng chấp tướng độ chúng sinh, đó tức là đại trí huệ. Trong Kinh Kim Cang có nói : "Loài sinh bằng trứng, bằng thai, bằng ẩm ướt, bằng biến hóa, loài có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, chẳng có tướng, chẳng không tướng, ta đều khiến cho vào Vô Dư Niết Bàn mà diệt độ. Diệt độ như vậy vô lượng vô số vô biên chúng sinh mà thật chẳng có chúng sinh nào được diệt độ." Chẳng có một chúng sinh nào là Phật độ, mà chúng sinh đều tự độ vậy. Nghĩa là tuy nhiên độ chúng sinh mà chẳng chấp tướng độ sinh. Chẳng giống như chúng ta làm được một việc gì tốt thì tuyên dương : "Tôi độ được bao nhiêu người xuất gia, tôi độ được bao nhiêu người phát tâm tin Phật, hoặc là người nào đó là do tôi độ, người nào đó là do tôi giới thiệu để tin Phật." Đó là chấp trước tướng. Vì sao chấp trước tướng ? Vì ngu si. Người có đại trí huệ thì chẳng chấp trước tướng. Bồ Tát thì lìa tất cả tướng, tức là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nếu không lìa tướng thì chẳng phải là Bồ Tát.

3. Tin đại pháp : Đại pháp tức là pháp đại thừa. Bạn phải tin sâu pháp môn đại thừa thật tướng, tin sâu nhân quả, tin sâu trí huệ Bát Nhã. Phật pháp như biển cả, chỉ có niềm tin mới vào được. Nếu bạn thiếu niềm tin thì dù Phật pháp rộng lớn cũng không thể độ bạn được. Trong Kinh Hoa Nghiêm có nói : "Tin là nguồn mẹ công đức, nuôi lớn tất cả các căn lành." Căn lành từ đâu đến ? Từ niềm tin đến, từ niềm tin sinh ra, cho nên tin là mẹ của tất cả công đức. Đại Bồ Tát tin sâu tất cả đại pháp, diệu pháp vô thượng, nhất là đối với bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, Ngài đặc biệt tin sâu coi trọng. (còn tiếp)

KINH LẮNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Tiếp theo kỳ trước

“*Bất trừ vọng tưởng bất cầu chân*”: Không trừ vọng tưởng, cũng không cầu chân lý. Tại sao không trừ vọng tưởng? Vì đã trừ hết rồi, vọng tưởng không còn nữa, nên mới không trừ. Không cầu chân, vì chân đã đạt đến rồi, cho nên không cần cầu nữa. Quý vị chưa đạt đến mới cần cầu; người đã đạt đến chân lý rồi, nên không cần thiết phải cầu chân lý nữa. Chưa trừ sạch vọng tưởng mới cần trừ vọng tưởng, vọng tưởng đã không còn, thì không cần phải trừ nữa. Liễu nghĩa chính là ý này! Liễu nghĩa còn có nghĩa là tất cả nghĩa lý của Phật thuyết ra đã học đến chỗ rốt ráo, đã học đến chỗ không còn phải học nữa.

Không liễu nghĩa thì vẫn còn ý niệm, chờ đến lúc ý nghĩa gì cũng không còn, khô sạch mà thanh tịnh, thì đạt đến Mật nhân, cái bản thể chánh định, và đó chính là *tu chứng* thành công mà đạt đến cảnh giới *liễu nghĩa*. Nếu quý vị không tu, thì không thể chứng đắc cảnh giới liễu nghĩa này. Cho nên, liễu nghĩa cũng chính là *đại nghĩa*, đại nghĩa bao gồm tất cả nghĩa.

“Nhưng Thầy nói liễu nghĩa là không còn gì nữa?”

Không còn nữa mới chính là thực sự có (chân hữu), nếu quý vị còn “có” thì không phải là

thực sự có. Cho nên chứng đắc liễu nghĩa rồi thì không còn nghĩa nào có thể chứng đắc nữa, mà đã đạt đến cực điểm, tức gọi “liễu nghĩa.” Cực điểm là đến trình độ nào? Chính là đạt đến cảnh giới Phật, chứng đắc quả vị Phật.

Nhưng muốn đạt đến cảnh giới Phật, thì cần phải hành Bồ tát đạo, nên nói “**Chư Bồ Tát Vạn**

Hạnh.” “Chư,” ý nói là có rất nhiều rất nhiều. Nhiều là bao nhiêu? Nhiều đếm không hết, nói chung thì có năm mươi lăm đẳng bậc. Năm mươi lăm đẳng bậc này, sau sẽ giảng đến, bây giờ không giảng kỹ, thì gồm có: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Tứ Gia Hạnh, Thập Địa, và Phật. Mỗi đẳng bậc bao gồm hàng ngàn hàng vạn Bồ tát khác, cho nên năm mươi lăm đẳng bậc này, không phải chỉ có năm mươi vị Bồ tát, mà bao gồm vô lượng vô biên Bồ tát, vô lượng vô biên Đức Phật, nên gọi là “Chư Bồ Tát.”

Còn “Vạn Hạnh” là gì? Tức là pháp môn tu hành rất nhiều.

“Là bao nhiêu?”

Có tám vạn bốn ngàn pháp môn!

Vốn có thể nói là tám vạn bốn ngàn hạnh môn, ở đây tựa kinh đơn giản nói là “vạn hạnh.” “Vạn hạnh” là sở tu của Bồ tát. Bồ tát không những tu vạn hạnh mà còn phải tu lục độ. Lục độ là gì? Là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, và Bát nhã.

Bố thí có ba: tức Tài thí, Pháp thí, và Vô úy thí. “Tài” là chỉ tất cả tài sản vàng bạc, là thứ mà mỗi người đều quý trọng không nỡ xả bỏ, mà cũng là đồ nhơ bẩn nhất, không thanh tịnh nhất trên thế gian. Tiền bạc của chúng ta đếm lại đếm đi, không biết ở trên tay bao nhiêu người, trên đó không biết chứa đựng bao nhiêu là vi trùng, cho nên trong Phật giáo gọi tiền là “vật bất tịnh.” Vật bất tịnh vì nó là thứ không sạch sẽ. Tại sao gọi nó là thứ không sạch sẽ? Thứ nhất vì nguồn gốc không sạch, không rõ ràng, hoặc là trộm, hoặc là cướp, vì lai lịch không

chánh đáng nên gọi là bất tịnh. Có người nói “Tiền mà tôi làm công kiếm được, không phải là bất tịnh?” Tiền mà quý vị làm công kiếm được, tuy lai lịch là chánh đáng, nhưng bản thân của tiền chứa rất nhiều vi trùng. Quý vị xem, tiền không sạch sẽ như thế, nhưng mà mỗi người đều thích nó, đếm tới đếm lui, có người đếm tiền thì bôi nước miếng để đếm, trong đó rất dễ lây bệnh truyền nhiễm.

Tiền là thứ không sạch sẽ, nhưng mỗi người đều thích nó, càng nhiều càng tốt, bao nhiêu cũng cho không đủ. Tất cả tiền của nước Mỹ cho hết tôi, tôi cũng không cho là nhiều; cho hết quý vị, tin rằng quý vị cũng không cho là nhiều, nhưng tiền nhiều rồi, thì khuyết điểm cũng nhiều theo! Khuyết điểm gì? Ngũ không được, tính lại tính đi, ta có nhiều tiền như thế, để chỗ nào đây? Cứ thường tính toán như thế. Tiền vốn là thứ không tốt như vậy mà mọi người đều thương tiếc như chính thân mạng của mình, mà không nỡ xả bỏ. Nếu quý vị có thể xả bỏ đó chính là bố thí; bố thí cho người chính là hành Bồ tát đạo. Bồ tát tu lục độ vạn hạnh, điều thứ nhất là cần phải bố thí, chính là đem tiền của mình bố thí cho người, giúp đỡ người, đó gọi là tài thí.

Nhưng bố thí không phải là việc dễ làm, tâm của người thuộc “âm dương giao quan xứ,” là chỗ giáp mối của âm và dương; lại là “lý dục chiến đấu trường,” là chiến trường giữa lý và dục, lý là đạo lý, dục là dục vọng, sự khát khao của con người. Giống như thấy một người gặp phải khó khăn, không có cơm ăn, mình muốn cho ông ta một đồng, để ông ta đi mua cơm, bèn rút tay vào túi lấy tiền ra cho. Nhưng, ngay trong lúc đó niệm thứ hai lại khởi lên: “Không được! Nếu mình cho ông ta một đồng, mình không còn tiền đi xe buýt, mình phải đi bộ, cái này... thôi đừng cho!” Cho nên, niệm thứ nhất thì muốn xả, niệm thứ hai liền nghĩ đến mình, bèn bỏ tiền trở lại túi, không muốn bố thí. Như thế, từ vật nhỏ đến vật lớn – từ một đồng cho đến mười đồng, trăm đồng, ngàn đồng, vạn đồng, vạn vạn đồng đều là như vậy.

Vốn muốn xả để bố thí, niệm đầu tiên muốn xả, nhưng niệm thứ hai nghĩ đến mình: “Tôi muốn đi ăn, tôi không có tiền,” nên không giúp đỡ người nữa. Tài thí thật không dễ dàng. Thậm chí còn có tư tưởng: “Tôi bố thí, cho tiền người khác là tôi quá ngu. Tại sao người ta lại không bố thí tôi!” Thường trong lúc muốn bố thí, đồng thời cũng sanh ra cái tâm tự lợi; do vậy, bố thí nói thì dễ, lúc làm thì khó.

Thứ hai là pháp thí. Pháp thí là bố thí pháp. Nay tôi giảng kinh thuyết pháp cũng chính là bố thí pháp. Có câu rằng: “Chư cúng dường trung, pháp cúng dường tối,” trong các cách cúng dường, pháp cúng dường là cao thượng nhất. Vì sao? Bởi vì bố thí tiền bạc thì có hạn lượng, bố thí pháp thì không có hạn lượng. Như tôi nay giảng kinh, quý vị nghe một câu kinh điển, nếu có thể khai ngộ, chân chánh hiểu rõ, chứng đắc một cảnh giới, như vậy công đức của tôi rất lớn, Tại sao vậy? Vì tôi giảng kinh thuyết pháp có thể giúp quý vị thành Phật, quý vị thành Phật là do tôi giảng kinh thuyết pháp giúp quý vị thành, cho nên công đức pháp thí là lớn nhất.

Lại còn có vô úy bố thí. Bố thí vô úy là gì? Lúc người gặp phải những việc tai bay họa gởi, hoặc gặp những việc hoạn nghịch. Gì là hoạn nghịch? Như gặp phải những việc cướp bóc, hỏa tai, hoặc gặp những việc sợ hãi kinh hoàng. Lúc kinh hoàng sợ hãi, mình cho người ta sự an ủi giúp đỡ, nói: “Anh không nên sanh lòng lo lắng, bất cứ việc gì cũng có thể từ từ giải quyết!” Như có một bà làm mất tiền. Hôm đó tôi nhìn thấy gương mặt bà rất lo lắng, bà hỏi tôi rằng:

Ôi! Con đã làm mất túi tiền, làm sao bây giờ?

Tôi bảo:

Bà không nên lo lắng, bà sẽ tìm được túi

tiền.

Kết quả lời tôi nói quả nhiên linh nghiệm, bà đến chỗ đó tìm, vẫn chưa có mất. Đó là vô úy thí. Khiến người giảm đi nỗi sợ hãi lo âu, đó chính là vô úy thí. Ở đây đưa ra chỉ là những vấn đề nhỏ, những vấn đề lớn khác càng nhiều; nhưng nếu chúng ta biết được những vấn đề nhỏ, thì những vấn đề lớn cũng dễ dàng hiểu rõ.

Ở trên là lược nói độ thứ nhất trong sáu độ – bố thí. Độ thứ hai là Trì giới. Điều quan trọng nhất trong Phật giáo là giới luật. Vậy giới là gì? Giới là “chỉ ác phòng phi,” chỉ ác là đình chỉ tất cả những việc ác; phòng phi là đề phòng tất cả tội lỗi sai lầm. Những gì sai lầm, không đúng gọi là “phi,” còn là đúng thì gọi là “thị.” Giới cũng tức là “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành” – tất cả việc ác đều không làm, tất cả những việc lành đều làm.

Tôi nói cho quý vị một việc: Lúc nhỏ tôi không hiểu toán, lại không biết đếm. Tại sao không biết đếm? Có tiền tôi liền cho người, trừ phi không có tiền; có một đồng cho một đồng, có hai đồng cho hai đồng, tự mình không muốn tiền. Điều này đối với người thường mà nói, thì có phải là quá ngu hay không? Mình không hiểu cách giúp đỡ mình, chỉ đi giúp đỡ người, tôi còn nhỏ thì là như thế, luôn mong muốn giúp đỡ người. Giúp người chính là làm lợi cho người, lợi người là Bồ tát phát tâm, Bồ tát phát tâm là muốn đối người có lợi ích, không phải đối với mình có lợi ích, tự mình nhẫn chịu lao khổ nhọc nhằn, chịu chút oan ức cũng được, mình không làm người bị oan ức, bị khổ. Chúng ta nên phải phát tâm như vậy, đó gọi là tâm lợi tha. Tâm lợi tha chính là tâm Bồ tát, tâm Bồ tát chính là “chúng thiện phụng hành,” tất cả việc lành đều phải làm. Chúng ta chớ nên:

“Để tính toán xem, coi mình có bị lỗ lã thiệt thòi hay không? Có bị gạt không? Có được lợi lạc gì không?”

Ví như đi mua đồ, đi đến rất nhiều tiệm, xem đồ của hãng này, xem đồ của hãng kia, rồi so

sánh:

“Giá cả của hãng này rẻ, đồ lại tốt, mình bỏ tiền ra ít.”

Vì thế nên mua đem về; mua rồi mới biết đó là một loại đồ hóa học, nhìn thì rất tốt, rất đẹp, nhưng vừa dùng không bao lâu đã hư rồi. Cho nên, tuy quý vị muốn lợi mà kết quả thì lỗ, đó là chỉ biết tính lợi ích của mình, chỉ muốn đem phần lợi về cho mình. Chúng ta cần phải vì người mà tính, không nên vì mình mà tính toán. (còn tiếp)

Sự nhận báo dài hạn, cũng như phát tâm cúng dường ủng hộ in báo Phật Pháp là góp phần hoằng dương Phật pháp, lợi lạc chúng sinh, giúp cho tờ báo liên tục phát hành.

CHÚ LĂNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Hành giả nhất tâm tu chân đế

30. Nam Mô Bà Già Bà Đế.

Thiện thần gia bị chớ sân tham.

Kê : Đa hàm không dịch Bạt Già Phạm
Tự tại sí thanh diệu đoan nghiêm
Nghe đến danh hiệu được cát tường
Trời người tôn quý đồng chiêm ngưỡng.

Giải : Bà Già Bà Đế dịch là "Bạt Già Phạm". Bà Già Bà Đế và Bạt Già Phạm là tiếng Phạn có sáu nghĩa : Tự tại, xí thanh, đoan nghiêm, danh xưng, cát tường, tôn quý. Vì có sáu nghĩa này cho nên Bạt Già Phạm trong Kinh văn hoặc trong Chú không phiên dịch. Đây gọi là "đa hàm không dịch", là một trong năm loại không dịch. Tự tại là gì ? Tức là vô tại vô bất tại. Phật thì vô tại vô bất tại. Bạt Già Phạm là một danh hiệu của đức Phật. Sí thanh là hình dung oai đức của Phật, rực sáng như lửa. Đoan là đoan chánh. Nghiêm là oai nghiêm, đây là Phật có 32 tướng, 80 vẻ đẹp, rất đoan nghiêm. Danh xưng của Phật nghe khắp cho nên chúng sinh đều biết. Bất cứ ai gặp được Phật đều đắc được cát tường, tùy tâm mãn nguyện, cát tường như ý. Tôn quý là nói mười tướng tốt của Phật, là trời người đều tôn quý trong tam giới cho nên nói "*Đa hàm không dịch Bạt Già Phạm - Tự tại sí thanh diệu đoan nghiêm.*" Ngài rất tự tại sí thanh đoan nghiêm. "*Nghe đến danh hiệu được cát tường.*" Bất cứ ai nghe đến danh hiệu của Phật đều đắc được cát tường, nơi nơi đều cát tường. "*Trời người tôn quý đồng chiêm ngưỡng.*" Trời

người đều cung kính Ngài, chiêm ngưỡng Ngài, Phật giống như mặt trời.

31. Lô Đà La Gia.

Kê : Thiên thần quyền thuộc tự tại tiên
Địa kỳ đẳng chúng đồng hộ vệ

Giải : Câu này là nói thân nhân quyền thuộc của Trời Đại Tự Tại. "*Thiên thần quyền thuộc tự tại tiên.*" Địa kỳ là nói thần thổ địa, thổ địa công, Thành Hoàng và quyền thuộc, chúng bảo hộ người tu hành, người trì Chú. "*Địa kỳ đẳng chúng đồng hộ vệ.*" Nếu hành giả nhất tâm tu hành chân đế, nhất tâm trì Chú. "*Hành giả nhất tâm tu chân đế.*" Nếu bạn tu hành thì tám vạn bốn ngàn thiện thần hộ pháp, Kim Cang Tạng Bồ Tát thường theo bảo hộ bạn, người tu hành nên nhớ đừng sinh tâm sân hận, sinh tâm tham, nếu không thiện thần hộ pháp không bội phục bạn nữa, họ sẽ nói bạn vẫn còn tâm quá nóng giận, không tu hành, họ sẽ không vui. Nếu Bồ Tát Hộ Pháp không vui thì tu hành không dễ gì, cho nên người trì Chú quan trọng nhất là đừng có tâm sân hận, tâm tham lam và tâm si mê.

32. Ô Ma Bát Đế.

Kê : Tối thắng mãnh tạt đại phong thần
Nhà xập cây ngã rất kinh người
Tam Thiên đều sợ tai nạn này
Sân hận cảm chiêu tự trầm luân.

Giải : Câu này dịch là "tối thắng", "mãnh tạt", là tên của vị phong thần (thần gió). Vị thần này khí lực rất lớn, thường thường muốn tranh thắng, rất mãnh liệt, làm việc rất nhanh. Gió có nhiều loại như gió mát, gió ấm, gió này chẳng hại người, lúc thái bình thịnh thế thì, khi thì mưa, khi thì gió, thời tiết khí hậu điều hòa.

Ô Ma Bát Đế này là chủ thần gió, có thế lực rất lớn, ra oai rất là lợi hại, nhà cửa phòng ốc đều thổi ngã xập, cây cối trốc gốc, khí lực rất mãnh liệt, cho nên nói : "*Tối thắng mãnh tạt đại phong thần.*" Ai có nóng giận tức là thần gió này trợ giúp. Cho nên

nói : “*Nhà xập cây ngã rất kinh người.*” Tôi còn nhớ trước đây hai năm, có một trận bão, làm ngã mấy cây cổ thụ ở Vạn Phật Thành. “*Tam Thiên đều sợ tai nạn này.*” Lửa thiêu đốt đến cõi trời Sơ Thiên, nước tràn ngập đến cõi trời Nhị Thiên, gió thổi tan cõi trời Tam Thiên. Cho nên có câu :

“Lục đục chư thiên cụ ngũ suy,
Tam Thiên Thiên thượng hữu phong tai,
Nhậm quân tu đáo Phi Phi Tướng,
Bất như Tây Phương quy khứ lai.”

Tạm dịch :

*Các cõi trời có năm tướng suy
Cõi trời Tam Thiên có nạn gió
Dù có đến được Trời Phi Phi Tướng
Chẳng bằng sinh về cõi Tây Phương.*

Cho nên tu hành đừng mong cầu sinh về cõi trời, vì khi hưởng hết phước báu cõi trời thì phải đọa lạc. Cõi trời lục đục có năm tướng suy hiện ra thì mạng trời đã hết, bèn sinh xuống nhân gian theo nghiệp thọ quả báo, tùy theo mình tạo nghiệp thiện, hoặc nghiệp ác mà thọ quả báo. Năm tướng suy là :

1. *Hoa trên đầu héo.* Người trời đội cái mũ được làm bằng các loại hoa rất đẹp và trang nghiêm, hoa cũng không rớt, đợi đến khi thọ mạng hết thì hoa trên mũ liền rụng và khô héo, đây là một thứ tướng suy.

2. *Y phục dơ bẩn.* Người trời mặc y phục không giống như y phục thế gian hay dơ bẩn, mỗi khi thay phải giặt. Y phục người trời mặc không cần giặt, tự nhiên sạch sẽ, họ bất tất mua bột giặt, cũng bất tất mua máy giặt đồ. Người thế gian cho rằng mình có máy giặt đồ là quá tốt, chẳng biết đó vẫn là việc vô ích. Y trời vốn không cần phải giặt, tự nhiên sạch sẽ. Nhưng năm tướng suy hiện thì y phục dơ bẩn.

3. *Thân ra mồ hôi.* Thân người trời vốn không ra mồ hôi, cho nên y phục cũng không hôi, nhưng năm tướng suy hiện thì trên thân ra mồ hôi.

4. *Thân có mùi hôi thối.* Thân người trời thường có hương thơm, mùi hương thơm tự nhiên từ trong thân tỏa ra, chẳng phải thoa son đánh phấn, sức

nước hoa như người thế gian, nhưng khi năm tướng suy hiện thì bèn có mùi hôi thối.

5. *Tâm tán ý loạn, bất an.* Người trời thường ngồi thiền nhập định, nhưng khi năm tướng suy hiện ra thì ngồi không yên, tâm ý tán loạn, không có định lực, cho nên đi đứng nằm ngồi đều bất an liền biết thọ mạng sắp hết. Nếu nghiệp thiện của họ thành thực thì đầu thai làm người giàu có, nếu nghiệp ác thành thực thì đầu thai làm nạ quỷ hoặc súc sinh, hoặc đọa địa ngục, đều không nhất định. Cho nên làm người trời có những phiền não như thế.

Khi nạn gió phát khởi thì chư thiên cõi Tam Thiên cũng hết số. Nạn gió này làm thế nào mà chiêu lại ? “*Sân hận cảm chiêu tự trầm luân.*” Vì làm người thì sự nóng giận quá lớn, tuy nhiên tu phước được sinh về cõi trời, nhưng phải thọ thứ quả báo nạn gió này. Gốc sân hận mà không đoạn trừ thì kết quả phải thọ quả báo đó.

(còn tiếp)

Quý vị nào chưa nhận được thư và báo Phật Pháp, muốn nhận xin liên lạc về Chùa.

Chú ãi Bi

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Ý nghĩa thứ sáu tôi tin các bạn chẳng có ai biết. Nếu có người biết thì nói. Tại sao chẳng có ai biết ? Vì "Ta Bà Ha" này trước kia tôi chẳng nói qua, bây giờ bắt đầu giảng. Kỳ thật, tôi cũng đã giảng qua cho các vị nghe rồi, bất quá các vị chẳng biết ở chỗ nào. Gọi là gì ? Gọi là "vô trụ", tức là "vô sở trụ", vô sở trụ ở trong "ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm" của Kinh Kim Cang. Vô sở trụ là gì ? Tức là chẳng trụ vào bất cứ cái gì, tức như thế nào cũng đều được. Đây là pháp vô vi. Vô vi mà vô bất vi ; vô trụ cũng là vô vi, vô vi cũng là vô trụ. Song, vô trụ thân tâm, thân tâm cần phải vô trụ, đừng trụ ở nơi phiền não, đừng trụ ở nơi vô minh, đừng trụ ở nơi tâm tham. Chẳng phải trụ ở trong tâm sân, đừng trụ ở trong tâm si, đừng trụ ở trong tâm kiêu mạn, đừng trụ ở trong tâm nghi hoặc. Vô trụ là kêu bạn nếu có những thứ tâm này phải mau hàng phục nó. Hàng phục rồi tức là vô trụ. Dùng gì để hàng phục ? Tức dùng Bảo Kiếm Thủ Nhân vừa mới giảng. Bạn có thể nói như vậy: Bạn nói bạn có tâm tham chẳng ? Tôi giết con ma tâm tham; có tâm sân chẳng ? Tôi chém con ma tâm sân; có ma tâm si chẳng ? Tôi giết con ma tâm si. Dùng kim cang vương bảo kiếm, tức cũng là kiếm trí huệ, hàng phục hết mọi thiên ma ngoại đạo này. Bạn muốn hàng phục thiên ma ngoại đạo thì trước hết phải hàng phục vọng tưởng của chính bạn. Nếu bạn hàng phục được vọng tưởng của bạn thì cũng sẽ hàng phục được thiên ma ngoại đạo. Nếu bạn không có vọng tưởng thì thiên ma ngoại đạo sẽ không đến; dù nó có đến cũng chẳng làm gì được. Đây là ý nghĩa thứ sáu của "Ta Bà Ha".

Những câu "Ta Bà Ha" dưới đây đều có sáu ý nghĩa này.

53. Tất Đà Dạ.

Kê : Mỹ diệu tướng hảo trang nghiêm thân
Thông đạt nhất thiết chư pháp môn

Phổ độ hữu duyên sinh Cực Lạc
Thường Tịch Quang Độ chân lại chân.

54. Ta Bà Ha.

Kê : Hàng hà sa số chư Bồ Tát
Tùng lập ngao đầu tiếu cấp cấp
Pháp hải vượng tường vô bất độ
Chúng sinh dữ ngã ly tự tha.

55. Ma Ha Tất Đà Dạ.

Kê : Phóng đại quang minh chiếu thế gian
Noãn thai thấp hoá lia đảo huyền
Cửu giới chúng sinh thành chánh giác
Thường lạc ngã tịnh phần tự cao.

56. Ta Bà Ha.

Kê : Thần thông biến hoá thuộc đệ nhất
Kim tích trượng cứu thế gian hy
Địa ngục chúng sinh mộng ân thọ
Ly chư chướng nạn phát bồ đề.

"Tất Đà Dạ Ta Bà Ha, Ma Ha Tất Đà Dạ Ta Bà Ha": Hai câu này cũng đều là tiếng Phạn. "Tất Đà Dạ": Câu đầu dịch ra nghĩa là "thành tựu đốn cát", nghĩa thứ hai là "thành biện", nghĩa thứ ba là "thành lợi", nghĩa thứ tư là "thành nhất thiết nghĩa", tất cả nghĩa đều thành; ý nghĩa thứ năm là "sở cung tán thán".

"Thành tựu đốn cát" là gì ? Vì chúng ta nhờ sức lực của Chú này nên thành tựu vui mừng tất cả mọi việc; bạn vui mừng hoan hỉ điều gì thì sẽ được điều đó. Có người nói : "Vậy tôi cũng niệm Chú Đại Bi này, tại sao tức khắc chẳng được ?" Niệm ở đây phải cần công phu tương ứng. Công phu của bạn chẳng tương ứng, cho nên chẳng thành tựu, nếu tương ứng thì sở cầu của bạn sẽ như ý, sở nguyện toại tâm. Cho nên gọi là "thành

tự đốn cát". Còn gọi là "thành biện", bạn làm việc gì thì sẽ được kết quả viên mãn. Còn gọi là "thành lợi", hay thành tựu lợi ích của bạn. Còn gọi là "thành nhất thiết nghĩa", bất cứ việc gì đều có thể thành tựu. Còn "sở cung tán thán" là mọi người đều đến khen ngợi, đều nói bạn tốt. Đây là ý nghĩa "Tất Đà Dạ Ta Bà Ha".

Câu thứ hai "Ma Ha Tất Đà Dạ Ta Bà Ha". "Ma Ha": Chúng ta đều biết là "đại" (lớn). Ý nghĩa câu Chú này hay thành tựu những sự nghiệp lớn của bạn, thành tựu những công đức lớn, thành tựu đạo nghiệp lớn; hết thảy mọi việc gì cũng đều thành tựu rất lớn.

Hai câu Chú này hợp lại gọi là "Bảo Kinh Thủ Nhãn"; bảo Kinh tức là một bộ Kinh điển quý báu, tức cũng là Pháp bảo. Bạn tu Bảo Kinh Thủ Nhãn sẽ đắc được lợi ích vô cùng vô tận. Bảo Kinh Thủ Nhãn này là Thủ Nhãn thứ ba mươi bảy trong Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn. Bạn tu Bảo Kinh Thủ Nhãn thì tương lai trí huệ của bạn có một sức trí nhớ đặc biệt tốt vô cùng.

Nếu bạn tu Bảo Kinh Thủ Nhãn thì sẽ nghe rộng nhớ tốt, cũng là quảng học đa văn. Ngài A Nan là người đa văn bậc nhất. Chắc chắn Tôn Giả A Nan đã tu Bảo Kinh Thủ Nhãn này rất viên mãn trong vô lượng kiếp quá khứ, cho nên một khi lọt qua tai thì vĩnh viễn không quên, thậm chí chẳng lọt qua tai mà Ngài đều có thể nghĩ lại. Tôn Giả A Nan sinh ra cùng ngày Đức Phật thành đạo, hai mươi tuổi xuất gia, vậy hai mươi năm trước khi Tôn Giả A Nan chưa xuất gia, Đức Phật thuyết pháp, Tôn Giả A Nan không có nghe qua, tại sao Ngài lại kết tập tất cả Kinh điển? Vì những Kinh điển trước kia Ngài chưa nghe qua thì chính Đức Phật thuật lại cho Tôn Giả nghe, cho nên Tôn Giả hoàn toàn nhớ hết Kinh điển của Phật nói. Sở dĩ Tôn Giả có sức nhớ rất tốt, chắc chắn Tôn Giả đã từng tu Bảo Kinh Thủ Nhãn này viên mãn mới có trí nhớ tốt như thế.

Có người hỏi tôi: "Làm thế nào có sức trí nhớ?" "Bạn phải tu Bảo Kinh Thủ Nhãn này, nếu bạn tu Bảo Kinh Thủ Nhãn thì sẽ có sức trí nhớ, thì sẽ có năng lực đa văn".

Chúng ta ai nhớ Kinh này rất rõ ràng thì đại khái đều có duyên với Bảo Kinh Thủ Nhãn này.

Trong họa đồ thì thấy trong tay Bồ Tát phóng quang cầm cây cờ, bạn thấy toàn thân Bồ Tát đều phóng đại quang minh. Phóng quang cũng là biểu

thị bạn khai mở đại trí huệ, trí nhớ của bạn rất tốt, đa văn, học rộng.

57. Tất Đà Du Nghệ.

Kê : Tùy loại hoá hiện độ chư thiên
Đồng sự lợi hành tiếp hữu duyên
Xả kỷ vi nhân chân vô ngã
Thệ nguyện chúng sinh thành Thánh hiền.

58. Thất Bà La Dạ.

Kê : Bồ Tát thị hiện thiên nữ thân
Nhân duyên đầu giáo chỉ mê đọa
Tuần tuần thiện dụ hối bất quyện
Từ bi bình đẳng nhiếp quần sinh.

59. Ta Bà Ha.

Kê : Tiêu tai miễn nạn trừ bệnh ma
Bảo bát diệu dụng bất khả thuyết
Toại tâm mãn nguyện thí vô úy
Yết Đế Yết Đế Ta Bà Ha.

"Tất Đà" là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "thành tựu lợi ích". "Du Nghệ" dịch ra nghĩa là "vô vi", cũng gọi là "hư không".

"Thất Bà La Dạ" dịch ra nghĩa là "tự tại". Đây là "Bảo Khiếp Thủ Nhãn", là Thủ Nhãn thứ hai mươi hai. Ý nghĩa của câu Chú này là trong tự tính lý thể của bạn tự tại thành tựu tất cả công đức. (còn tiếp)

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

Kinh : Ma-Ha Na-Già.

Luận : Ma-ha : Đại, Na : Vô, Già : Tội. A-La-Hán đã đoạn các phiền não, nên gọi là đại vô tội. Lại nữa, Na-Già hoặc gọi là long (rồng), hoặc gọi là tượng (voi). Năm ngàn A-la-hán trong các A-la-hán là tối đại lực nên nói như rồng, như voi, vì đi trong nước sức rồng là lớn, đi trên đất sức voi là mạnh. Lại nữa, như khéo điều tượng vương hay phá đại quân, xông thẳng vào không quay về, không sợ dao gậy, không sợ nước lửa, chẳng chạy chẳng lui, đến chết khôn lánh. Các A-la-hán cũng lại như thế, tu thiền định trí tuệ, hay phá ma quân và các giặc kết sử ; bị mắng nhiếc, đánh đập không hối, không giận ; già, chết, nước, lửa không sợ, không hãi.

Lại nữa, như đại long vương từ biển lớn bay lên, làm mây lớn bốc lên che khắp hư không, phóng đại điện quang, chiếu sáng trời đất, trút nước mưa lớn, thấm nhuần muôn vật. Các A-la-hán cũng lại như vậy, thiền định, trí tuệ, trong nước biển lớn ra, khởi mây từ bi, thấm nhuần cho người đáng được độ, hiện đại quang minh, hết thấy biến hóa, nói pháp thực tướng, mưa xuống lòng đệ tử khiến sinh những căn lành.

Kinh : Sở tác dĩ biện.

Luận :

Hỏi : Thế nào là sở tác ? Thế nào là dĩ biện ?

Đáp : Tín, giới, định, xả, .v.v., được các pháp lành gọi là sở tác. Trí tuệ, tinh tiến giải thoát

.v.v., được các pháp lành ấy gọi là dĩ biện, hai pháp đầy đủ gọi là sở tác dĩ biện.

Lại nữa, các phiền não có hai thứ : Một thứ thuộc ái, một thứ thuộc kiến. Thuộc ái phiền não

đoạn rồi gọi là sở tác ; thuộc kiến phiền não đoạn rồi gọi là dĩ biện.

Lại nữa, sắc pháp thiện kiến gọi là sở tác ; không sắc pháp thiện kiến gọi là dĩ biện. Nên thấy, không nên thấy, có đối, không đối hai pháp cũng như thế.

Lại nữa, pháp bất thiện vô ký rồi gọi là sở tác ; pháp lành tư duy gọi là dĩ biện. Văn, tư tuệ thành tựu gọi là sở tác ; tu tuệ thành tựu gọi là dĩ biện. Hết thấy ba pháp cũng lại như thế.

Lại nữa, noãn pháp, đính pháp, nhẫn pháp thế gian đệ nhất pháp, được rồi gọi là sở tác ; khổ pháp, nhẫn, .v.v. , các vô lậu thiện căn được nên gọi là dĩ biện. Kiến đế đạo được nên gọi là sở tác, tư duy đạo được nên gọi là sở tác ; vô học đạo được gọi là dĩ biện. Tâm giải thoát được gọi là sở tác, tuệ giải thoát được gọi là dĩ biện. Lậu tận gọi là sở tác, được cộng giải thoát gọi là dĩ biện. Trừ tất cả kết sử gọi là sở tác, được phi thời giải thoát gọi là dĩ biện. Tự lợi ích rồi gọi là sở tác, lợi ích cho người rồi gọi là dĩ biện .v.v.

Kinh : Khí đảm năng đảm.

Luận : Năm chúng thô nặng thường làm não gọi là đảm ! Như Phật nói : Thế nào là đảm ?

Năm chúng (ám) là đảm. Các A-la-hán đã trừ được đảm này, nên nói là khí đảm. Năng đảm là trong Phật pháp hai thứ công đức đảm hay đảm : tự lợi và làm lợi cho người. Các lậu hết không hối, giải thoát là tự lợi. Tín, giới, xả, định, tuệ đem công đức ấy cho người gọi là lợi ích người khác. Như thế gọi là các A-la-hán năng đảm.

Lại nữa, ví như con trâu lớn, sức mạnh, hay chuyên chở nặng. Cũng như thế, các A-la-hán được vô lậu căn, lực, giác, đạo, hay gánh vác Phật pháp, đảm đương việc lớn nên gọi là năng đảm.

Kinh : Đãi đắc kỷ lợi.

Luận : Thế nào gọi là kỷ lợi ? Thế nào gọi là phi lợi ?

Làm các pháp lành là kỷ lợi (lợi mình), còn các phi pháp gọi là phi kỷ lợi.

Lại nữa, tìn, giới, xả, định, tuệ các công đức ấy đời nay, đời sau thường được hưởng vui, hay đi tới thành cam lộ. Ba nhân duyên ấy là lợi mình, như trong tính phẩm, kệ nói :

Nếu người được tính tuệ,
Là báu tối đệ nhất.
Còn các tài lợi đời,
Chẳng kịp pháp bảo ấy !

Lại nữa, nếu người được đời nay vui, đời sau vui, ngoài ra không phải là kỷ lợi. Như kệ nói :

Đời biết hết thấy không đạo pháp,
Cùng với cảm thú có khác gì ?
Nên cầu chính trí cốt đạo pháp,
Được thoát già, chết, nhập Niết-Bàn.

Lại nữa, bát chánh đạo và quả sa-môn là kỷ lợi của A-la-hán đã đắc đạo quả, hai việc đều được nên gọi là đãi đắc kỷ lợi.

Kinh : Hết các hữu kết.

Luận : Hữu có ba loại : Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.

Nghiệp báo ở cõi dục ràng buộc gây nhân duyên để sinh ra đời sau là dục hữu. Sắc hữu và vô sắc hữu cũng thế. Ấy gọi là vi hữu. Kết có chín : Ái kết, sân khuể kết, si kết, mạn kết, nghi kết, kiến kết, thủ kết, san kết và tật kết. Hữu kết tận là các sự ràng buộc hữu lậu ở ba cõi đã hết.

Hỏi : Các A-la-hán kết sử phải hết đã lâu, được ly tất cả phiền não, hữu chẳng ưng hết, vì sao ? A-la-hán khi chưa diệt độ, nhãn căn .v.v., ngũ ấm, mười hai nhập, mười tám giới làm các hữu thành tựu vậy.

Đáp : Không đúng ! Đây là trong quả nói nhân. Như Phật nói : Người thí chủ khi cho món ăn là cho năm việc : Mạng, sắc, lực, lạc và biện. Món ăn tự nó hay không tự nó làm người ta được năm việc. Có người được ăn uống nhiều mà chết ; có người được món ăn ít mà sống. Món ăn là nhân của năm việc, nên Phật nói : Cho món ăn là cho năm việc, như kệ nói :

Đoạn ăn, chết không nghi !
Ăn ấy, chết chưa định.
Bởi thế nên Phật nói,
Cho món ăn năm việc.

Cũng như người ăn trăm cân vàng. Vàng không thể ăn được, vàng là nhân của món ăn, nên nói ăn vàng.

Phật nói : Nữ nhân làm giới cấu. Người nữ không làm giới cấu. Nhân làm giới cấu nên nói người nữ là giới cấu. Như người từ trên cao rơi chưa tới đất, nói người ấy chết. Tuy chưa chết, biết rằng hẳn phải chết, nên nói người ấy chết. Như các A-la-hán kết sử đã hết, biết rằng hẳn phải hết nên nói hữu kết hết.

Kinh : Lấy chính trí được giải thoát.

Luận : Đệ tử của Ma-Kiên-Đề Phạm Chí đem thân để trên giường khiêng đi trong thành, chợ, rao rằng : Nếu ai mắt được thấy thi hài của Ma-Kiên-Đề sẽ đắc đạo thanh tịnh, hưởng chi lễ bái cúng dàng ! Nhiều người tin lời nói ấy.

Các Tỷ-khưu thấy thế bạch Phật rằng : Lay đức Thế Tôn, việc ấy thế nào ?

Phật nói kệ rằng :

Tiểu nhân mắt thấy cầu thanh tịnh !
Như thế vô trí, vô thực đạo !

Các kết, phiền não đầy trong bụng,
Làm sao mắt thấy được thanh tịnh đạo !

Nếu mà mắt thấy được thanh tịnh,
Sao dùng trí tuệ công đức báu ?

Mắt thấy cầu tịnh không có lý,
Trí tuệ công đức mới là tịnh.

Thế nên nói chính trí đượ giải thoát.

Hỏi : Các A-la-hán sở tác dĩ biện lại không câu tiến thêm, tại sao thường ở bên Phật không đi xứ khác độ sinh ?

Đáp : Vì theo Phật mà được thành thực vô lượng công đức, biết kết sử đoạn, tìn tâm chuyển thêm nhiều nên các đại A-la-hán ở bên Phật để thụ mùi vị công đức, cúng dàng cung kính để báo ân mà ở bên Phật. Các A-la-hán vây quanh Phật, đức của Phật lại thêm tôn trọng, như dân Phạm Thiên nhiều vua trời Phạm, như các quý thần nhiều vua Tỷ-sa-môn.
(còn tiếp)

THIÊN THẤT KHAI THỊ

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Tiếp theo kỳ trước

Khuy Cơ Tổ Sư sinh vào nhà võ tướng, tính tình hào phóng, thân thể to lớn, biểu hiện nhìn lại có điểm thô hào. Tuy nhiên ăn chay cũng rất mập mập. Ngài nghe nói ở núi Chung Nam có vị Đạo Tuyên luật sư (trì giới luật rất trong sạch) tinh tấn tu hành, nghiêm trì giới luật. Đức hạnh cảm động đến chư thiên hàng ngày dâng thức ăn cúng dường. Vị luật sư này đầy đủ bốn đại oai nghi cho nên : "Hành như phong, lập như tùng, tọa như chung, ngọa như cung". Nghĩa là đi như gió thoảng, đứng thẳng như cây tùng, ngồi thẳng như đại hồng chung, nằm tư thế cát tường như cung gương bắn. Ngài ăn một bữa, trì giới thanh tịnh. Chư thiên hướng về Ngài cầu phúc báo, cho nên mỗi ngày đem thức ăn cúng dường Ngài.

Khuy Cơ Tổ Sư nghe được tin tức này, khởi một ý niệm, hy vọng có thể thưởng thức món ăn mùi vị của chư thiên, cho nên liền đến chỗ Đạo Tuyên Luật Sư. Quy cụ trong Phật giáo, nếu người xuất gia có cúng dường, tất nhiên phân chia cùng hưởng. Ngày đó chưa đến giờ ngọ thì, Khuy Cơ Tổ Sư đã đến núi Chung Nam. Đến chỗ lều tranh của Ngài Đạo Tuyên Luật Sư ở, nói rõ nguyên nhân đến. Đạo Tuyên Luật Sư biểu thị hoan nghênh, cùng nhau phân hưởng thức ăn của chư thiên. Nhưng ngày đó cho đến tối cũng không thấy ai mang thức ăn đến cúng dường. Khuy Cơ Tổ Sư rất thất vọng trách cứ Đạo Tuyên Luật Sư. Đạo Tuyên Luật Sư giữ giới luật, không có vấn đề gì hết.

Tối hôm đó ở trong lều tranh của Ngài Đạo Tuyên Luật sư, cả hai đều yên lặng. Khuy Cơ Tổ Sư không lâu liền ngủ, ngáy vang như sấm, làm Đạo

Tuyên Luật Sư khó có thể chịu đựng được. Tâm nghĩ : "Tu hành gì vậy, ngủ li bì còn ngáy như sấm, ồn ào khiến tôi không thể chuyên tâm tĩnh tọa, phải sớm biết như vậy, không lưu ở lại!". Đạo Tuyên Luật Sư tiếp tục ngồi thiền, đột nhiên cảm thấy trên thân có chỗ ngứa, lấy tay gãi chỗ

ngứa thì gãi rớt xuống hai con rệp. Vì giữ giới không sát sinh, nên bắt bỏ xuống đất, lại tiếp tục ngồi thiền.

Sáng sớm ngày mai, Đạo Tuyên Luật sư không vui vẻ, trách Khuy Cơ Tổ Sư: "Ngủ gì mà ngáy vang như sấm, tư cách tu hành một chút cũng không có, còn quấy nhiễu tôi không thể tĩnh tọa, vậy có tư cách làm luận sư chăng?". Khuy Cơ Tổ Sư đáp : "Ngài đêm qua, trên thân ngứa, gãi làm rớt hai con rệp xuống đất, tuy nhiên không có giết chúng, nhưng một con gãy mất một chân, còn một con bị rớt xuống chết. Con bị rớt chết, xuống chỗ vua Diêm Vương kiện Thầy, nói Thầy phá giới làm rớt nó chết. Tôi vì thầy mà biện bạch rằng thầy vô tâm làm lỡ chết con rệp đó".

Đạo Tuyên Luật Sư nghe rồi, cảm thấy thật là cảnh giới bất khả tư nghì. Vị Đại Sư này ngủ ngáy như sấm, mà lại biết sự việc trên thân mình gãi rớt có hai con rệp. Khuy Cơ Tổ Sư không đợi chư thiên đem thức ăn cúng dường. Ngài rời khỏi núi Chung Nam, trở về Trường An.

Trưa ngày đó, chư thiên đem thức ăn đến. Đạo Tuyên Luật sư hỏi chư thiên : "Sao hôm qua không mang thức ăn đến?". Chư thiên lập tức quỳ xuống đáp : "Hôm qua con y chiếu thời gian mang đến cúng dường, nhưng thấy hào quang màu vàng rực rỡ chiếu sáng ngoài bốn mươi dặm, chiếu sáng đến nỗi không cách chi nhìn thấy rõ đường phía trước", con hỏi thần thổ địa : "Đây là duyên cơ gì?". Thổ địa nói : "Có một vị nhục thân Bồ Tát đến lều tranh của Thầy", hào quang sáng rực, cho nên con không cách chi mang cơm đến cho thầy được. Hôm nay hào quang hết rồi, con mới có thể mang thức ăn đến.

Đạo Tuyên Luật Sư nghe rồi, sinh tâm đại sám hối. Sám hối mình gặp được nhục thân Bồ Tát mà không biết, mà còn phản trách Bồ Tát ngủ ngáy như sấm. Từ đây về sau Đạo Tuyên Luật Sư nỗ lực tu hành, trở thành sơ tổ Luật sư ở núi Chung Nam, soạn cao tăng truyện lưu truyền cho tới ngày nay.

Trong các vị, ai là nhục thân Bồ Tát thì có thể ngủ, nếu không phải thì nỗ lực tu hành. Không thể lãng phí thời gian. Trong thiền đường này, mọi người phải đề khởi tinh thần tham thoại đầu "niệm Phật là ai?".

Những người tham gia trong thiền đường này phẩm lưu tham tạp (đủ hạng), có thể hỗ tương mượn quang (nuông với đại chúng, nhờ sức đại chúng). Người nào thiếu quang minh thì mượn quang minh người khác chiếu một chiếu. Người có quang minh thì phóng đại quang minh, chiếu phá hết thủy đen tối. Đen tối tức là ngu si. Quang minh tức là trí huệ, người có trí huệ phải giúp đỡ người tu hành ám độn.

Thời đại mật pháp, tâm người không như xưa. Học điều xấu thì dễ, học điều hay thì khó. Học tập Phật pháp thì trong tâm nghi hoặc, thường điên đảo thị phi.

Thời đại chánh pháp thì giải thoát kiên cố, người người đều chứng quả.

Thời đại tượng pháp thì thiên định kiên cố. Hiện nay là thời đại mật pháp, là thời đại đấu tranh kiên cố. Trước thời kỳ đấu tranh kiên cố là đa văn kiên cố. Hiện tại giữa người với người đấu tranh với nhau.

Thời đại mật pháp này mà chúng ta có nhiều người học tập chánh pháp, tham thiền đả tọa, không sợ khổ, dụng công tu hành cũng là cảnh giới bất khả tư nghì. Cảnh giới bất khả tư nghì là từ trong sự thống khổ bất khả tư nghì mà luyện thành. Cho nên chúng ta phải đề khởi tinh thần tinh tấn tu hành, tác chiến triệt để mới mong thành công.

Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu đời thứ 37, Ngài là sơ tổ của tông Quy Ngưỡng, người ở Phước Châu Trường Khê. Tính họ Triệu. Ngài sinh ra khác với người thường. Lúc thiếu thời, đi chơi du hí với bạn thì thích đọc Kinh, lễ Phật làm tiêu khiển. Cho nên một số người gọi Ngài là "tiểu hòa thượng".

Một ngày nọ, Ngài chơi trong Chùa, làm công quả, lễ Phật. Trong hư không bỗng xuất hiện một đám mây cát tường, đoàn khí vây quanh không tan. Nhạc trời tấu trên không, có chân thân của Phật trong mây cát tường năm sắc, lúc ẩn lúc

hiện, khiến nhiều người đều thấy hiện tượng kỳ lạ này. Mọi người đều cho rằng đó là điềm lành.

Lúc đó không biết từ đâu có một vị lão nhân đầu tóc bạc phơ đến, bèn nói với mọi người rằng : "Đây là mười phương chư Phật hiển Thánh, cho nên hiển hiện mây cát tường. Đứa trẻ này thực là con Phật. Tương lai nhất định khiến cho Phật giáo phóng đại quang minh". Nói xong gảy móng tay bốn lần rồi biến mất không để lại tông tích.

Đứa trẻ đó đến mười lăm tuổi thì liền đến Chùa Phước Châu lạy Pháp Thường Luật Sư làm thầy. Cạo đầu xuất gia, chuyên tu khổ hạnh. Mỗi ngày siêng năng làm việc. Công việc làm rất nhiều so với các chú Sa Di khác. Chịu cực, chịu khổ, không giải đãi cũng không phóng dật. Lúc hai mươi tuổi thì đến Chùa Long Hưng ở Hàng Châu thọ giới. Lúc đó Ngài theo một vị đại thiện tri thức học giới luật. Sau đó đến núi Thiên Thai tu hành tại chùa Quốc Thanh.

Trên đường đi gặp Hàn Sơn Đại Sư nói với Ngài rằng : "Gặp đàm thì dừng, gặp quy thì trụ". Ngài nghe rồi, suy gẫm mấy câu trên. Đến chùa Quốc Thanh, hướng về Thập Đắc Đại sư thỉnh giáo mấy câu trên có ý nghĩa gì ? Thập Đắc Đại Sư dạy Ngài từ từ dụng công tu hành, tương lai có ngày sẽ hiểu. Từ đó Ngài với Thập Đắc Đại Sư sớm tối tương xú, tham thiền thập định.

Khoảng 23 tuổi thì Ngài đến Tùng Lâm của Bách Trượng Thiền sư. Ngài quản lý chức vụ nhà bếp. Trong Chùa người nấu cơm gọi là phạn đầu (người nấu cơm). Người trách nhiệm đốt lửa gọi là hỏa đầu. Người trách nhiệm nấu trà gọi là trà đầu. Người trách nhiệm nấu nước gọi là thủy đầu. Bất cứ ai công việc bận rộn Ngài đều giúp đỡ, không có tâm phân biệt. (còn tiếp)

NIỆM QUÁN THẾ ÂM TRONG TỰ TÁNH

Hoà thượng Tuyên Hoá

Nay chúng ta chuyên tâm một lòng niệm Ngài Quán Âm Bồ Tát, vậy ta cũng phải niệm Ngài Quán Âm trong tự tánh của chúng ta. Chúng ta phải nghĩ rằng ở bên ngoài có cái gì, bên trong cũng có cái đó, như ở bên ngoài có Quán Thế Âm Bồ Tát thì bên trong cũng có Quán Thế Âm Bồ Tát. Bởi vậy, khi niệm Ngài Quán Âm thì ta phải làm sao niệm cho trong và ngoài là một, không phải hai.

Trong tự tánh của chúng ta, đã gồm đủ mọi đức tánh của vô lượng chư Phật đông như số cát sông Hằng, cho nên khi miệng niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, thì trong lòng cũng phải chí thành tha thiết, mọi tạp niệm đều chẳng sanh, mọi vọng niệm đều dứt bật, và chỉ nhất tâm chuyên chú vào niệm. Không mong ước điều gì, không tham một sự gì, cũng chớ nên có ý nghĩ: "Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để làm gì?" Phải coi việc niệm Quán Thế Âm Bồ Tát chính là một tự tánh bản phận.

Chúng ta niệm đến trình độ "niệm mà chẳng niệm, chẳng niệm mà niệm," đó là cảnh giới tự tánh Quán Thế Âm hiện tiền, kết thành một khối, quên người quên mình, như vậy còn chỗ nào là phiền não nữa? Còn chỗ nào là vô minh? Đến cảnh giới vô ngại tự tại thì đại viên kính trí sẽ hiển lộ, bình đẳng tánh trí sẽ hiện tiền, rồi diệu quan sát trí cũng như thành sở tác trí đều đầy đủ. Có đủ bốn trí, nhưng chỉ mới tới giai đoạn đầu, bởi trong bốn trí còn trăm ngàn vạn loại khác nhau tùy theo từng giai đoạn. Chẳng phải mới thấy các trí xuất hiện mà cho rằng chúng cùng với bốn trí của chư Phật là giống nhau. Bất luận ở giai đoạn nào, tới được quả vị nào, thứ bậc không phải nhất loạt ngang nhau.

Người tu hành phải hiểu rõ ý nghĩa "sai một ly đi một dặm," phải tự nhắc mình dụng công đi đúng hướng, tránh rẽ ngang, khỏi đi vào bàng môn ngoại đạo, và làm vào tình trạng tà tri tà kiến. Phải luôn luôn giữ chánh tri chánh kiến, tức chánh niệm mới hiện tiền.

Chúng ta niệm Quán Thế Âm Bồ Tát tức là niệm Quán Thế Âm Bồ Tát của chúng ta chớ không

phải niệm Quán Thế Âm Bồ Tát của người khác. Thế nào gọi là Quán Thế Âm Bồ Tát của ta? Chính là ta với Quán Thế Âm Bồ Tát là cùng một thể, niệm như vậy, nghĩa là ta cũng có đức từ bi, cũng có hỷ xả của Quán Thế Âm Bồ Tát, và cũng đầy đủ "bảy nạn, hai cầu," cũng ba mươi hai ứng thân như Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát.

SÁU CON ĐƯỜNG VÀO CỬA PHẬT

Hoà Thượng Tuyên Hoá Giảng ngày 23/8/1987
tại Giáo Hội Đại Học Thánh Hà Tây, Mỹ Quốc

Các vị thiện tri thức ! Mọi người tụ hội tại Giảng đường này, đối với Phật giáo nhất định có hứng thú. Người có hứng thú, đối với Phật pháp nhất định có sở liễu giải. Nhưng còn có một vài bước đầu vào cửa.

Vì tình hình như vậy, tôi giảng Phật pháp rất nông cạn. Tuy nhiên nông cạn, nếu bạn chân thật hành thì rất cao thâm khó dò được. Nhưng tôi trước phải nói thẳng với các vị, vì những gì tôi nói ra sẽ có chỗ người không cao hứng. Để các vị có tâm lý chuẩn bị. Chỗ đoán xứ của tôi là gì ? Thì khi thuyết giảng, người người không muốn nghe. Tuy nhiên người không muốn nghe, tôi vẫn cứ muốn nói, mọi người nếu không có tâm lý chuẩn bị, sợ đến lúc chịu không được thì phải chạy mất !

Tại sao những lời tôi nói, người không muốn nghe ? Vì ai ai cũng thích nghe lời hay ý đẹp. Nhưng tông chỉ của tôi là : "Người bỏ thì tôi giữ, người giữ tôi cũng vậy", không tranh với người. Do đó những lời người không muốn nói, thì tôi kiểm lại nói, những gì người muốn nói thì tôi để họ nói. Không biết bạn hoan hỉ hay không ? Đây là tông chỉ của tôi. Tôi nguyện đối trị mao bệnh của con người. Ai có mao bệnh gì tôi đều nói ra, mà phần đông không thích nghe những mao bệnh. Vậy cứu kính thì người người có mao bệnh gì ? Đó là bệnh ích kỷ, bệnh ích kỷ này toàn nhân loại đều phạm. Nếu người không có tâm ích kỷ thì thế giới không có vấn đề gì hết, người người đều đại công vô tư, chí chánh bất phiền, vì nhân quần mưu phước lợi. Nhưng bạn tìm trên thế gian này, loại người như thế có được bao nhiêu ? Lời tôi nói tuyệt đối

chính xác, tuyệt đối không phải uốn nắn tạo tác, nhưng không có người thừa nhận.

Không những phạm mao bệnh ích kỷ, người người còn phạm mao bệnh tranh, tham, hướng ngoại truy cầu, tự lợi và nói dối. Có người nói : "Hoà Thượng, Ngài giảng những thứ này tôi sớm đã hiểu rồi, nhưng tôi không tranh, người khác tranh ; tôi không tham, người khác tham ; cho đến tôi không nói dối, người khác cũng nói dối. Sao Ngài kêu tôi và người từ bỏ ? Người người tức nhiên làm như thế, tôi cũng làm như thế với họ !". Tôi hỏi bạn : "Nếu như những người này đều đi vào cầu tiêu, bạn cũng đi vào cầu tiêu với họ chẳng ? Cho đến tương lai họ đều biến thành trùng phấn (trùng trong phân) bạn cũng muốn theo họ chẳng ? Trên thế gian đều phạm những mao bệnh không ngoài tranh, tham, cầu, ích kỷ, tự lợi, vọng ngữ. Nhất là vọng ngữ, người người đều cảm thấy thiên công địa đạo là tiền vốn của họ. Một ngày mà họ không nói dối thì cảm thấy ăn không ngon, ngủ không yên, nhất định phải làm cho được họ mới yên vui".

"Hoà Thượng ! Những lời Ngài nói hoàn toàn không hợp". Nếu như bạn đem lương tâm bạn ra, tâm công bình chánh trực lại suy xét, những lời của ta là tối hợp toàn thế giới. Đề mục của chúng ta hôm nay là "Phật giáo nhập môn" (Vào cửa Phật). Từ chỗ nào mà vào ? Tức là từ sáu con đường ở trên. Người có sáu đường luân hồi. Nếu đi trên sáu con đường "Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói dối" này, thì nhất định sẽ đạt đến Bồ Đề. Đây là con đường thành Phật phải đi qua. Mỗi người muốn học Phật, trước hết phải giảm bớt sáu tật bệnh này. Tôi không thể kêu bạn lập tức dừng tranh, tham, cầu, ích kỷ, tự lợi, vọng ngữ, nhưng bạn phải làm giảm bớt, ngày càng ít thì càng gần Phật. Nếu mỗi ngày càng tăng thì rời Phật càng ngày càng xa !

Tại sao tôi nói với các vị những lời như thế ? Vì từ khi tôi sinh ra thì đi trên con đường này. Đây là con đường dài đằng đằng, đến nay còn chưa đi hết. Cho nên tôi muốn bày ra, đem kinh nghiệm và tâm đắc của tôi nói với mọi người, tin hay không tin đều do bạn. Nhưng tôi cảm giác rất có nhân duyên với các bạn, tôi xem các bạn từ vô

lượng kiếp đến nay đều là cha mẹ tổ tiên, chư Phật vị lai. Người nam là cha ta, người nữ là mẹ ta. Chúng ta có một phần tinh thần bất khai. Do đó tôi không thể không nói lời thật, không biết các bạn nghe hay không, đây là thiên thức của tôi, trách nhiệm của tôi.

Mọi người nắm vững sáu đại tông chỉ này thì trên con đường này lái xe cũng tốt, lái thuyền cũng tốt, đi máy bay cũng tốt, thậm chí đi bộ cũng tốt, mọi sự đều thuận lợi, cát tường như ý. Nhưng phải thêm dầu, thêm nhiên liệu. Trên thân của bạn đã có sẵn nguyên khoáng, không cần tìm kiếm bên ngoài. Nhiên liệu là cái gì ? Tức là đừng nóng giận, nếu không nóng giận thì trên sáu con đường này tơ hào không có tai nạn, đều bình an, bạn muốn đi đến đều an toàn đạt được mục đích. Muốn đến Thiên đường, liền đến Thiên đường tái kiến Chúa Giê Su ; muốn đến Phật quốc, liền đến Phật quốc gặp Phật Di Đà, Phật Thích Ca. Toại tâm sở nguyện mà không vượt ngoài khuôn phép. Tóm lại, bạn muốn đi trên sáu con đường này thì đầu tiên đừng có tâm sân hận.

"Hoà thượng, ngài càng giảng càng không hợp lý !". Không khẩn cấp lắm, bạn nghe không hợp thì học từ từ sẽ hợp. Nếu không biết thế nào là không hợp thì làm sao biết thế nào là hợp ? Thử nghĩ xem, trẻ con càng ngày càng lớn, cây cũng càng ngày càng cao lớn. Từ chỗ không hiểu, từ từ học rồi sẽ hiểu.

Cho nên tuy nhiên nói sự hiểu biết của tôi không nhiều, nhưng cũng không ít !

Cái hiểu biết mà tôi hiểu là gì ? Tức là nhiều thiệt thòi, không lợi dụng người ta. Nếu bạn thật minh bạch rồi thì biết thiệt thòi tức là được lợi, được lợi tức là thiệt thòi. Có người hỏi một vị thiện tri thức rằng : "Ăn chay đáo để thì có lợi ích gì ? Không ăn chay đáo để thì bất lợi chỗ nào ?". Thiện tri thức đáp : "Bạn ăn chay là người sống thiệt thòi, không ăn chay thì chết rồi thiệt thòi." Ý nghĩa như thế nào ? Ăn chay thì người sống thiệt thòi, vì chưa thể tràn đầy sự thềm muốn đồ ngon, không thể hưởng phước khẩu vị. Nhưng nếu không ăn chay, ăn rất nhiều thịt, chết rồi thì phải đến âm phủ tính sổ. Đến thời thì tính xem bạn một đời ăn bao nhiêu thịt heo ? Bao nhiêu thịt bò ? Nếu trong thân thể rỉ ra nhiều thành phần thịt heo thì đầu thai làm heo ; nếu rỉ ra nhiều thành phần thịt bò

thì đầu thai làm bò. Phải xem hăng xương của bạn là lỗ vốn ? Hay là lời ? Nếu lỗ vốn thì đầu thai làm heo, làm dê, làm bò đi trả nợ. Nếu lời, vì lúc còn sống thì bạn không ăn thịt chúng sinh, nên không mắc nợ chúng, chết rồi thì không có liên quan gì với chúng.

"Hoà thượng, những lời ngài nói khiến tôi không vui vẻ !" Tôi nói những lời thật, cho nên bạn không vui, vậy thì bạn có thể đi nghe những lời giả dối. Bây giờ bạn không muốn nghe. Đợi tương lai chết rồi mới ăn năn sao sớm không nghe tôi khuyên, nhưng đã quá muộn màng !

Bằng lương tâm của tôi nói lời thật với các bạn, mọi người đừng nên tham ngon miệng, tham hưởng thụ, chết rồi thì sẽ không bị lừa.

"Bất cứ bạn nói gì, tôi cũng không thể đảm đang cho bạn !" Vậy thì tốt, bạn tự lo liệu, cũng không sai ! Chân lý thì ai ai cũng không dễ gì tin. Vì con người u mê quá sâu nặng. Không ai muốn tin, cũng không muốn nghe. Bất quá thì pháp như thế. Nếu ai ai cũng tin chân lý thì mọi người sớm đã thành Phật, không thể có nhiều chúng sinh như thế.

Bây giờ thì nói về ý nghĩa chữ nhục (thịt). Có bài kệ rằng :

*"Trong chữ thịt có hai người,
Người bên trong chiếu người bên ngoài,
Chúng sinh lại ăn thịt chúng sinh,
Nghĩ kỹ thì người ăn người".*

"Trong chữ thịt có hai người". Một người ở trong bụng (người bị ăn, đời nay làm súc sinh, thịt bị người nuốt vào bụng) ; một người ở bên ngoài, thực ra chữ thịt vốn là từ chữ khẩu mà ra, nhìn xem người này ra hay là vào ? Có người nghe tôi nói như thế, cho rằng kỳ diệu. Đương nhiên ! Nếu như hiểu rõ kỳ diệu thì không thể trôi nổi trong biển nghiệp.

"Người bên trong chiếu người bên ngoài". Một người đang ăn thịt thì cảm giác quá ngon, còn người bị ăn thì cảm giác quá khổ. Người ăn thịt và người bị ăn chẳng ai biết ai. Cho nên người ăn thịt cảm giác thịt rất thơm ngon. Người bị ăn thì cảm giác khổ vô cùng. Đây là đạo lý mạnh hiếp yếu. Miếng thịt bị bạn nuốt vào bụng, chỉ tiếc rằng linh hồn không còn nữa. Không thể chạy được,

nếu không, nó nhất định sẽ chạy ra khỏi miệng của bạn.

"Chúng sinh lại ăn thịt chúng sinh". Kẻ mạnh thì ăn kẻ yếu. Tạm thời không nói đến vấn đề ăn thiếu hay không ăn thiếu. Mọi người nghĩ xem, chúng ta đều thương mạng sống, tại sao lại muốn đoạt mạng kẻ khác để duy trì mạng sống của mình ? Có người nói "Vật dưỡng nhơn, con vật sinh ra để cho chúng ta ăn". Vậy cũng có thể nói ngược lại "Nhơn dưỡng vật". Con người cũng có thể làm môi cho loài thú. Ví như sài lang, hổ báo gặp gỗ và cũng muốn ăn thịt chúng ta ? Thì các bạn nghĩ sao ?

"Suy nghĩ kỹ thì người ăn người". Tôi cho các bạn ăn thịt tôi, mọi người có thể ăn, nhưng bạn không dám ăn. Vì sao ? Vì tôi không phải heo, mà là người. Nếu mọi người cho tôi ăn thịt các vị tôi cũng không muốn ăn, vì mọi người cũng là người, cho nên không thể hổ tương cắn nuốt. Khi nào cải đầu đổi mặt, không nhận ra thì mới ăn. Tục ngữ có câu : "Những gì mình không muốn thì đừng cho người khác". Hiện nay, người lại nói rằng : "Những gì mình không muốn hãy thí cho người khác". Cho nên họ đi ăn thịt mà lương tâm không hổ thẹn. Tôi hỏi mọi người : Bạn ăn hay không ăn tôi ? Mọi người không muốn ăn, vì tôi là người. Nếu không phải người, thì hổ tương ăn với nhau cũng không biết chùng. Vì tôi không muốn người ăn tôi thì tôi nhất định không ăn người. Tôi không muốn người ăn tôi nhưng tôi ăn người, bạn nói như vậy có đạo lý chăng ?

Mọi người nghe rồi hãy phân tích xem, phải đạo thì tiến, trái đạo thì lùi ; thiện thì theo, không thiện thì sửa, nếu cảm thấy vô dụng thì hãy quên đi ; nếu cảm thấy hữu dụng thì vĩnh viễn đừng quên những lời nói trên.

BỐN LOẠI PHƯỚC ĐỨC

Việt dịch : Diệu Hạnh

Lúc đức Phật còn tại thế, có một vị trưởng giả tên là Âm Duyệt, nhà rất giàu có, không có điếm nào đáng phàn nàn trừ một điều là tuổi đã cao mà

chưa có đứa con trai nào, nên từ sáng đến tối ông cứ rầu rầu nét mặt.

Nhưng nhờ thiện căn đời trước nên một hôm, liên tiếp bốn loại phúc đức cùng đến với ông trong một lúc. Đó là : thứ nhất vợ ông sinh được một cậu con trai kháu khỉnh xinh xắn không ai bì kịp ; thứ hai trong chuồng ngựa có vô số ngựa trắng đều đồng thời sinh sản rất nhiều ngựa con khỏe mạnh ; thứ ba, ông được vua phái người tới tận nhà phong thưởng chức tước ; thứ tư, những chiếc tàu buôn ông gởi ra nước ngoài tìm kho tàng đều về tới bến, thành công mỹ mãn.

Vị trưởng giả hoan hỉ vô cùng, ông nghĩ rằng đó là do chư thiên ban phúc cho mình nên phải tập họp gia tộc lại, làm một bữa tiệc cỗ cao lương mỹ vị cúng tế, tạ ơn lòng tốt của chư thiên.

Lúc ấy đương nhiên rất nhiều thiên vương cùng bát bộ thiên long và người cõi trời rải rác trong hư không, thấy vị trưởng giả phúc đức đầy đủ như thế, đều âm thầm tán thán. Đức Phật Thích Ca, cũng vì đời trước có chút nhân duyên nên cũng đến trước cửa nhà trưởng giả nói kệ cát tường :

Phúc đức trở mạnh mẽ

Niềm vui tới một lúc

Do phúc đức đời trước

Nay đến lúc thành thực.

Âm Duyệt trưởng giả nghe pháp âm vi diệu của đức Phật Thích Ca, mừng rỡ chạy ra ngoài cửa cung kính lễ bái mà nói :

Ngài là vị xuất gia được cả pháp giới này tôn kính bậc nhất, phúc tuệ song toàn nên độ hóa được chúng sinh trong cả mười phương thế giới ! Hôm nay biết trước nhà tôi có may mắn vô hạn nên Ngài tới tận đây mà tán dương, lòng tôi thật vô cùng cảm kích !

Nói xong, bèn đem ra những tấm thảm nhung trắng loại thượng hảo hạng ra cúng dường Phật. Đức Phật tiếp nhận rồi bèn chú nguyện cho ông và còn từ bi khai thị rằng :

Trên thế gian này, ngay trong bản thể của tiền tài vốn đã bị năm loại tai nạn nguy hiểm chi phối, nhưng người ta không biết cái đạo lý này nên cứ mong cầu không chịu biết đủ, tính toán chi li, đến khi chết đồng xu nhỏ cũng không mang theo được. Tiền tài như thế chỉ đem lại phiền não cho

chúng ta mà thôi. Hôm nay nếu trưởng giả dùng cái tiền tài bất an ấy để bố thí cúng dường thì sau này phúc đức và chuyện vui nào cũng sẽ theo nhân duyên đó mà đến với ông.

Trưởng giả hỏi :

Năm tai nạn nguy hiểm ấy là gì ?

Đức Phật trả lời :

Thứ nhất là không biết trước sẽ bị lửa thiêu cháy lúc nào ; thứ hai là đề phòng nạn bão lụt không kịp ; thứ ba là bị quan quyền dùng áp lực tịch thu mà không làm sao kháng cự ; thứ tư là sinh con bất hiếu tiêu phí khánh tận gia sản ; thứ năm là đạo tặc vô tình cướp đoạt. Trong số năm tai nạn trên, bất cứ tai nạn nào xảy ra, gia sản cũng sẽ bị tổn thất ngay. Thí dụ nếu có một người phạm tội với quan quyền, thì không những bất cứ của cải nào của họ cũng bị tịch thu mà có thể còn bị giam cầm trong lao tù, cho đến cả bị xử tử nữa cũng không chừng ! Lúc ấy, người đó làm cách nào để chống chọi hay bảo vệ tài sản cho được an toàn đây ? Lại nói, kiếp trước có một người đã từng bố thí 7 lần, nhưng mỗi lần bố thí xong là đều vô cùng hối hận tiếc rẻ. Do không bố thí với tâm chí thành nên sau đó, người ấy tuy có vô số tiền của, nhưng cũng bị phá sản 7 lần.

Trưởng giả nghe thế, sinh tâm chí thành bố thí một cách hoan hỉ. Đức Phật nói xong cũng tức khắc quay trở về núi Kỳ Xà Quật.

Đồng một lúc ấy có một vị ngoại đạo tên là Bất Lan Ca Diếp, nghe nói đức Phật chỉ thuyết có một câu kệ cát tường mà được vô số thềm nhưng trắng, bèn sinh tâm ganh tị, tìm cách bắt chước làm thử. Nhưng ông không biết nói kệ nên đến xin đức Phật dạy cho. Đức Phật biết trước trưởng giả Âm Duyệt trong tương lai sẽ mất hết tài sản lần phúc đức trong cùng một lúc, nên dùng lời khéo léo để khuyên can ngoại đạo, nhưng người này cho rằng đức Phật không chịu dạy cho mình nên cứ theo kèo nài năn nỉ mãi. Đức Phật có đại thần thông, thấy nhân duyên kiếp trước của Bất Lan Ca Diếp, biết nghiệp chướng không thể tránh được, nên nói với đại chúng tại chỗ rằng : "Tôi không tránh được, có nợ phải trả". Rồi Ngài nói lên bốn câu kệ cát tường dạy cho Bất Lan Ca Diếp.

Không lâu sau, trưởng giả Âm Duyệt đã mất hết tài sản trong một trận hỏa thiêu, rất nhiều ngựa con cũng chết cháy trong cùng một lúc, đứa con trai quý bất hạnh yếu mệnh, đồng thời có người ganh ghét sàm tấu ông với vua, nên bao nhiêu

chức vị được phong thưởng ngày nào nay đều bị tước lại. Chưa hết, những con tàu ông gởi đi kiểm kho tàng đều bị bão tố lật úp, cả vốn lẫn lời đều chìm sâu trong biển cả.

Đúng lúc ấy Bất Lan Ca Diếp hồ hởi phấn khởi đến trước nhà trưởng giả, mạnh miệng đọc to lên những câu kệ cát tường. Trưởng giả đang phiền não không có chỗ để phát tiết, đột nhiên nghe những câu kệ cát tường, ngỡ rằng Bất Lan Ca Diếp cố ý chọc tức mình, nổi giận mặt mày đổi màu từ trắng ra xanh, bất chấp hết thảy, thuận tay tóm lấy cây gậy dựng ngay bên cửa đánh Bất Lan Ca Diếp một trận túi bụi. Đáng thương cho Bất Lan Ca Diếp, trong thoáng chốc bị đòn nên thân, cả người bầm tím mang đầy thương tích, bò lê bò cào đau đớn trở về nhà. Nhưng tuy vậy vẫn chưa tỉnh ngộ, cứ ngỡ rằng tại đức Phật không chịu dạy kệ cho rõ ràng !

Lúc ấy đức Phật đang ở vườn trúc La Duyệt Tri thuyết pháp, ngài nói với đại chúng rằng :

Bất Lan Ca Diếp hôm trước tới đây đòi ta dạy cho kệ cát tường, ta khuyên can mà không nghe, hôm nay lại đặng đó bị đả thương rồi !

A Nan hỏi đức Phật :

Bất Lan Ca Diếp và vị trưởng giả kia có nhân duyên gì với nhau mà bị quả báo ấy ?

Đức Phật nói :

Đó là tại có một nhân duyên rất lâu xa về trước, thời ấy có một ông vua tên là Âm Duyệt. Một hôm vua đang ngủ trưa, thì có một con chim anh vũ bay lên trên mái cung đình mà hót, tiếng hót nghe rất cảm động. Vua nghe nó hót vừa ngạc nhiên vừa vui mừng, bèn hỏi người xung quanh rằng : "Đó là loại chim gì, sao nó hót nghe cảm động đến thế ?" Người xung quanh đáp "Có một con chim kỳ diệu, mới bay tới hót ở trên mái cung đình". Vua nghe thế, sai rất nhiều người đi lùng kiếm nó ở khắp mọi nơi. Lùng mãi rồi cuối cùng cũng bắt được, vua vui mừng không kể xiết, bèn dùng ngọc châu cơ, thủy tinh, lưu ly, trân châu, san hô, anh lạc v.v.. rất nhiều châu báu như thế làm lồng cho nó ở, từ sáng tới tối giữ nó mãi bên mình không chịu lia xa. Về sau có một con chim khác tên là mộc điều, thấy thế bèn hỏi chim anh vũ rằng :

Làm sao mà bạn được sung sướng tột cùng như thế ?

Anh vũ đáp :

Tôi tình cờ hót chơi giải buồn trên mái cung đình, vua nghe được cho rằng nghe cảm động, nên sủng ái tôi như thế.

Chim mộc ganh tức nói :

Tôi có thể hót hay hơn bạn !

Lúc vua sắp ngủ trưa, chim mộc bèn bay trước cung đình hót râm rĩ, vua giật mình tỉnh giấc, rón tóc gáy, nổi giận hỏi người xung quanh : "Tiếng gì nghe rùng rợn như thế ?" Người xung quanh đáp : "Đó là con chim mộc đang hót trước cửa". Vua chưa nguôi giận, lập tức ra lệnh bắt nó vật lông và đánh cho một trận rồi mới thả về. Chim mộc bò ngả bò nghiêng trở về tổ, có rất nhiều chim khác thấy tình trạng của nó như thế thì kinh hoàng hỏi nguyên do, chim mộc không những không chịu nhận sự thật mà còn oán trách chim anh vũ mà nói với đồng loại rằng :

Tại con chim anh vũ tôi mới ra nông nỗi này !

Đức Phật ngừng một lúc rồi lại nói tiếp :

Âm thanh hay có thể đem lại phúc đức, âm thanh dở thì đem đến tai họa. Chim mộc tự làm hại lấy mình mà còn giận lây chim anh vũ. Vị vua thuở ấy chính là trưởng giả Âm Duyệt ngày nay, chim mộc là Bất Lan Ca Diếp trong quá khứ đã ganh tị với chim anh vũ nên bị đánh đập đau đớn, kiếp này cũng lại ganh tức với Phật, cũng lại bị nạn gây gộc, chính vì cái tâm ganh tị thiêu đốt mà không chịu hối cải !

A Nan hỏi đức Phật :

Trưởng giả Âm Duyệt đời trước làm công đức gì mà lại được bốn loại phúc báo, và tại sao bây giờ phúc đức ấy lại bị tiêu mất ?

Đức Phật trả lời :

Trong đời trước, lúc còn trẻ, Âm Duyệt tin phụng Phật Pháp, chí thành cúng dường thánh chúng nguyện xin cho được giàu có. Quả nhiên về sau được như nguyện, nhưng khi cưới vợ rồi thì bất hạnh đâm ra đam mê tửu sắc, khinh mạn Tam Bảo. Đã thế còn không có tâm từ bi, không gieo trồng thiện căn, vì thế phúc báo của ông ta tan đi như bóng trăng đáy nước, hoa đóm trong không, biến mất trong nháy mắt.

Sau đó, thật đáng thương, sẽ bị vô hạn thống khổ bức bách, chịu tận cùng khổ báo rồi mới tiêu trừ nghiệp chướng được.

Tánh, Thức, Ý, Tâm

Hoà thượng Tuyên Hoá

"Không bị ngoại cảnh chi phối, đó chính là tu hành. Bị ngoại cảnh chuyển, tức là đọa lạc".

Hỏi : Tánh, thức, ý và tâm khác nhau như thế nào ?

Đáp : Như đứa con nít mới sinh ra đời rất là vô tư, không có quan niệm gì về mình, về chúng sinh, về thọ mạng, thì đó cũng ví như là "Tánh." Khi đứa con nít biết được làm sao để bú sữa mẹ thì đó ví như là "Thức". Sau khi uống sữa mẹ, lại biết mặc áo, không mặc áo thì cảm thấy lạnh, biết hở thẹn; rồi cảm thấy đói, khát, lạnh, nóng, thì giai đoạn đó ví như là "Ý." Cho tới khi lớn lên, lúc đó lại muốn cái này cái nọ, đó là có "Tâm" vậy. Đây là bốn thứ tâm, nhưng cũng có thể nói là một, chúng nó hỗ tương quan hệ không thể phân ly được, vì cùng một nhà. Tuy là bốn danh từ khác nhau nhưng bản tánh lại là một. "Nghiệp" là hậu quả căn bản mà chúng tạo nên.

Bây giờ nói rộng ra một chút, thế nào gọi là "Phật." "Tánh" tức là Phật. Thế nào là Thần ? "Thức" của mình tức là thần. "Ý" là tâm phân biệt và "Tâm" là sự suy nghĩ vọng tưởng. Bản "Tánh" thì lúc nào cũng quang minh sáng suốt, không có mình, không có người, không có rơi vào số lượng. Nhưng khi có "Thức" rồi thì rơi vào danh số, rớt vào phân biệt. "Ý" cũng là sự phân biệt, cũng gọi là thức thứ sáu. Thức này so ra thì rất vắn đục. Ngược lại thức thứ bảy và thức thứ tám thì thanh tịnh một chút. Thức có tám loại: mắt, mũi, tai, lưỡi, thân, ý là sáu thức đầu, cộng thêm thức thứ bảy và thức thứ tám. Bản thân của thức thì không phải là tám cái mà vì trên mặt danh từ nên phải phân làm tám. Nhưng nói một cách tổng quát thì chỉ là một, một nhưng lại có tám cương vị khác nhau. Tuy có tám cương vị khác nhau nhưng vẫn do một thức chi phối khổng chế. Tám mà một, một mà tám. Tám không ngại một, một không ngại tám. Từ nơi một sinh ra tám, từ nơi tám thấu hội thành một, đó gọi là thức.

"Ý" tức là tâm phân biệt của mình, tức là thức thứ sáu. "Tâm" không những phân biệt mà đầy đầy vọng tưởng. Trong sáu thức đầu có thể nói là loại có tánh tri giác, là do nơi lục căn phát sáu thứ tri giác đó. Sáu căn tức là : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý; phát xuất ra thấy (thị giác), nghe (thính

giác), ngửi (khứu giác), nếm (vị giác), sờ (xúc giác), hiểu (tri giác). Con người tạo tội nghiệp là ở nơi sáu căn đó, tu hành cũng từ nơi sáu căn này. Nếu không bị ngoại cảnh chi phối thì đó chính là tu hành. Nếu bị cảnh giới bên ngoài làm cho xoay chuyển thì tức là đọa lạc.

Le Sutra Du Merveilleux Dharma De La Fleur

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

Mais si oui ou non vous vous agenouillez et prosternez devant le Bouddha.

Pourquoi ai-je instauré cette règle ? Si je ne l'avais pas instaurée alors lorsque j'accepterais des disciples, ils seraient constamment en train de se battre et me rapporteraient leurs stupides raisonnements. Je n'aurai pas de temps à perdre pour juger leur stupidité. Comment les pratiquants de la voie peuvent-ils s'énerver ainsi ? Ils n'en ont pas le droit. Si en tant que maître, vous vous mettez en colère contre vos disciples c'est encore admissible. Mais se fâcher contre ses semblables c'est inadmissible.

La patience est une pierre inestimable
Que peu de gens savent comment en tirer profit
Mais si vous pouvez la dompter
Tout mène à bien

Si vous avez maîtrisé la patience, alors tout va bien. Si vous ne l'avez pas maîtrisée, tout va mal.

4. La quatrième perfection est celle de la vigueur. L'été dernier, un de mes disciples parlait de la vigueur et maintenant il est devenu vigoureux parce qu'il est venu assister à la conférence sur les maladies.

Il y a deux types de rigueur : la vigueur du corps et celle de l'esprit :

La vigueur du corps réside dans les prosternations devant des Bouddhas, la récitation des Sutras, et des Mantras, la pratique assidue de la voie sans repos, dormant peu aussi. Il n'est pas facile d'être un moine. Vous ne pouvez pas dormir toute la journée. La vigueur pendant le jour et la vigueur pendant la nuit. Ceux qui s'y appliquent sérieusement avec beaucoup d'endurance ne jouent pas la comédie devant les autres. Ils cultivent toujours vigoureusement que ce soit en présence de quelqu'un ou non. Ils pratiquent pour eux-mêmes comme ils pratiquent un jeu. Ils doivent être vigoureux.

5. La cinquième perfection est le Samadhi du Dhyana. Ceci fait référence à la qualité de l'étude de la méditation du Dhyana.

La perfection de la vigueur mentale se situe dans la concentration constante. La vigueur mentale est la pratique assidue des préceptes, du Samadhi de la sagesse et de l'éradication de la cupidité, de la haine et de la stupidité, expulsant toute pensée d'avidité, de haine et de stupidité de votre cœur. Alors une fois que l'esprit vigoureux, vous pouvez cultiver l'étude de la méditation du Dhyana. Celle-ci a besoin de l'aide de la vigueur. Si vous n'êtes pas vigoureux, c'est comme si vous faites chauffer un objet au soleil pendant une journée et ensuite vous le faites geler pendant dix jours. Autrement dit vous ne devez pas être celui qui aime le lotus aujourd'hui demain aime la fleur de santal, vous ne devez pas être capricieux. Si vous faites chauffer une chose au soleil pendant un jour. Et ensuite vous la faites geler pendant dix jours ? Ce serait absolument inutile.

En chinois, les deux mots suivants sont équivalents.

Cultiver un jour (hsin)

Se reposer un jour (hsiu)

Vous n'obtiendrez jamais le Samadhi du dhyana de cette manière.

6. La sixième perfection est le Prajna. Le Prajna est la plus importante des perfections. De façon rudimentaire, il veut dire la sagesse. En cultivant la voie on doit avoir la sagesse. Sans la sagesse, il est impossible de cultiver, pratiquer le bouddhisme. Les gens stupides peuvent cultiver et essayer de s'améliorer, mais ils aboutissent nulle part. Ceux qui ont de la sagesse peuvent s'harmoniser avec n'importe quelle situation parce qu'ils ont le vrai Prajna.

Du Bambou vert,

Et des fleurs jaunes.
Aucun n'est le Prajna,

Tout est une manifestation de la sagesse. Par exemple, un de mes disciples m'a rapporté ces paroles d'un autre disciple, « chaque fois qu'il me parle, il m'insulte », qui insulte-t-il ? C'est stupide d'accepter cette insulte. Si vous étiez intelligent, si vous aviez de la sagesse, vous ne l'auriez pas acceptée, si vous ne l'acceptez pas, donc l'insulte lui retournerait. Dans le Sutra DES QUARANTE DEUX SECTIONS, il a été dit qu'une fois, quelqu'un insultait le Bouddha, mais Bouddha ne lui répondit pas, il lui dit seulement : « vous m'insultez mais je ne vous réponds pas et ainsi l'insulte vous retourne.

De même si vous essayez de cracher vers le ciel, le crachat retombera sur votre propre visage. Alors quand il vous insulte faites comme s'il vous chante une chanson ou bien comme si vous n'y comprenez rien parce qu'il parle japonais, chinois ou français. Ainsi, il n'y aura aucun problème.

Il s'agit de la vraie sagesse. Si vous le comprenez et vous pensez qu'il vous insulte ! « Alors vous savez bien qui vous êtes ? Alors que les Bodhisattvas n'ont pas la réalité du soi, des autres, des êtres vivants ou d'une existence. Comment pourraient-ils avoir un égo ?

Ceux qui ont renoncé à la vie de la famille, doivent spécialement surtout jeter leur personnalité dans l'océan Pacifique. Débarrassez-vous en ! N'ayez plus votre moi et tout ira bien.

Ceci a fait l'objet de la discussion de la cinquième des sept qualités d'un Mahasattva, qui cultive la grande conduite, c'est à dire, les six perfections (Paramitas) et les dix mille conduites.

Nous avons parlé des sept qualités d'un Mahasattva et discuté sur les cinq premières qui complétées avec des grandes racines, aboutissent à la grande sagesse, les Mahasattvas croient au grand Dharma, comprennent le grand principe et cultivent la grande conduite.

Dans la pratique de la grande conduite, nous avons parlé des six perfections. Les dix mille conduites se révèlent dans plusieurs pratiques. En réalité, il n'existe pas seulement dix mille, mais quatre vingt quatre mille. Cependant, à cause de la limitation du temps, nous ne pouvons pas toutes les détailler.

Maintenant, nous discutons des trois phases de la pensée.

Les Bodhisattvas détruisent les trois phases

de la pensée,

Et dénonce les quatre réalités.

Ils balayent les trois phases de la pensée comme il balaye les débris sur le plancher. Quelles sont ces trois phases de la pensée ?

Elles sont :

1. La pensée passée,
2. La pensée présente,
3. La pensée future,

Qu'est ce que la pensée passée ? C'est la pensée qui est déjà passée. Elle est dans le passé.

La pensée présente : vous pouvez dire, « c'est le présent » mais au moment même où vous la formulez, cette pensée est déjà écoulée et devient le passé. Le présent ne reste pas, elle s'écoule inexorablement dans le passé. L'instant présent est fugitif. Le passé s'est déjà écoulé. Il se change en passé. On ne peut pas saisir une pensée présente qui n'existe pas.

Et la pensée future ? La pensée future n'est pas encore arrivée, puisqu'elle n'est pas arrivée, où allons nous la trouver ? Ainsi on dit, « la pensée passée ne peut pas être obtenue, la pensée présente ne peut pas être obtenue, la pensée future ne peut pas être obtenue. » Si ces trois phases : Passée, présente et future de la pensée sont absolument insaisissables.

A quoi bon s'y attacher ? Quand il n'y a plus d'attachement, c'est la libération, c'est la vraie liberté.

Les Bodhisattvas cultivent aussi les quatre méthodes de la conversion :

1. Le don
2. La parole aimable
3. La serviabilité
4. La coopération.

Les Bodhisattvas doivent toujours être prêts à donner, à faire des dons de richesse, de Dharma et du courage à tous les êtres vivants comme cela a été discuté au-dessus. La parole agréable : Les Bodhisattvas doivent pratiquer la parole bienveillante. Seuls les Bodhisattvas sont capables de prononcer des mots bienveillants, ceux qui ne sont pas des Bodhisattvas ne peuvent pas le faire. Cette bienveillance dans chaque parole prononcée par les Bodhisattvas vient de la compassion qu'ils nourrissent et qui prend source de l'affection. Ils sont compatissants envers tous êtres vivants. Comment sont-ils devenus

compatissants ? Les Bodhisattvas ne connaissent plus leur ego. Non seulement ils considèrent tous les êtres vivants comme identiques à eux-mêmes, mais ils se voient aussi identiques à tous les êtres vivants, voire même formant une seule unité. Ils ne font pas de distinction entre lui et moi » ainsi ils aiment sauver les êtres vivants parce que pour eux cela revient à se sauver eux-mêmes, adressant à tous les êtres vivants des paroles prévenantes et obligeantes.

La serviabilité: tout être vivant agit toujours au profit de leur intérêt, mais vous, vous devez les faire bénéficier, les aider dans leurs affaires, il y a plusieurs façons d'aider les autres : mais en général, les Bodhisattvas agissent toujours au profit des autres.

La coopération : Les Bodhisattvas peuvent se changer en une multitude d'aspects corporels. Lorsqu'ils rencontrent un être vivant, ils réfléchissent quelle forme ils devront adopter pour les sauver. Ils se métamorphosent à volonté pour enseigner, par exemple, Bouddha Sakyamuni en pratiquant la voie du Bodhisattva, s'est changé en un cerf pour enseigner et sauver le cerf.

En pratiquant la voie du Bodhisattva, vous devez pratiquer ce qui est impraticable, même si c'est extrêmement difficile, telle est la voie du Bodhisattva. Ils doivent abandonner ce qui est difficile à abandonner, renoncer, à ce qui est difficile à renoncer. Par exemple abandonner les richesses c'est extrêmement difficile – telle est la voie d'un Bodhisattva.

Vous devez subir ce qui est difficile à subir, endurer ce qui est difficile à endurer. C'est le devoir de celui qui pratique la voie du Bodhisattva. Ce qui est difficile à donner, vous devez donner. S'il est difficile de donner dans une situation donnée, vous devez être capable de le faire quand le moment de donner arrive, même si c'est très difficile.

Je dis souvent : Vous devez manger ce que les autres ne peuvent pas manger et supporter ce que les autres ne peuvent pas supporter.

« Manger ce que les autres ne peuvent pas manger » ne signifie pas se précipiter sur toute la bonne nourriture avant que les autres aient le temps d'y toucher.

Ça ne veut pas dire non plus qu'on profite de tous les plats les plus délicieux et raffinés que les autres n'ont jamais connus. Mais cela veut dire qu'on

accepte toutes les nourritures, même celles que d'habitude, les gens détestent. Les Bodhisattvas peuvent manger toutes ces nourritures.

Je vais vous raconter une anecdote, je ne suis pas un Bodhisattva, mais je peux manger les aliments que les autres n'aiment pas manger. Lorsque j'avais dix sept ans, en Mandchourie. Il existait un groupe de gens qui pratiquaient exclusivement la voie, la vertu, la justice, l'humanité. Je me joignais au groupe à l'âge de seize ans quand j'avais dix sept ans je devins le maître enseignant principal de ce groupe dont l'effectif s'élevait à soixante ou soixante dix personnes. J'étais très jeune et les étudiants étaient des femmes ou des hommes dans leur quarantaine, cinquantaine ou soixantaine, nous préconisions l'épargne et l'économie au point que nous mangions même la peau des pommes de terre. Les gens jetaient d'habitude les peaux, mais comme nous suivions la voie de la vertu et nous mangions ce que les autres n'aimaient pas manger. Alors je dis aux étudiants « quand vous mangez les pommes de terre, ne les pelez pas. (à suivre)

LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

4. La réalisation d'un hôte.

Vous devez avoir aussi un hôte pour enseigner le Dharma. Si, par exemple, vous voulez écouter les Sutras, vous devez trouver quelqu'un pour vous les expliquer. Cependant, si vous deviez demander à un de vos "Maîtres du Dharma" américains (les laïcs utilisent cette appellation pour désigner eux qui ne sont pas convertis en moines) de vous les expliquer, vous constaterez que vous pouvez aussi bien les expliquer vous-même. Vous avez déjà compris ce qu'ils vous expliquent. C'est pourquoi vous devez trouver un hôte qui soit capable de vous enseigner le Dharma. C'était pour cette raison que vous m'avez tiré hors de ma tombe. En réalité, je suis connu comme "le moine dans la tombe", mais vous m'avez fait sortir pour vous expliquer et enseigner les Sutras.

Qui est l'hôte du Sutra ?

Le Bouddha Sakyamuni enseignait le Sutra Shurangama. Donc il est la réalisation d'un hôte.

5. La réalisation d'un lieu.

Une fois qu'il y a un hôte pour enseigner le Dharma, alors tout est prêt pour que le Dharma soit enseigné, n'est-ce pas ? Demandez-vous.

Non, vous avez encore besoin d'un lieu pour expliquer les Sutras.

Et le parc ? Il est assez grand. Nous pourrions nous y installer.

Cela pourrait se faire pendant un jour ou deux, mais le troisième jour, les autorités nous en empêcheraient. C'est un parc public, diraient-ils, vous n'avez pas de droit de vous en servir. Alors vous devez trouver un lieu convenable pour accomplir la réalisation d'un lieu.

6. La réalisation de l'auditoire.

Finalement, il doit y avoir un auditoire pour écouter vos explications du Sutra, vous ne pouvez pas expliquer à les tables et les chaises, peuvent-

ils écouter ? Non. Un auditoire est donc nécessaire.

Pour le Sutra Shurangama, le lieu se trouve au Bosquet de Jeta dans le Jardin du Bienfaiteur des

orphelins et du solitaire dans la ville de Shravasti où demeuraient le Bouddha et ses disciples.

Dans ce Sutra, l'auditoire est composé de grands Bhikshus et de Bodhisattvas.

Quand Ananda dit : Ainsi j'ai entendu, le je fais allusion au soi hypothétique du Bodhisattva. On peut dire qu'il y a quatre sortes de soi :

1. Les gens ordinaires ont un soi attaché basé sur leur attachement au corps.
2. Les religions non-bouddhistes parlent d'un soi divin. Je suis Dieu, disent-ils.
3. Les Bodhisattvas suivent les traditions générales et ont un soi hypothétique.
4. Les Bouddhas ont le vrai soi du corps du Dharma.

La personne ordinaire considère son corps comme son véritable soi. En réalité, le corps n'est qu'une demeure temporaire, comme un hôtel. Vous pouvez vivre dans un hôtel pendant un certain temps mais vous devrez finalement le quitter. Vous ne pouvez pas y rester éternellement. Les gens ordinaires ne comprennent pas ce principe. Ils pensent : Mon corps c'est moi. Et ils font des efforts pour bien le nourrir et le vêtir. Ils cherchent des plaisirs pour le distraire. Ils veulent une belle maison et de beaux alentours. Ils sont préoccupés à bien s'habiller, bien manger et bien vivre, à sortir leur sac de peau puant.

Le corps humain est simplement un sac de puanteurs. Vous ne le croyez pas ? De vos yeux suintent une substance grasse sale. Vos oreilles secrètent du cérumen sale aussi. Le nez est plein de mucus impur et la bouche pleine de salive et de phlegme sales. Si vous ne brossez pas vos dents pendant trois jours, votre haleine dégage des exhalaisons ! Si vous ne vous lavez pas pendant quatre jours, votre corps commence à puer et si vous transpirez, au bout d'un ou deux jours vous puez déjà. Les excréments et l'urine sont aussi sales. Les impuretés sont constamment déchargées des neuf orifices du corps : des yeux, des oreilles, des narines, de la bouche, de l'anus et de l'urètre. Elles sont toutes puantes. Qu'est-ce qu'il y a d'attrayant dans ce corps ? Vous pouvez l'habiller splendidement, le parfumer, être son esclave tous

les jours en mettant du rouge à lèvres et le poudrer comme font souvent les femmes tout cela uniquement pour satisfaire une fausse coquille : le corps. Que soit la bonne nourriture, elle se transforme toujours en excréments. Embellir le corps est juste comme embellir des toilettes avec des beaux matériaux. Quelle que soit l'élégance de la décoration, les toilettes sont toujours un lieu pour déposer des choses impures. Diriez-vous que l'intérieur d'un corps est propre.

Dites-moi, qu'y-a-t-il de si beau dans ce corps ? Quand arrive le moment de mourir il ne vous garde aucun sentiment. Il ne dira pas : Vous avez été si bon envers moi, je vivrai quelques jours supplémentaires pour vous aider. Il ne peut absolument agir ainsi. Alors, est-il gentil ce corps ? Après tout ? Non. La personne ordinaire s'attache à son corps et le prend pour lui-même. C'est mon corps, dit-elle. Vous me frappez ! Je ne peux pas admettre cela ! Comment osez-vous m'insulter ?

Au fond, qui êtes-vous ? Vous ne savez même pas qui vous êtes et cependant vous dites que les autres vous insultent ou vous frappent. Vous ne reconnaissez pas votre visage originel et pensez que ce corps en chair et en os est moi. L'esprit et la nature de soi sont le vrai soi, mais vous ne les avez pas trouvés, vous ne pouvez pas les voir. Vous ne les connaissez pas assez pour les chercher. Vous assumez votre responsabilité dans toutes vos activités tout en restant esclave de votre corps.

Si votre principal souci est de vous approprier toujours la meilleure parité, vous ne comprenez pas le sens de la vie. Celui qui nourrit cette pensée, dans l'esprit ne pourra jamais se comporter. Vous êtes préoccupé par votre propre intérêt ignorant tout autour de vous. C'est pourquoi je ne suis jamais préoccupé par moi-même. Mais au contraire toujours voué au service d'autrui. Si les gens veulent mon aide, je la leur donnerai, indifférent aux circonstances.

Les religions non-bouddhistes parlent d'un soi divin. Que veut dire ce soi divin ? Ils disent : c'est Dieu. Le "soi" renferme plusieurs sens, mais on ne peut pas en discuter en ce moment.

Qu'est-ce que le soi hypothétique du Bodhisattva ? Ananda dit : "Ainsi j'ai entendu". Ananda est pourtant éveillé. Au moment où il nous rappelle les paroles du Bouddha il a déjà atteint l'état d'Arhat donc il n'avait plus son moi. En disant "j'ai entendu", il suivait simplement les coutumes de l'époque en assumant un moi

hypothétique pour être compréhensible aux gens ordinaires qui ont un moi attaché.

Les Bodhisattvas n'ont pas un "soi" caractéristique. Ils reconnaissent-le soi attaché ordinaire du corps comme faux et ils cherchent le vrai soi de la nature. C'est à partir du faux soi que vous pouvez arriver au vrai soi, parce que si vous reconnaissez le faux vous pourriez trouver le vrai. Car si vous êtes incapable de reconnaître le faux, comment pouvez-vous trouver le vrai ? Pourquoi étudions-nous le Bouddhadharma ? C'est parce que nous voulons chercher le vrai principe. Pourquoi cherchons-nous le vrai principe ? Parce que nous savons que tout ce qui existe en ce monde est faux et que nous voulons trouver la vérité dans la fausseté. Quel est le vrai soi de la nature que cherche le Bodhisattva ? C'est le Bouddha illuminé. Le Bouddha est le vrai soi. Avant d'atteindre l'état de Bouddha, votre "moi" est faux. Le Bodhisattva sait que le soi est faux, mais un profane dit : "Vous dites que le soi est faux mais quand je le regarde, pour moi il est excellent. Il est fort, grand, bien proportionné et beau. Vous pouvez dire qu'il est faux mais moi je pense qu'il est réel." Comme il ne peut pas le voir profondément, il ne peut pas admettre cette vérité, par conséquent il ne peut pas devenir vraiment indépendant.

L'expression "j'ai entendu" indique la réalisation de l'audition. Mais vous pouvez dire : "Les oreilles entendent". Pourquoi ne dit-on pas "ainsi les oreilles entendent", au lieu de "ainsi j'ai entendu" ?

Mais non les oreilles ne peuvent pas entendre. Elles ne sont que des organes de l'audition. Ce qui entend réellement c'est la nature, qui est éternellement présente, qui entend et ce qui était entendu c'était le Dharma qui est "ainsi".

Quel Dharma est "ainsi" ? Demandez-vous.

C'est le Sutra Shurangama que le maître du Dharma Paramiti avait écrit sur la soie pure, puis caché dans une incision qu'il s'est fait à son bras, afin d'apporter en Chine, puis traduit en chinois et qui était venu maintenant en Amérique où il sera traduit en anglais. Ce sont les paroles enseignées par Bouddha qu'Ananda avait personnellement entendues puis transmises en Chine. Ananda n'avait pas inventé tout cela. Mais c'était le Dharma que le Bouddha avait enseigné.

Tous les Sutras que le Bouddha avait enseignés débutent par les quatre mots "ainsi j'ai entendu".

Il existe quatre raisons pour cela. La première c'est :

1. Dissiper les doutes de l'assemblée.

Après l'entrée au Parinirvana du Bouddha le temps était venu pour compiler les Sutras. Ananda montait sur un siège haut placé pour enseigner le Dharma. Il manifestait immédiatement l'apparence méditative et restait assis là pendant environ cinq minutes sans parler. Une fois entré dans le Samadhi, son apparence ressemblait à celle du Bouddha. Il était aussi doté de trente-deux signes parfaits et de quatre-vingt marques de beautés d'un Bouddha. Il émettait de la lumière et faisait trembler la terre. La grande assemblée de disciples se mirent immédiatement à formuler les trois doutes suivants :

a. Certains pensaient que le Bouddha Sakyamuni était revenu à la vie parce qu'ils voyaient qu'Ananda avait pris les mêmes traits parfaits du Bouddha. Ils probablement avaient tellement pensé au Bouddha au point que leur esprit s'assombrit c'est pourquoi ils s'empressaient de tirer cette conclusion.

b. Certains pensaient que la raison pour laquelle Ananda avait maintenant des traits parfaits, était qu'Ananda avait lui-même atteint l'état de Bouddha.

c. Certains pensaient que c'était un Bouddha venu d'une autre région. "Ce n'est pas le Bouddha Sakyamuni, et Ananda n'est pas devenu un Bouddha", se disaient-ils. "Mais peut-être c'est un Bouddha venu du nord, du sud, de l'est ou de l'ouest, ou d'une des dix directions."

Mais dès qu'Ananda disait : "Ainsi j'ai entendu", les trois doutes de l'assemblée furent immédiatement dissipés.

La deuxième raison pour laquelle les Sutras débutent par les mots "Ainsi j'ai entendu" c'est :

2. Pour honorer l'enseignement du Bouddha.

Quand le Bouddha fut sur le point d'entrer dans le Parinirvana, il annonça la nouvelle à ses disciples ceux-ci commencèrent à pleurer. Ananda cousin du Bouddha pleurait le plus fort. Il poussait des sanglots et pleurait au point que son visage fut baigné de larmes. Enfin, le Vénérable Aniruddha s'approcha de lui et dit : "Ne pleurez pas. Vous ne pouvez pas pleurer. Puisque le Bouddha est sur le point d'entrer dans le Parinirvana, allez lui demander ce que vous devriez faire après son départ."

"Quelles choses devrais-je demander ?" Dit Ananda.

Le Vénérable Aniruddha répondit : "Dans le futur, les Sutras devraient être compilés. Vous devriez demander par quels mots faudrait-il débiter. Deuxièmement, continua Aniruddha : Jusqu'à maintenant, nous avons vécu avec le

Bouddha. Après son départ, où vivrons-nous ? Demandez cela au Bouddha. Troisièmement, nous considérons Bouddha comme notre maître et nous nous refusions en lui, après son départ dans le Parinirvana, qui devrions-nous prendre pour notre maître ? Nous devrions avoir un bon maître pour nous guider. Quatrièmement, quand le Bouddha était de ce monde, il pouvait discipliner et faire soumettre les Bhiksus de mauvais caractères. Après le départ du Bouddha qui pourrait s'en occuper ? Comment les traiter ? Il est absolument nécessaire maintenant d'aller voir Bouddha et lui poser ces quatre questions.

Ananda acceptait la recommandation. Il alla voir le Bouddha et lui demanda : "Tant que Bouddha est encore de ce monde, vous êtes notre maître. Après votre départ dans le Parinirvana, qui sera notre maître ?"

Le Bouddha répondit : "Prenez les règles (disciplines) pour votre maître. Les Bhiksus et les Bhikshunis devraient respecter observer les règles, les considérer comme votre maître".

"Quand le Bouddha était de ce monde, nous vivions avec le Bouddha, dit Ananda. Quand le Bouddha sera parti dans le Parinirvana, où devrions-nous vivre ?"

"Quand le Bouddha quittera ce monde, vous devriez vivre dans les quatre contemplations de la conscience, répondit le Bouddha. Les quatre contemplations de la conscience sont : Méditez que le corps est impur, que les sensations sont : des souffrances, que la pensée est non-permanente, que tout Dharma comme étant sans soi. Si vous méditez que votre corps est impur, vous ne l'aimerez plus. Si vous méditez que les sensations sont des souffrances, vous ne serez plus avides de plaisir. Si vous savez que les pensées sont non-permanentes, vous ne vous y attachez plus lorsqu'elles surgissent dans votre esprit. Quels sont les Dharmas sans soi. Les cinq skandas ou cinq agrégats (la forme, la sensation, la perception, les activités psychiques et la conscience) sont dépourvus du soi. (à suivre)

LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Mantra : 2. SU CHYE DWO YE

Poème :

Ne venant pas, ne s'en allant pas, l'image
d'une fleur dans un miroir.
Pas de vide, ni de forme, l'image du clair de
lune dans l'eau.
Séparé de la poussière, coupé des réalités où
est-ce qu'on est ?
Ajoutant une tête sur le haut d'une tête c'est
d'être comme Yajradatta.

Commentaire :

La deuxième phrase du Mantra est SU CHYE DWO YE, traduit comme le Tathagata, celui qui vient ainsi. Pourquoi appelle-t-on : "Celui qui vient ainsi" ? C'est parce qu'il vient de nulle part, ne s'en va nulle part..

Cependant, il est appelé "celui qui vient ainsi". Il semble qu'il vient et pourtant il semble qu'il ne vient pas. Ainsi il vient ; ainsi il ne vient pas.

Ne venant pas, ne s'en allant pas, l'image d'une fleur dans un miroir.

Venant de nulle part, s'en allant nulle part, telle une fleur réfléchie dans un miroir. Et vous me demandez d'où viennent ces fleurs réfléchies dans le miroir ? D'où vient la réflexion ? et, où va t elle ? Ni le vide ni la forme, l'image de la lune dans l'eau, la lune dans l'eau n'a aucune substance propre. C'est juste une réflexion qui apparaît dans l'eau.

Séparé de la lumière, coupé des réalités, où vit-on ? Vous devez quitter toute souillure, vous séparer de tout attachement je vous demande ce qui peut vous attacher ? Soyez libre de tout attachement. S'il n'y a pas de substance, à quoi pouvez vous vous attacher ? Ajoutez une tête au-dessus d'une tête vous ressemblez à Yajradatta, n'imitiez pas Yajnadatta. Un matin, il se réveilla et se regarda dans le miroir et

s'exclama, « Eh ! Il y a une tête dans ce miroir, et où est ma propre tête ? » Il pouvait voir une tête dans le miroir et se demanda pourquoi il ne pouvait pas percevoir sa propre tête. Alors il se précipita dans les rues et demanda à tout le monde qu'il rencontra, « avez vous vu ma tête ? » Les gens n'avaient aucune idée de ce qu'il disait. Voyez comme c'est

merveilleux ? Si vous ajoutez une tête au-dessus de la votre.

Là vous ressemblez à Yajradatta. Ne soyez si embrouillé, si idiot.

Mantra : 3. E LA HE DI.

Poème :

Digne de recevoir les vraies offrandes des gens
et des dieux afin de semer les bénédictions,
nourrir la sagesse.

La réponse apparaît clairement.

La cause et l'effet se perfectionnaient, on a
accompli

D'innombrables actions.

C'est pourquoi il est nommé : roi grandement
illuminé.

E LA HE DI c'est un mot sanscrit, traduit comme « Digne d'Offrandes ».

Digne de recevoir de vraies offrandes à la fois des gens et des dieux, cela désigne celui qui devrait recevoir les offrandes des gens et des dieux. Semant des bénédictions, nourrissant la sagesse, la réponse pénètre donc, si vous semez des bénédictions et développez la sagesse. Si vous êtes sincère, vous aurez ce que vous voulez, c'est à dire, la réponse pénètre ». Vos désirs sont exaucés. Quand la cause et l'effet atteignent la perfection, vous acquerez d'innombrables pouvoirs surnaturels, quand vous pratiquez jusqu'à ce que les causes soient complètes et les fruits soient pleins, alors vous acquerez d'innombrables pouvoirs surnaturels, c'est pourquoi, il est appelé : roi grandement illuminé, grand seigneur illuminé. Si vous ne me croyez pas, essayez-le.

Mantra : 4. SAN MYAU SAN PU
TWO SYE.

Poème:

A la trésorerie de la clarté dans l'espace
vide et le monde du Dharma,

Au seul Honoré absolument sage dans
les dix directions et durant trois périodes,

Je retourne, je me réfugie dans la vraie
nature,
La connaissance persuasive et l'illumination,
dans la merveilleuse salle du Dharma.

Commentaire : SAN MYAU PU TWO SYE traduit comme « la propre connaissance persuasive et l'illumination ». Il n'y a rien qui ne soit inconnu, mais cette connaissance est personnelle, rien qui ne soit incompris, mais cette compréhension est personnelle, rien qui ne soit pas vu, mais cette vue est personnelle. SYE, veut dire « intégrité ». L'implication est qu'il n'y a rien qui ne soit pas incompris et que ce qui est compris s'étend à l'infini. L'intégrité veut dire qu'à travers les dix directions et les trois périodes du temps, tous les Bouddhas sont inépuisables et éternels. L'intégrité peut aussi être expliquée comme épuisable et fini, parce qu'elle englobe toutes les choses à travers l'espace vide et le monde du Dharma.

La doctrine du Bouddha peut expliquer tous les Dharmas existant dans le monde car elle contient tous les principes. Il n'est pas nécessaire de s'attacher à une voie fixe, parce qu'il n'y a pas de Dharmas fixe. Alors la syllabe, SYE se réfère aux trois joyaux inépuisables et éternels du Bouddha, du Dharma et du Sangha.

Donc la syllabe SYE veut dire : prendre refuge auprès du trésor du Bouddha, qui est éternel à travers les dix directions et les trois périodes du temps.

La trésorerie de l'éclat dans espace vide et le monde du Dharma, des Bouddhas s'étendent jusqu'à l'infini de l'espace vide, et le monde du Dharma. Que sont-ils ? Cette trésorerie de l'éclat. L'éclat représente la sagesse. Le seul honoré grandement sage dans les dix directions et les trois périodes du temps, doué d'une grande sagesse est un Bouddha donc un Bouddha a une grande sagesse. Vers la vraie nature, je retourne ma vie. Je veux faire offrande de ma vie au grand Bouddha du sommet infiniment à travers le monde du Dharma, la vraie nature du Bouddha.

La propre connaissance persuasive (subtile) et l'illumination, remplissent la merveilleuse salle du Dharma, le Bodhimanda du Bouddha. Le mot "merveilleux" ici, a le sens de "éternel" autrement dit : une merveilleuse salle du Dharma qui s'étend jusqu'à l'infini !

Mantra : 5. NAM MWO SA DAN
TWO.

Poème :

Croyant en un saint enseignant et seul honoré
doublement parfait,
Donnant le dedans et le dehors est d'imiter le
seul capable de l'humanité attaché à rien est le
confort et l'aise.

Dans la libération du savoir et des
connaissances,

Il n'y a plus le moi ni des autres.

Commentaire : C'est la cinquième ligne du Dharma, une autre NA MWO SA DAN TWO.

Croyant au saint enseignement et au seul honoré doublement parfait, NA MWO veut dire "suivre par la foi" l'enseignement donné par le Bouddha « Doublement parfait » signifie que ses bénédictions et sa sagesse sont absolument parfaites et complètes.

Donnant le dedans et le dehors est d'imiter le seul capable de l'humanité, tout, le Bouddha donnait sa richesse interne et sa richesse externe. La richesse interne qu'il a donné comprenait sa tête, ses yeux, son cerveau et la moelle. Il n'y avait pas une seule partie de lui-même qu'il était incapable de renoncer à il le donna tout. En ce qui concerne sa richesse externe, son pays était le plus grand et il le donna aussi bien que les villes. Son propre femme et son propre fils. Il n'y avait pas une chose qu'il ne pouvait pas renoncer. Il imitait le « Seul capable d'humanité », c'est à dire le Bouddha Sakyamuni.

Attaché à rien est le confort et l'aise, si vous n'attachez à rien, c'est la vraie maîtrise de soi. Si vous avez des attachements, alors vous n'êtes pas à l'aise et n'avez pas l'esprit tranquille. Dans la libération du savoir et des connaissances, il n'y a pas le moi ou les autres, si vous pouvez libérer votre propre savoir et connaissances pour que vous n'avez pas attachement à votre savoir et vos connaissances, alors à ce point, il n'y aura pas le moi ou les autres. Pourquoi ? Vous êtes libéré, c'est pourquoi.

(à suivre)

LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Les êtres sont nés par transformation causée par la séparation. Quand un Karma disparaît laissant la place à un autre Karma, il y a une naissance, comme par exemple la métamorphose d'une mite.

Les êtres qui ont une forme se reportent à ceux dont le destin (heureux ou mal heureux) dépend du phénomène astrologique. Ceux-là prennent une forme, mais la forme n'est pas permanente.

Alors que les êtres sans forme se reportent à ceux qui vivent dans les quatre cieux sans forme : le paradis du vide infini, le paradis de la conscience illimitée, le paradis du néant, et le paradis de la non pensée et ni pensée.

Tandis que les êtres avec pensée se reportent aux fantômes, aux esprits, aux essences, divines aux bonnes manifestations comme les Bodhisattvas, ou aux mauvaises comme les monstres étrangers.

Les êtres sans pensée se reportent à ceux qui se sont transformés en terre, arbres, métaux ou rochers. Il existe par analogie, l'exemple d'une montagne à Hong Kong appelée, « Regardant fixement son mari », nommée ainsi, parce que dans le passé, une femme portant son enfant dans ses bras grimpa sur la montagne tous les jours pour regarder fixement la mer recherchant son mari parti pour la guerre et ne s'en retournait jamais. Nourrissant cette pensée pendant trop longtemps, la femme s'est transformée en pierre. En haut sur la montagne, on peut encore voir la statue en pierre d'une femme debout portant son enfant (comme) le regard fixant la mer.

Il existe aussi des êtres qui ne sont pas totalement avec pensée. Ce sont des êtres vivants nés involontairement dans la forme d'une autre créature causée par la force de la pensée de cette créature, comme la larve de la mite du mûrier. La larve de la mite s'est transformée en une guêpe par le pouvoir de la pensée d'une "guêpe solitaire". La

guêpe prépare son nid et y dépose quelques larves de la mite du mûrier. Puis il commence à réciter pendant sept jours d'affilés un mantra pour les insectes. Le mantra est simplement "Soyez comme

moi !" "Soyez comme moi !" Après sept jours la larve du mûrier devient une guêpe.

Les êtres qui ne sont pas totalement sans pensée se reportent à ceux dont le corps était à l'origine constitué d'une matière sans pensée, mais par la suite, à l'intérieur de cette matière entre l'existence du désir ardent du parent.

Par conséquent ces êtres deviennent obsédés des pensées extrêmement bizarres.

JE DOIS LES AIDER TOUS A ENTRER DANS LE NIRVANA SANS RESIDU ET A FRANCHIR L'EXTINCTION. Le « Je » ici est le faux. "JE" du Bodhisattva utilisé convenablement pour communiquer avec les êtres vivants qui possèdent toujours une vue du soi.

Tous les êtres vivants dans les dix classes des trois Mondes sont guidés à entrer dans le NIRVANA SANS RESIDUE, NIRVANA c'est un mot sanscrit qui veut dire "tranquillité parfaite". FRANCHIR L'EXTINCTION signifie déposer (franchir) les deux obstacles, l'obstacle des calamités et l'obstacle de ce qui est connu, qui a une fin. Cela veut dire aussi dépasser les deux Morts : cessation de naissance et de mort, et changement de naissance et de mort.

Il y a quatre sortes de Nirvana :

1. Nirvana de la nature du soi pure et claire. La nature du soi est inhérente dans tout le monde. Elle ne subit plus la naissance et la mort et n'est pas plus grande chez les sages ou plus petite chez les gens ordinaires.

2. Nirvana avec résidu. En utilisant la flamme de la sagesse sur le feu des calamités, les liens secondaires de l'illusion sont rompus ; mais le lien principal du corps y demeure. Le corps qui reste est sujet à la partie de la section de naissance et de mort; cela est dit d'être Nirvana "Avec résidu".

3. Nirvana sans résidu. Quand les calamités et le résidu de la part / section de naissance et de mort sont éteints, la multitude de souffrances sont apaisées. Il n'y a plus de résidu.

4. Nirvana au non-domicile. Ici, la sagesse et la compassion sont mutuellement interactives. Ceux qui ont atteint le Nirvana au non-domicile continuent aux êtres vivants, mais ne sont pas eux-mêmes sujet de la naissance et de la mort.

Le Nirvana sans résidu mentionné dans le texte comprend les deux dernières des quatre sortes de Nirvana.

Bien que les Bodhisattvas prennent d'innombrables êtres de l'extinction, il n'y a vraiment pas d'êtres vivants qui soient libérés. C'est la manifestation de la substance parfaite et de la grande fonction du Prajna. La substance de la véritable vérité du Prajna à l'origine est sans vérité ; comme dit le texte plus tard, " Ce Dharma est moyen et égal n'est ni haut ni bas." La fonction du Prajna (contemplatif) méditatif à l'origine est sans vérité; comme dit le texte plus tard, "Ceux qui ont renoncé à toutes les vérités sont appelés Bouddhas."

Quand un Bodhisattva fait traverser les êtres vivants et cependant s'attache à un soi qui est conscient qu'il les a délibéré, les quatre vérités ne sont pas encore vides, son cœur faux n'est pas encore maîtrisé. Une telle personne tourne le dos au Prajna, ainsi il est entraîné dans les quatre vérités qui s'unissent pour former un soi. La vérité du Soi est la racine de toutes les vérités. Si on arrive à éliminer l'illusion du soi, alors on pourra faire traverser les êtres vivants et les amener dans le Nirvana. On pourra alors se séparer des quatre vérités, maîtriser son cœur, et de cette façon devenir un vrai Bodhisattva.

4. LA MERVEILLEUSE CONDUITE SANS DOMICILE

“De plus, Subhuti, comme les Dharmas, un Bodhisattva ne devrait pas rester n'importe où quand il donne. Il ne devrait pas s'attacher aux formes quand il donne, ne devrait pas s'attacher aux sons, aux odeurs, aux saveurs, aux objets tangibles, ni aux Dharmas quand il donne Subhuti, un Bodhisattva devrait donner ainsi : Il ne devrait pas s'attacher aux réalités. Et pourquoi ? Si un Bodhisattva ne s'attache pas aux réalités quand il donne, ses bénédictions et vertus sont infinies”.

“Subhuti, qu'en pensez-vous, est-ce que l'espace à l'Est est infini ?”

“Non, Seul Honoré du Monde”.

“Subhuti, est-ce que l'espace au Sud, à l'Ouest, au Nord, ou dans les directions intermédiaires, ou au-dessus, en dessous sont-ils infinis ?”

“Non, Seul Honoré du Monde,”

“Subhuti, les bénédictions et la vertu d'un Bodhisattva qui ne s'attache pas aux réalités quand il donne sont infinies. Subhuti, un Bodhisattva devrait s'attacher seulement à ce qui est enseigné ainsi.”

Avoir aucun domicile c'est avoir aucun attachement. Pas d'attachement c'est la libération. Par conséquent, pas de domicile, on est libéré, indépendant et n'est pas bloqué ni obstrué.

De plus, un Bodhisattva ne devrait pas demeurer n'importe où quand il pratique le don. En d'autres termes, il ne devrait pas être attaché quand il donne. S'il est capable de se libérer de tout attachement, il a compris que la substance des trois roues, composée de :

1. Celui qui donne,
2. Celui qui reçoit et
3. Ce qui est donné, est vide.

Si votre acte de donation s'accompagne de la pensée, “je pratique la donation et je fais beaucoup d'actions méritantes et vertueuses”, ou si vous êtes conscient de la personne qui reçoit, ou des biens donnés, alors vous n'avez pas quitté la réalité de la donation. Vous devriez donner et être comme si vous n'aviez rien donné. Si en donnant vous vous attachez aux réalités des six sens : objets, formes, sons, odeurs, saveurs, aux objets tangibles et aux Dharmas, votre mérite et vertu seront limités. Si vous donnez avec la pensée, “J'ai contribué un million de dollars à un certain temple.”

“Tout ce qui vous importe c'est qu'un million de dollars valent tant de mérites. Seulement sachez que n'y pensant plus, vous aurez plus de mérites et de vertus. (à suivre)

LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENEGALE PAR
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

LE JARDIN DU BIENFAITEUR

DANS LA GROTTTE DU JETA, DANS LE JARDIN DU BIENFAITEUR DES ORPHELINS ET DE L'ISOLE ... Anathapindaka, dont le nom veut dire « bienfaiteur des orphelins et du solitaire », était un vieux riche qui demeurant dans la ville de Sravasti. Il était aussi connu sous le nom de Sudatta, qui veut dire « heureux de donner ». Il était un homme riche mais ne comprenait pas la doctrine du Bouddha. En effet, il n'avait même jamais entendu le nom du Bouddha. Un jour, en faisant les préparatifs du mariage de son fils, il rendit visite à un ami, le vieux riche Shan T'an No et passa la nuit chez ce dernier.

Cette nuit là, Shan T'an No se leva et commença à décorer sa maison. Sudatta lui demanda, « Votre maison est magnifiquement décorée, y aura-t-il une cérémonie ? votre fils va se marier ? »

« Non », dit Shan T'an No. « J'ai invité le Bouddha à venir recevoir les offrandes ».

Lorsque Sudatta entendit le mot Bouddha, tous les poils de son corps se dressèrent. « Qui est le Bouddha ? » murmura t-il.

« Le Bouddha est le Prince du trône, fils du roi Suddhodana. Il aurait été le roi mais il a quitté le palais royal pour pratiquer le voie et aujourd'hui il

est devenu un Bouddha. Je l'ai invité à venir ici pour recevoir les offrandes.

Ayant entendu le mot « Bouddha », Sudatta ne pouvait pas dormir tellement il avait hâte d'aller lui rendre visite. Le Bouddha Sakyamuni connaissant sa profonde sincérité, émit une lumière si brillante que Sudatta pensant que l'aube s'est levée, il sort

du lit et se rendit à la ville : la porte de la ville était encore fermée mais le Bouddha l'ouvrit avec ses pouvoirs spirituels et Sudatta l'a franchie et se dirigea jusqu'au domicile du Bouddha dans la Grotte du Bambou.

Dès que Sudatta arriva, quatre dieux s'y rendirent aussi, firent trois tours autour du Bouddha et puis se prosternèrent pour montrer à Sudatta leur profond respect à l'égard du Bouddha. Comme Sudatta n'avait jamais vu le Bouddha ni entendu le Dharma, il suivit l'exemple des dieux et le Bouddha lui a prêché le Dharma. Sudatta en était ravi et dit « Bouddha, vous avez beaucoup de disciples et fidèles, vous avez vraiment besoin d'un grand lieu pour vivre. J'en préparerai un et vous y inviterai à vivre ».

« Bien », dit le Bouddha.

Prospectant plusieurs endroits, Sudatta ne trouvait aucun terrain convenable. Finalement, il vit le jardin du Prince Jeta. Il était suffisamment grand, mais le Prince Jeta a refusé de le vendre. « Si vous voulez acheter mon jardin », dit-il en rigolant « couvrez-le de pièces d'or. C'est mon prix ».

Sudatta ne prit même pas la peine de négocier, il dit tout de suite « D'accord ! », et amena son trésor, et pièce par pièce il couvrait le jardin de la la grotte entièrement.

« Maintenant votre jardin m'appartient », dit-il au Prince Jeta.

« Je plaisantais simplement », dit le prince, contrarié. « Je ne puis le vendre à aucun prix ? ».

« Vous disiez que vous me vendriez si je le couvrirais d'or et en plus vous allez monter sur le trône, alors en tant que roi, vous ne devriez pas prendre vos paroles à la légère. La parole d'un roi doit être solidement tenue ».

« Très bien », dit le prince. « Vous avez couvert le terrain avec vos pièces d'or, alors le parc vous appartient. Mais les arbres n'en sont pas couverts, ils m'appartiennent alors. J'en ferai offrandes au Bouddha ».

Comme les arbres appartiennent au prince Jeta, on appelle la Grotte Jeta et que le jardin appartient à Sudatta, on appelle le Jardin du Bienfaiteur des Orphelins et du solitaire.

En Chine, quand Keng Wen fondait sa nation, il a aidé quatre catégories de gens : les veufs, les veuves, les orphelins et les sans enfants et le solitaire. Sudatta avait aussi fait des donations à ces gens, c'est pourquoi il est connu sous le nom du Bienfaiteur des Orphelins et du Solitaire, c'est à dire Anathapindaka.

ENSEMBLE AVEC UN RASSEMBLEMENT DES GRANDS BHIKSUS, MILLE DEUX CENT CINQUANTE EN TOUS... Cette expression répond à la nécessité d'un public. ENSEMBLE veut dire qu'ils ont étudié avec le même maître, vécu dans le même lieu et appris ensemble la doctrine du Bouddha. Ils ont eu tous, le même esprit du Bodhi et obtenu la même sagesse, et réalisé ensemble la Bouddhité. Comme ils ont eu beaucoup de points communs, le texte lit, ENSEMBLE.

Le texte du Sutra liste d'abord la réunion des Auditeurs de son parce qu'ils sont des sages qui ont transcendé le monde. Les Bodhisattvas sont listés ultérieurement parce qu'ils groupent des Bhiksus et parfois des laïcs. Ils pratiquent la voie du Milieu et ainsi ils sont listés en moyenne position. Les dieux et les dragons de la division octuple sont listés en dernier parce qu'ils sont de ce monde et représentent les gens ordinaires.

Quelquefois les Bodhisattvas sont présents dans le rassemblement du Dharma et parfois ils voyagent vers d'autres mondes. Les Bhiksus, d'autre part, étaient des compagnons constants du Bouddha. Ils écoutaient toujours les Sutras et le Dharma c'est pourquoi ils sont listés en premier.

GRAND a trois significations :

1. Grand,
2. Beaucoup,
3. Victorieux.

Les Bhiksus sont respectés par les rois et les « grands » hommes et ainsi ils sont « grands ». Ils ont coupé toute affliction et détruit plusieurs malheurs. Ils sont différents des « victorieux » de toutes les religions étrangères.

BHIKSUS a aussi trois significations :

1. Celui qui mendie l'aumône,
2. Qui effraie Mara et
3. Qui détruit le mal.

Quand on monte sur la plate-forme du précepte pour recevoir les ordres, sa requête peut être accordée après trois appels. Un fantôme Yaksa vivant dans le monde des humains avertit un Yaksa qui voyage dans l'espace, celui-ci se projette en l'air pour avertir les démons célestes, qui sont terrifiés et disent au Mara, le roi du sixième ciel du désir. « La suite du Bouddha a augmenté d'un et le nôtre a diminué un ! » A ces mots, le palis du Mara tremble. C'est pourquoi, un Bhiksu est celui qui effraie Mara.

Il détruit aussi les maux des quatre vingt quatre mille afflictions parce qu'il a donné son esprit au Bouddha. (à suivre)

CHANT DE L'ILLUMINATION

Le Grand Maître Yung Chia

Commentaire par le Vénérable Maître Hsuan Hua

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Texte :

LE RUGISSEMENT DU LION EST UNE
PROCLAMATION SANS PEUR.

JE SOUPIRE PROFONDÉMENT QUE LES
IDIOTS CONFUS ET BARBARES
TRANSGRESSER SÉRIEUSEMENT ET
OBSTRUER LE BODHI.

ILS NE PERÇOIVENT PAS LES
MYSTÈRES RÉVÉLÉS PAR CELUI-AINSI
VENU.

IL Y AVAIT DEUX BHIKSHUS QUI
COMMETTAIENT L'INCONDUITE SEXUELLE
ET LE MEURTRE.

LA LUMIÈRE DE LA LUCIOLE D'UPALI
AMPLIFIAIT LA FAUTE.

LE BODHISATTVA VIMILAKIRTI
DISSIPAIT IMMÉDIATEMENT LEURS
DOUTES, JUSTE

COMME LE SOLEIL BRÛLANT FAIT
FONDRE LA GELÉE ET LA NEIGE.

Commentaire : LE RUGISSEMENT DU LION EST
UNE PROCLAMATION SANS PEUR.
L'enseignement du Bouddha dharma est ressemblé
au rugissement d'un lion ; sans la moindre peur.

JE SOUPIRE PROFONDÉMENT QUE LES
IDIOTS CONFUS ET BARBARES SAVENT
SEULEMENT COMMENT TRANSGRESSER
SÉRIEUSEMENT ET OBSTRUER LE BODHI.
Ceux-ci savent seulement commettre des fautes
graves. Ils brisent les vœux bloquent la route au
Bodhi. Ainsi, ils dessinent une frontière pour eux-
mêmes au milieu de la route ; ils abandonnent leur
voie à mi-chemin. Comme c'est extrêmement
pitoyable ! Ils savent seulement commettre de graves
fautes et obstruer la voie. Ils sont incapables de
pratiquer vigoureusement sans interruption. En
particulier ils ignorent que les vœux enseignés par
Celui Ainsi-Venu possèdent des nuances de sens très

déliçates concernant le degré de gravité des fautes
commises ainsi que les exceptions. Quoiqu'il y ait
des exceptions, il n'y a en réalité pas d'exception.
Quoiqu'il y ait des transgressions, il n'y a en réalité
pas de transgression.

IL Y AVAIT DEUX BHIKSHUS QUI
COMMETTAIENT L'INCONDUITE
SEXUELLE ET LE MEURTRE. A l'époque
du Bouddha, il y avait deux Bhikshus qui
vivaient seuls dans les montagnes. Un jour
l'un d'eux sortait tandis que l'autre dormait.
Une ramasseuse de bois est venue et eut des
relations sexuelles avec le Bhiksu à son insu.
Quand le deuxième Bhiksu était de retour, il
apprenant ce qui s'est passé il chassait la
femme sous le coup de colère. La femme
marche au hasard marchait, trébucha et fit une
chute mortelle.

LA LUMIÈRE DE LA LUCIOLE D'UPALI
AMPLIFIAIT LA FAUTE. Le Vénérable
Upali jugeait les fautes et décidait que les deux
Bhikshus avaient commis de graves fautes de
l'inconduite sexuelle et du meurtre qui
dépassaient le repentir. De cette manière, sa
sagesse était aussi petite qu'une lumière de la
luciole.

LE BODHISATTVA VIMILAKIRTI
CHASSAIT IMMÉDIATEMENT LES
DOUTES. Les deux Bhiksus pensaient eux-
mêmes qu'ils n'avaient pas intentionnellement
brisé les vœux, alors comment peuvent-ils
dépasser le repentir ? Ils avaient des doutes,
aussi allaient-ils voir le laïc Vimilakirti pour
demander des instructions. Vimilakirti dit : "Là
où il n'y a pas d'intention, il n'y a pas de
faute."

JUSTE COMME LE SOLEIL QUI
BRÛLANT FAIT FONDRE LA GELÉE ET
LA NEIGE. Dès que le grand laïc Vimilakirti
prononça ces paroles, c'était comme le soleil
flamboyant de chaleur fit fondre tout de suite
la gelée, la neige et la glace dure, si bien
qu'elles apparaissent immédiatement sans
forme ni apparence.

Texte :

LE POUVOIR DE LA LIBÉRATION
EST INIMAGINABLE.

SES FONCTIONS MIRACULEUSES
SONT AUSSI INFINIMENT NOMBREUSES
QUE LES GRAINS DE SABLE DU GANGE.

OSE-T-ON MANQUER AU DUR LABEUR
DANS UNE OFFRANDE DES QUATRE
BESOINS NECESSAIRES ?

DIX MILLE ONCES D'OR PEUVENT
ETRE AINSI REÇUES.

SES OS PEUVENT ÊTRE RÉDUITS
POUDRES, SON CORPS EN FRAGMENTS,

ON NE PEUT PAS ENCORE
REMBOURSER LA DETTE INTÉGRALEMENT.

COMPRENEZ UNE PHRASE ET
TRANSCENDEZ CENT MILLIONS.

Commentaire : LE POUVOIR DE LA
LIBÉRATION EST INIMAGINABLE. Il ne doit
pas être pensé avec l'esprit ou discuté avec des mots.
C'est le genre de pouvoir de la libération.

SES FONCTIONS MIRACULEUSES SONT
AUSSI INFINIMENT NOMBREUSES QUE LES
GRAINS DE SABLE DU GANGE. Les
merveilleuses fonctions dont ce pouvoir de la
libération sont si nombreuses que même si on arrive
à compter les grains de sables du Gange, il serait
impossible de les compter.

OSE-T-ON MANQUER AU DUR LABEUR DANS
UNE OFFRANDE DES QUATRE BESOINS
NÉCESSAIRES ? On n'ose pas manquer à la
responsabilité entraînée par les quatre sortes
d'offrandes, la nourriture et la boisson, le vêtement,
la literie et les médicaments.

DIX MILLE ONCES D'OR PEUVENT AINSI
ETRE RECUES. Même si dix mille onces d'or
avaient été offertes.

NOS OS PEUVENT ETRE RÉDUITS POUDRES,
NOTRE CORPS EN MORCEAUX, ON NE
POURRA PAS REMBOURSER LA DETTE
INTÉGRALEMENT. Par la bonté profonde, on nous
a donné le lait de ce Dharma, bien que nos corps
peuvent être écrasés en poudre et nos os en
fragments, nous ne pouvons pas rembourser la dette.

COMPRENEZ UNE PHRASE ET
TRANSCENDEZ CENT MILLIONS. En
comprenant seulement une seule phrase du Dharma,
on transcende des millions de millions de grands
kalpas.

Texte :

C'EST LE ROI PARMİ LES
DHARMAS LE SUPÉRIEUR, LE PLUS
SUPREME.

CEUX AINSI-VENUS AUSSI
NOMBREUX QUE LES GRAINS DE
SABLE DU GANGE L'ONT OBTENU
PAREILLEMENT.

JE COMPRENDS MAINTENANT CE
JOYAU QUI EXAUCE LES SOUHAITS,
TOUS CEUX QUI LE RECOIVENT AVEC
UNE FOI FERVANTE ET SINCERE
SUSCITERONT UNE RÉPONSE.

Commentaire : C'EST LE ROI PARMİ LES
DHARMAS LE SUPÉRIEUR, LE PLUS
SUPREME. Ce Dharma est le roi parmi les
Dharmas, c'est le plus haut, le plus suprême.
CEUX AINSI-VENUS AUSSI NOMBREUX
QUE LES GRAINS DE SABLE DU GANGE
L'ONT OBTENU

PAREILLEMENT. Tous les Bouddhas, Ceux
Ainsi-Venus, aussi nombreux que les grains de
sable du Gange, ont tous obtenu le Corps du
Dharma au moyen de ce Dharma.

JE COMPRENDS MAINTENANT CE
JOYAU QUI EXAUCE LES SOUHAITS. J'ai
compris maintenant ce Dharma qui m'a éveillé.
C'est comme un joyau qui contient tous les
Dharmas.

TOUS CEUX QUI LE RECOIVENT AVEC
UNE FOI FERVANTE ET SINCERE
SUSCITERONT UNE RÉPONSE. Ceux qui le
reçoivent avec une foi fervente et sincère et le
pratiquent respectueusement obtiendront
certainement une réponse. Ils seront tous
capables de réaliser le principe et la substance
du Corps du Dharma de tous les Bouddhas des
dix directions et des trois périodes du temps, et
les vertus miraculeuses du Nirvana : la
permanence, la félicité, le vrai soi et la pureté.

(à suivre)

LE SUTRA DE LA CAUSE ET DE L'EFFET A TRAVERS TROIS KALPAS

Traduction en Vietnamien : Maître Vénérable Thich Thiên Tâm
Traduction en Français : Phan Ngoc Anh

La suite

18. Celui qui meurt jeune aujourd'hui avait
beaucoup tué dans sa vie antérieure.

19. L'éternel célibataire d'aujourd'hui avait pratiqué l'adultère dans sa vie passée.
20. La jeune veuve d'aujourd'hui avait délaissé son mari par mépris dans une autre vie.
21. Valets et esclaves d'aujourd'hui étaient des ingrats dans leurs vies antérieures.
22. Ce jour, si l'on a des yeux qui voient bien, c'est grâce à sa dévotion envers Bouddha (garder la lampe à l'huile de l'autel toujours allumée) dans la vie passée.
23. L'aveugle d'aujourd'hui avait dans sa vie d'avant mal guidé ses fidèles.
24. Une bouche difforme survient chez celui qui avait éteint en soufflant la lampe de l'autel consacré à Bouddha dans une autre vie.
25. Le sourd-muet d'aujourd'hui avait insulté gravement et habituellement ses parents dans sa vie précédente.
26. Il est bossu parce qu'il s'est moqué des fidèles qui pratiquaient le culte de Bouddha dans une autre vie.
27. Celui qui commettait le mal à répétition sans se corriger aura des mains difformes dans sa vie future.
28. Le voleur de grand chemin non repent se réincarnera avec des jambes et des pieds déformés et rétractés.
29. Celui qui refuse de rembourser ses dettes mènera une vie de bête de trait ou de somme dans une autre kalpa.
30. Vie de chien ou de cochon dans sa prochaine existence, cela arrive à un escroc professionnel.
31. Le perpétuel malade, passant d'une maladie à une autre, avait dans sa vie antérieure offert en guise de culte à Bouddha viande et alcools.
32. Celui qui est rarement malade aujourd'hui avait distribué gratuitement des médicaments aux démunis dans sa vie antérieure.
33. Le prisonnier multirécidiviste d'aujourd'hui avait commis plusieurs actes de cruauté envers ses semblables dans sa vie passée.
34. Le crève-la-faim d'aujourd'hui avait, dans sa vie antérieure, affamé divers reptiles et rongeurs en bouchant les galeries de ceux-ci.
35. Le pêcheur au filet tuant mille poissons sera mort d'empoisonnement dans une vie ultérieure.
36. Le méchant qui cherche à faire le mal au détriment d'autrui mènera une vie future errante et de misère.
37. Celui qui laisse traîner les livres saints par terre en lisant sera atteint de nanisme dans une autre vie.
38. Des vomissements à répétition surviennent chez celui qui, dans sa vie passée, consommait de la viande avant d'aller prier.
39. Celui qui, aujourd'hui, n'aime pas écouter la lecture des Sutras se réincarnera dans le corps d'un sot et sourd.
40. Le galeux et l'épileptique aliéné d'aujourd'hui avait osé préparer la cuisine de viande et poisson devant l'autel de Bouddha dans sa vie passée.
41. Le marchand de parfum trafiqué d'aujourd'hui aura un corps empesté de mauvaises odeurs dans sa prochaine vie.
42. Le mort par pendaison d'aujourd'hui avait usé de cordes pour piéger des animaux dans sa vie passée.
43. Le veuvage et la solitude d'aujourd'hui sont le propre de celui qui, dans sa vie passée, n'aimait pas ses semblables, cherchait à leur nuire et les insultait sans vergogne.
44. Le commerçant malhonnête qui trafique sa balance pour voler ses clients, mourra par le feu et la foudre dans sa vie d'après.
45. Celui qui, dans sa vie passée, volontairement, avait fait condamner injustement autrui, subira le supplice d'être dévoré par un fauve ou mordu mortellement par un serpent.
- On supporte les conséquences de ce qu'on fait ;
Même si on devait aller en enfer ;
On ne peut reprocher à quiconque pour cela ;
Il ne faut pas dire ; je ne vois pas la loi causale de la rétribution des actes ;
Cette loi s'applique à nous, parfois à nos descendants.
46. Il suffit de regarder celui qui bénéficie du bonheur ;
Alors on verra la vertu de la charité et de ma saine alimentation végétarienne.
Pratiquer la vertu dans la vie passée ;
Donne à recevoir le bon fruit comme résultat :
Celui qui critique le Sutra de la loi causale
Perdra l'avantage d'une réincarnation dans un corps d'homme.
Celui qui croit et respecte le Sutra de la Cause et de l'Effet,
Recevra la bénédiction des Bouddhas et des Bodhisattvas ;

Celui qui copie ce Sutra et le diffuse,
 Vie après vie, pratiquera la vertu,
 Constatera la prospérité de sa famille.
 Celui qui vénère ce Sutra
 Est à l'abri de toute mésaventure.
 Celui enseigne et propage ce Sutra
 Sera éternellement doué d'intelligence.
 Celui qui initie ce Sutra aux autres
 Sera respecté des hommes dans sa vie à
 venir ;
 Celui qui imprime et propage ce Sutra
 Réincarnera dans un corps royal.
 Pour connaître sa vie passée
 Il suffit de regarder les acquis actuels.
 Pour savoir ce qui arrivera dans sa vie
 prochaine
 Il faut penser à tous ses actes dans la vie
 aujourd'hui
 Qui en sont la cause.
 Si la loi de ce Sutra n'est pas appliquée
 Bodhisattva Moggalana n'aurait pas pu sauver
 sa mère.
 Ceux qui croient inébranlablement au Sutra de
 la loi causale
 Auront la grâce de rejoindre la Terre Pure de
 la Félicité.
 Cause et Effet, vies passées, présente et
 future,
 Dieux et dragons n'abandonnent pas les gens
 vertueux ;
 Les Trois Joyaux sont des champs immenses
 de bonheur
 La cause vertueuse produit dix mille effets
 bénéfiques
 C'est une réserve qui ne risque pas de
 disparaître
 Qui servira pendant des générations.
 Si l'on veut pénétrer la cause qui constitue la
 vie passée
 On n'a qu'à observer ses effets dans la vie
 présente ;
 Pour connaître les effets de sa vie future
 Il suffit de scruter les actes de sa vie présente.

LES SIX DIRECTIVES DE LA CITÉ DES DIX MILLE BOUDDHAS

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

Amis lointains et proches bons conseillers,
 étudions ensemble les principes pour devenir
 une personne et un Bouddha. En tant qu'être
 humain, nous devrions observer les huit vertus
 suivantes : la piété filiale, la fraternité, la
 loyauté, l'honnêteté, le respect, la droiture,
 l'incorruptibilité et la honte. Pour devenir un
 Bouddha, nous devrions témoigner envers le
 monde entier les huit qualités suivantes : La
 pitié filiale, le respect, la fidélité, l'honnêteté,
 la gentillesse, la sincérité, la pureté et la
 sagesse. Nous devrions entretenir ces qualités
 jusqu'à ce qu'elles soient si immenses qu'il n'y
 a rien au-dessus d'elles, et cependant si
 minuscules qu'il n'y a rien au-dessous d'elles.
 C'est en nous baignant dans ces pensées que
 nous pratiquons le Bouddhisme ; néanmoins, il
 n'en est pas du tout..

De nos jours, certains pratiquants ne se sentent
 pas rassurés quand ils pratiquent le
 Bouddhisme. Comme ils n'obtiennent aucun
 intérêt concret, ils se découragent et perdent
 alors leur enthousiasme. Mes bons amis
 spirituels sachez que :

*Si vous ne renoncez pas à la mort, Vous ne
 pouvez pas l'échanger pour la vie ;
 Si vous ne renoncez pas au faux, Vous ne
 pouvez pas réaliser le vrai.*

Nous devrions élargir nos visions, et couvrir
 tout l'espace infini et l'entité du monde
 Dharma. Nous devrions penser à aider toute
 l'humanité, au lieu de se contenter de
 s'occuper seulement de nous-mêmes.
 Faire bénéficier les gens et ne pas leur faire du
 mal est une nécessité fondamentale dans la
 pratique de la voie du Bouddha. Comment
 pouvons-nous bénéficier et ne pas faire du mal
 aux gens ? En pratiquant les six directives de la
 Cité des Dix Mille Bouddhas.

1. Ne pas combattre. Ne luttons avec personne.
 Vous pouvez me combattre, je ne lutterai pas
 contre vous ; Vous pouvez m'insulter, je ne
 vous insulterais pas. Vous pouvez me frapper, je
 ne vous frapperai pas ; vous pouvez me
 brutaliser, je ne vous brutaliserai pas. Ceci est
 le principe global à la Cité des Dix Mille
 Bouddhas.

Dans une vie antérieure le Bouddha Sakyamuni
 était immortel, il pratiquait la patient de la
 façon suivante : au lieu de lutter contre le roi
 Kali ; il l'enseignait et le transformait en un roi

vertueux. Celui-ci avait coupé les quatre membres de l'immortel et lui avait demandé s'il te fâchait, Bouddha disait : 'non'. Le roi Kali ne l'avait pas cru et lui demanda de le prouver. L'immortel dit : 'Si je ne me fâche pas, mes membres repousseront.' A ces mots, ses membres se rétablirent. Au lieu de se fâcher contre le roi, l'immortel lui fit une promesse compatissante, en disant : 'quand je deviendrai Bouddha, vous serez la première personne que je sauverai, et vous renoncerez à la vie familiale pour devenir moine.' Plus tard, quand l'immortel devint Bouddha Sakyamuni, respectant son vœu, il alla dans le Parc du Cerf pour enseigner le vénérable Ajnatakaundinya (le roi Kali dans une vie antérieure) qui renonça alors à la vie familiale et devint donc un des cinq premiers Bhiksus.

2. NE PAS ETRE AVIDE. Quand la cupidité se soulève, elle est insatiable. Si vous désirez de l'argent ou quelque bien matériels, vous n'en êtes jamais satisfait. Plus vous êtes avide, plus vous êtes insatisfait. Et ainsi, vous augmentez de plus en plus votre cupidité sans en comprendre les raisons. La cupidité pourrait détruire votre vie entière, à la fin toujours insatisfait vous exprimez votre profond regret de ne pas pouvoir obtenir certaines choses. Quel dommage !

Donc, la deuxième directive de la cité est : ne pas être avide de l'argent, de l'intérêt ou de la réputation ; ne pas être avide de quelque chose. Nous venons d'accomplir notre principal devoir qui consiste à propager et à continuer la doctrine ainsi que la sagesse du Bouddha.

Quand le Bouddha était de ce monde, un jour accompagné du vénérable Ananda, ils rencontraient un tas d'or. Le Bouddha passa sans même le regarder. Tandis qu'Ananda, comme il n'avait pas perfectionné son Samadhi, en passant il jeta alors un regard sur l'or. Le Bouddha lui dit : 'c'est un serpent venimeux.' A ce moment, un fermier labourait ses champs, près de là surprit ces paroles, vint-y jeter un coup d'œil, il s'aperçut qu'il s'agissait réellement de l'or. Transporté de joie, il prit l'or et l'emporta à la maison et devint à l'instant très riche. Son voisin, soupçonneux de l'origine de sa richesse le rapporta au roi. Le roi envoya chercher le fermier et l'interrogea d'où vint l'argent. Le fermier lui raconta sans mentir l'histoire. Le roi envoya ensuite ses gens chez le fermier et ils trouvaient en effet beaucoup d'or. Ils rapportèrent l'or et le montrèrent au roi. Voyant l'or, le roi devint très furieux parce qu'il pensa que l'or était volé dans le trésor de l'état et il jeta le fermier en prison. C'était à ce moment là que

le fermier comprit pourquoi Bouddha avait dit que l'or est un serpent venimeux. Cette histoire montre que l'avidité de la richesse inattendue est vraiment dangereuse.

3. NE PAS RECHERCHER. Un autre principe de la Cité est ne pas exploiter, ne pas mendier ou ne pas rechercher. Rechercher est pareil qu'à être avide. La cupidité est imperceptible et difficile à déceler. La recherche est la poursuite d'un bien matériel en exploitant des relations sociales pour essayer de l'obtenir d'une manière ou d'une autre. Quels biens cherchons-nous ? Nous recherchons de l'argent, des choses matérielles et toutes sortes d'intérêts. Mais à la Cité des Dix Mille Bouddhas, la recherche est indiquée l'intérieur et non l'extérieur. En recherchant l'intérieur de notre esprit, nous balayons nos pensées erronées incensée notre nature sauvage, la jalousie, l'obstruction, la cupidité, la colère, la stupidité etc. Nous ne décorons pas l'extérieur mais nous orons et purifions notre intérieur. On peut aussi dire : 'Mais notre intérieur est dégoûtant, même si vous le nettoyez. Mais cette ordure n'est qu'une apparence. Notre nature originelle est pure et propre, sans souillure. Ainsi dit la phrase suivante :

*Quand les gens atteignent l'état de la non
recherche,
Leur caractère sera naturellement noble.*

Si vous ne cherchez pas à profiter des autres, votre caractère sera naturellement noble et libre des pensées impures.

Quand le Bouddha était de ce monde, il y avait un couple qui n'avait ni lieu pour abriter ni la nourriture pour le lendemain. Ils vivaient dans une grotte et leur seule possession était un pantalon. Celui qui sortait mendier porterait le pantalon. Un jour, un Pratyekabouddha vint pour les tester s'ils avaient des pensées avides. Il leur demanda donc de l'aumône à leur loge. Le couple discutait comment ils pouvaient faire offrandes à ce moine. Ne trouvant rien à donner, tellement ils étaient pauvres, alors avec un cœur sincère ils offraient leurs unique pantalon au Pratyekabouddha n'espérant rien en retour. Le Pratyekabouddha prit le pantalon et l'offrit au Bouddha Sakyamuni. Celui-ci raconta leur histoire à l'assemblée, en faisant beaucoup d'éloge pour leur mérite et leur vertu. Le roi qui était présent, entendit l'histoire et se sentit honteux qu'il existait des gens aussi

pauvre dans son propre pays. Tout de suite, il leur fit apporter beaucoup de nourritures et de vêtements pour ce pauvre couple et leur fournit également une maison pour vivre et un métier. Parce que ce couple n'avait pas de pensées de recherche, ils obtenaient donc une telle récompense. Cela s'appelle 'donner une chose et être récompensé dix mille fois plus.'

4. NE PAS ETRE EGOISTE. Pourquoi ce monde se dégenère-t-il à ce point ? Tout simplement parce que les gens sont égoïstes. Ils se disputent constamment pour obtenir le maximum et être les premiers. S'ils n'ont aucun intérêt, ils restent à l'écart, et regardent, indifférents, faisant parfois des remarques facétieuses avec une attitude froide comme s'ils disaient : "tu peux crever, mais moi, je n'interviens pas".

Il y a plusieurs genres d'égoïsme : Situation sociale, réputation, pouvoir ou argent ; surtout dans le travail, les gens se rivalisent et n'hésitent pas à écraser les autres pour s'avancer. Comme dit le proverbe :

*Mahasattva, ne prêtez pas attention aux autres ;
Amitabha, tout homme est également à lui-même.*

C'est la façon de penser des pratiquants du Petit Véhicule. Un proverbe dans le Confucianisme disait : 'Balayez la neige devant votre propre porte, ne vous occupez pas de la gelée sur les tuiles des autres.' C'est l'indifférence à l'égard d'autre. Mais les gens de ce monde devraient s'entraider et se soutenir les uns les autres. C'est pourquoi nous devrions encourager la pensée du grand Véhicule, adopter l'attitude des Bodhisattvas, qui reste toujours à l'écoute des souffrances et se lancent au service de ceux en détresse. On devrait libérer les gens des malheurs.

Si les gens de ce monde n'étaient pas égoïstes, nous pourrions former une grande famille et vivre dans le bonheur. L'égoïsme crée beaucoup de problèmes. Ainsi, ne pas être égoïste est la quatrième directive de la Cité des Dix Mille Bouddhas.

5. NE PAS POURSUIVRE L'INTERET PERSONNEL. Ce principe est plus important que le quatrième. Personne ne veut renoncer à son intérêt personnel. Si le monde d'être sain, l'être humain devrait l'être aussi. Aucune poursuite pour l'intérêt personnel veut dire faire bénéficier les autres et oublier soi-même, 'renoncer à soi-même dans l'intérêt des autres.' Ce comportement dépasse la conduite des Bodhisattvas. Les Bodhisattvas bénéficient aux mêmes et les autres, se sauvent eux-mêmes et les autres, illuminent eux-mêmes et les autres. Mais nous nous bénéficions seulement les

autres, pas nous-mêmes ; nous sauvons seulement les autres et les aidons à devenir illuminés.

6. NE PAS MENTIR. Pourquoi les gens mentent-ils ? Parce que qu'ils ont peur de perdre leur intérêt, peur de subir la perte. Si nous témoignons de la sincérité envers les gens, nous soutiendrons naturellement la sixième directive qui consiste à ne pas mentir.

Certaines personnes peuvent être gênés d'entendre les six directives, pensant qu'ils n'y sont pas gagnants . Cela m'est égal que les gens sont heureux ou malheureux ; je veux simplement éclaircir ce point. Je ne m'oppose à rien dans ce monde. Pourquoi ? Parce que ma devise c'est : 'Tout est okey.' Même si les gens s'opposent à moi, ils sont les bienvenus, car je refuse d'en discuter. Je viens de vous présenter brièvement les six directives de La Cité. Je ne peux pas les expliquer en détail, je n'en aurai jamais fini. Mais si vous les pratiquez durant votre vie entière ; Elles vous seront immensément utiles.

LES QUATRE BONNHEURS

Le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

A l'époque où Bouddha était encore de ce monde, il y avait un grand bourgeois nommé Am Duyêt, très fortuné, n'ayant rien à se plaindre, excepté qu'il était déjà âgé mais manquait encore de descendant, ce qui le rendait toujours triste. Mais grâce aux bonnes actions qu'il a semées dans une vie antérieure, quatre bonheurs, l'un après l'autre, lui arrivèrent en même temps. D'abord, sa femme donna naissance à un très beau petit garçon incomparable ; ensuite, dans son écurie, plusieurs chevaux blancs donnèrent naissance à plusieurs poulains solides, en pleine forme. Troisièmement, un messager représentant le roi, est venu jusqu'à son domicile, lui transmettre les fonctions tout à fait honorables ; quatrième, les bateaux marchands qu'il avait envoyés à l'étranger à la recherche des trésors, sont revenus au port avec la réussite totale.

Le bourgeois, ainsi comblé de joie, pensait que c'étaient des récompenses qui lui avaient été gratifiées par les anges célestes ; aussi, il réunit toute sa famille, organisa un grand festin avec

des plats extraordinairement recherchés afin d'offrir aux Anges célestes en guise de reconnaissance. Au même moment, évidemment, il fut assisté par les rois célestes, les Dieux, les Dragons et aussi par les habitants des autres mondes célestes, vivant éparpillés par-ci, par-là dans l'espace ; voyant le bourgeois ainsi comblé de bonheurs, ils le supportèrent aussi secrètement. Bouddha Sakyamuni, lui-même, ayant semé quelque relation avec lui dans une vie antérieure, est venu en personne devant sa porte et lui offrit un verset d'heureux présage-suivant :

‘Les bonheurs surviennent abondamment,’

‘Et au même moment, d’immenses joies.’

‘Grâce aux mérites semés dans la vie antérieure.’

‘Aujourd’hui, le noyau porte fruits.’

Ayant entendu le Dharma ainsi que la voix merveilleuse de Bouddha Sakyamuni, le bourgeois Am Duyêt, transporté de joie, courut à la porte, accueillit respectueusement Bouddha, en se prosternant devant lui avec les mots suivants :

‘O Bouddha ! Vous qui êtes vénérable, digne de respect, honoré par tout le monde, parfaitement illuminé dans la connaissance et le mérite suprême, capable de sauver tout être vivant dans les mondes des dix directions. Aujourd’hui, prévoyant mon immense bonheur, vous êtes venu nous féliciter, j’en suis profondément touché. Sur ces mots, il sortit de très beaux tapis de velours blancs d’excellente qualité pour faire offrande à Bouddha. Bouddha accepta l’offrande, lui donna la bénédiction, et par compassion, lui prêcha le Dharma d’ouverture suivant : ‘ Dans ce monde, au fond même de la richesse existent cinq sortes de calamités qui nous guettent constamment ; or, l’être humain, inconscient de cette vérité, ne se rassasie jamais dans ses désirs, passe son temps à calculer minutieusement, puis, à la fin, emporté par la mort, partira sans rien emporter, même pas un centime. Ainsi, la richesse ne nous apporte qu’afflictions. Aujourd’hui, utilisez cette richesse insécurisante pour faire offrande ou des donations, plus tard dans l’avenir, le bonheur et la joie, rétributions de ces bonnes causes, ne manqueront pas d’affluer chez vous.

Le bourgeois demanda à Bouddha : Quelles sont ces cinq calamités ? Bouddha répondit : Premièrement, un incendie imprévu pourrait survenir à tout moment ; deuxièmement, l’arrivée subite d’une inondation sans qu’on ait le temps de s’y préparer ; troisièmement, toutes vos richesses pourraient être injustement confisquées par la force des autorités sans aucune explication, aucun moyen de protester ;

quatrièmement, un fils ingrat pourrait tout dépenser ; cinquièmement, on pourrait se faire dévaliser par des bandits sans scrupule. Parmi ces cinq calamités, n’importe laquelle pourrait faire perdre toutes vos richesses. Par exemple, si vous êtes fautif envers les autorités, non seulement, vous perdrez toutes vos richesses, mais vous risquerez encore la prison, peut-être même la peine de mort. Alors, à ce moment-là, que faites-vous pour protéger vos richesses, ou à quel moyen recourez-vous pour protester ?

D’autant plus que, dans une vie antérieure, vous aviez fait sept donations, et à chaque fois, vous aviez beaucoup regretté votre geste. Ayant entendu ces paroles, le bourgeois se mit à faire des donations d’un cœur absolument sincère et joyeux. Dès qu’il avait fini de prêcher, le Bouddha retourna tout de suite au Mont des Vautours (Nui Ky Xà Quât). A ce moment même, il y avait un hétérodoxe nommé Bât-Lan-Ca-Diêp qui, ayant entendu dire que le Bouddha Sakyamuni, n’avait prêché qu’un seul verset de bon présage, et a reçu d’innombrables tapis de velours blancs, se sentit jaloux, alors il chercha à l’imiter. Mais, ne sachant pas composer des versets, il vint solliciter Bouddha de le lui apprendre. Bouddha avec son pouvoir spirituel, prévoyait que, dans l’avenir, le bourgeois Am Duyêt perdrait toute sa fortune et son bonheur en même temps. Utilisant de bonnes paroles, Bouddha chercha à dissuader Bât Lan Ca Diêp d’abandonner son idée, mais, celui-ci, ne comprenant pas la bonne intention de Bouddha, croyait que Bouddha ne voulait pas lui enseigner, chercha à s’esquiver, aussi il continua à insister. Toujours avec son immense pouvoir surnaturel, Bouddha, voyant le Karma antérieur de Bât Lan Ca Diêp, savait très bien que celui-ci ne pourra jamais éviter cette force karmique, alors se tournant vers l’assemblée, Bouddha déclara : ‘Quand on commet des péchés, on doit les payer. De même on contracte des dettes, on doit les rembourser.

Ensuite, Bouddha prononça un verset d’heureux présage afin d’instruire Bât Lan Ca Diêp. Peu de temps après, le bourgeois Am Duyêt perdit toute sa fortune dans un incendie, tous ses poulains moururent incendiés au même moment dans cet incendie. Son malheureux fils unique mourut aussi très jeune ; à cet instant même, ceux qui étaient jaloux de lui, l’ont détesté, et l’ont calomnié auprès du roi, résultat, tous ses grades et fonctions furent

retirés ; et ce n'est pas tout, les bateaux qu'il avait envoyés à la recherche des trésors, ont tous été renversés par la tempête, tous ses capitaux et intérêts furent tombés au fond de l'océan. Juste à ce moment, Bât Lan Ca Diêp, très excité, courut devant la maison du bourgeois, d'une voix très haute, récita le verset d'heureux présage. Ce dernier, au comble de désespoir, entendit le verset de Bât Lan Ca Diêp, croyant que celui-ci voulait le provoquer, commença à s'énerver, son visage de couleur initiale blanche vire au vert-pâle, peu importe les conséquences, il saisit un bâton derrière la porte, l'en roua des coups de toutes ses forces. Pauvre Bât Lan Ca Diêp, après ces coups de fouet, tout son corps fut criblé de bleus et de blessures extrêmement douloureuses, il rentra chez lui traînant son corps endolori. Malgré tout cela, il ne s'est toujours pas éveillé, persista à penser que Bouddha ne lui a pas enseigné clairement le verset. A ce moment, Bouddha se trouvait dans le jardin de Bambous La Duyêt Tri, en train de prêcher, il disait à l'assemblée : Bât Lan Ca Diêp, un jour, est venu me demander de lui apprendre un verset d'heureux présage, je l'ai déconseillé, mais n'écoutant mes conseils, aujourd'hui, il s'y est rendu, s'est fait battre impitoyablement, et est gravement blessé !

Ananda demanda à Bouddha : 'Bât Lan Ca Diep et ce bourgeois avaient-ils eu ensemble des relations antérieures pour en arriver à ces conséquences actuelles ?' Bouddha répondit : 'Il y avait précisément une cause. Dans le passé très lointain, existait un roi nommé Am Duyêt. Un jour, pendant sa sieste, un perroquet est venu se poser sur le toit du palais et commença à siffler une mélodie très déchirante. Surpris et enthousiasmé, le roi demanda à son entourage : 'Quel genre d'oiseau est-ce ? Pourquoi siffle-t-il d'une voix aussi déchirante ?' L'entourage répondit : 'C'est un perroquet extrêmement merveilleux qui s'est posé sur le toit du palais royal et qui sifflait.' Tout de suite, le roi envoya sa suite à la recherche de l'oiseau ; finalement on arriva à capturer l'oiseau. Transporté de joie, le roi se servait de pierres précieuses : des perles, du cristal, des coraux, du jade, etc... fabriquait une cage pour enfermer l'oiseau ; et le gardait près de lui nuit et jour, ne voulait absolument pas s'en séparer. Plus tard, survint un autre oiseau nommé : Môm Diêu. Celui-ci demanda au perroquet : 'Qu'avez-vous fait pour être si heureux ?' Le perroquet répondit : 'Une après midi, pour me distraire, je me suis mis à chanter au hasard, ma chanson a ému le roi, alors, par affection, il m'a gardé près de lui.' Jaloux, l'oiseau 'Môm Diêu lui dit : 'Moi je peux chanter mieux que vous.'

Quand le roi s'apprêtait à faire sa sieste, Môm Diêu, vola devant le palais royal, et se mit à siffler d'une voix fracassante, assourdissante qui réveilla le roi en sursaut, la voix fut tellement désagréable qu'il eut la chair de poule. Môm Diêu était en train de siffler devant sa porte.' Pour apaiser sa colère, le roi donna l'ordre de capturer l'oiseau, le plumer et le rouer des coups de fouet avant de le lâcher. L'oiseau Môm Diêu rentra, titubant dans son nid. D'autres oiseaux, voyant son état, effrayés, lui en demandèrent les raisons. Celui-ci, non seulement, cacha la vérité, mais accusa injustement le perroquet en disant : 'Si je suis dans cet état, c'est à cause du perroquet.' S'arrêtant un moment, Bouddha poursuivit : 'Une belle voix pourrait vous apporter le bonheur, mais une voix désagréable pourrait aussi vous amener des malheurs. L'oiseau Môm Dieu, non seulement, se nuisait mais en voulait aussi au perroquet. Le roi dans le passé était l'incarnation antérieure du bourgeois d'aujourd'hui ; et l'oiseau Môm Diêu était l'incarnation de Bât Lan Ca Diêp qui, dans le passé, jaloux du perroquet, avait été frappé douloureusement ; et dans la vie présente, jaloux d'Am Duyet, s'est fait, de nouveau, rouer de coups de fouet. Il a toujours été brûlé par la jalousie sans jamais vouloir se corriger et se repentir !'

Ananda demanda à Bouddha : 'Le bourgeois Am Duyêt, dans sa vie antérieure, quels mérites a-t-il accomplis pour bénéficier de ces quatre bonheurs, et pourquoi ces bonheurs disparaissent aussi vite ?' Bouddha répondit : 'Dans sa vie antérieure, durant sa jeunesse, Am Duyêt avait cru fortement en Bouddha-Dharma, faisait offrandes d'un coeur absolument sincère et respectueux, aux saints formulant les vœux d'être riche. Ses vœux ont effectivement été exaucés. Mais après son mariage, il s'est mis à sombrer dans les débauches, à mépriser le Triple Joyaux. D'autant plus qu'il manquait de compassion, n'ayant pas su semer la bonne graine, c'est pourquoi, ses bonheurs se volatilisent comme l'ombre de la lune au fond de l'eau, des phosphènes dans l'espace qui disparaissent en un clin d'œil. Comme c'est pitoyable ! Plus tard, il a dû subir tant de souffrances, sombrer jusqu'au fond du désespoir pour pouvoir enfin neutraliser son mauvais karma.'

TOUTE VIE PEUT S'ÉTEINDRE DANS UN SEUL SOUFFLE

Le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

Mes bons amis spirituels !

"Depuis toujours, peu de gens atteignent la soixante
dizaine,

Nous perdons d'abord notre jeunesse, puis notre
vieillesse.

Combien de temps nous reste-t-il ?

La moitié du temps qui nous reste, servira à dormir et
à nous reposer".

Ce qui signifie à peu après :

"Depuis toujours, les gens atteignent rarement la
soixante dizaine ; d'abord nous laissons passer
inutilement notre jeunesse, puis notre vieillesse ;
donc il nous reste très peu de temps pour vivre. En
plus, la moitié du temps qui nous reste sera perdu
dans le sommeil et le repos".

Aujourd'hui, l'homme moderne connaît très bien
l'art de vivre centenaire, l'âge de vie augmente
énormément. Autrefois, les gens vivaient rarement
jusqu'à soixante-dix ans, car, à mon avis, ils étaient
en général extrêmement nerveux, ce qui avait
raccourci leur durée de vie.

Examinons la durée de vie d'une personne : Les
quinze premières années de la jeunesse ne comptent
pas, car c'est le temps consacré à l'apprentissage à
devenir un homme. De même, les quinze dernières
années ne comptent pas non plus, car on devient
stupide, mal entendant, mal voyant, jamais en pleine
forme. Donc, il nous reste une quarantaine d'années
au milieu. Et sur cette quarantaine d'années, le
sommeil et le repos s'emparent déjà de la moitié,
sans parler de pas mal de temps perdu pour manger,
s'habiller, faire ses besoins. Par conséquent, il nous
reste très peu de temps pour pratiquer et cultiver la
voie comme pour accomplir de bonnes actions.

Jadis, les gens disaient :

"L'insatiabilité humaine est comparable à un serpent
essayant d'avaler un éléphant".

Ceci signifie :

"L'être humain est préoccupé le long de la journée à
satisfaire sa faim.

*La faim satisfaite, il se préoccupe de ses habits.
Possédant suffisamment de nourritures et de
vêtements,*

*Il manque une femme maintenant dans la
maison.*

*Alors, il épouse non seulement une jolie femme
mais en plus de jolies concubines.*

*Ensuite, pour se déplacer, il lui faut une voiture
et un avion.*

*Propriétaire d'un avion et d'une voiture ne
suffit toujours pas ;*

*Sans titre, sans fonction, les gens le
mépriseraient.*

*Quatrième ou cinquième grade dans la fonction
publique pour lui est encore trop modeste,*

*La troisième et seconde grades lui semblent
toujours trop basses,*

*Il désire le poste du premier ministre du
gouvernement.*

*Non content de ce poste, il aspire monter sur le
trône du roi.*

*Une fois sur le trône, il désire jouer aux échecs
avec les saints".*

Les désirs d'un être humain sont éternellement
insatiables. C'est pourquoi, le proverbe dit :
"Les désirs insatiables d'un être humain
ressemblent à un serpent essayant d'avaler un
éléphant".

Il existait jadis, trois vieux : Le plus jeune âgé
de soixante ans, le deuxième : soixante dix ans,
et le troisième le plus âgé de quatre-vingts ans.

Celui qui a soixante ans disait : Lorsque cette
année sera passée, vivrai-je jusqu'à l'année
prochaine.

Celui qui a soixante-dix ans disait : Cette nuit
j'enlève mes chaussures, demain, aurai-je
encore la chance de les remettre.

Celui qui a quatre-vingts ans disait : A l'instant
même, j'expire, aurai-je encore la chance
d'inspirer.

Tout cela nous prouve que la vie humaine est
éphémère ; elle peut s'éteindre dans un seul
souffle.

Ainsi dit le verset suivant :

"Toute vie humaine ressemble à un rêve.

On meurt dans un rêve.

Dans le rêve – c'est la fortune.

Au réveil – c'est la misère.

Du matin au soir, on rêve.

Si on ne se réveille pas – pas de rêve vers la lumière.
Quel dommage de perdre un si beau rêve" !

Ce qui signifie :

L'être humain vit dans un rêve.

Meurt aussi dans un rêve.

Dans le rêve, on est comblé de fortune.

Au réveil, on se retrouve dans la misère.

C'est pourquoi, du matin au soir on vit dans un rêve.

*Pourtant, si on ne se réveille pas, on perdrait le rêve,
conduisant vers la lumière.*

Quel dommage de perdre un si beau rêve !

Il suffit que l'être humain ait la parfaite
connaissance, lâche tout pour atteindre le parfait
bonheur suprême.

Dans le Sutra du Vajra, il a été dit que :

"Tous les Dharmas

Ne sont que : rêve, illusions ou écumes

Comme la rosée matinale, le courant électrique.

Réfléchissons-y et comprenons ainsi".

LE SOUVENIR DE LA VIE DU VÉNÉRABLE MAÎTRE HSUAN HUA

La suite

TOUT DESIR EST EXAUCE

P'an Chi Shih du comté Shuang Ch'eng était l'homme le plus fortuné dans le village. A quarante ans, cependant, le couple n'avait pas encore de descendant. Ayant entendu la vertu impressionnante du Maître, le couple partit à sa rencontre et le salua immédiatement comme leur maître. Sous sa direction, ils étudiaient les enseignements, pratiquaient la méditation dhyâna et priaient le Bodhisattva Kuan Yin d'exaucer leur vœu. Quand le Maître leur conseilla d'offrir la moitié de leur richesse pour l'intérêt des êtres vivants, ils suivirent son conseil. Ils reconstruisaient des temples, installant des statues de Bouddha et soutenaient le Triple Joyau dans toutes leurs activités. Au bout d'un an, un fils était né. Ils le nommèrent Shih Te, Donation Vertueuse. C'était un garçon exceptionnellement intelligent et sage. Par la suite, Mr. P'an pratiquait la voie avec plus d'assiduité lisait les Sutras, récitait le nom du Bouddha et accomplissait de bonnes actions de toutes ses forces.

LE PRECIEUX CACHET

A Ta Nan Kou, dans la ville d'Harbin, vivait un jeune garçon nommé Kao Te Fu de nature très pieuse. Sa mère était une droguée et sa toxicomanie l'avait rendue malade. Elle était incapable même de fumer l'opium. Ses lèvres étaient déchirées et saignaient. Sa langue noire. Les médecins chinois et occidentaux disaient tous qu'elle mourrait sûrement, mais son fils disait : Non ! Elle ne peut pas mourir. Je couperai ma main comme une offrande sincère aux Bouddhas et aux Bodhisattvas. Je suis sûr qu'ils viendront à mon aide.

Il alla au Temple des Trois Conditions pour réaliser son offrande afin de sauver la vie de sa mère. Le garçon s'agenouilla, défit le couteau de boucher enveloppé dans un journal qu'il avait apporté. Juste au moment où il leva le couteau en l'air quelqu'un le saisit par derrière.

Arrêtez ! Dit-il. Vous ne pouvez pas vous suicider ici !

Je fais ceci pour sauver la vie de ma mère, répondit le garçon. Vous ne pouvez pas m'en empêcher !

Juste après, Li Ching Hua, un disciple laïc du Supérieur Ch'ang Jen, arriva et emmena le garçon auprès du Vieux Supérieur. Celui-ci envoya chercher le Maître et demanda son aide.

Mais je ne suis qu'un simple novice, dit le Maître. Pourquoi voulez-vous que j'accomplisse votre travail.

Soyez compatissant, dit le Supérieur.

Le Maître dit au garçon : Rentrez chez vous à vélo et je vous suivrai.

Connaissez-vous le chemin ? Dit le garçon.

Ne vous inquiétez pas pour moi, dit le Maître. Rentrez chez vous.

Le garçon partit lorsque le soleil se couchait. Il était à peu près cinq heures de l'après-midi. Le garçon prit la route principale et le Maître emprunta un raccourci. Quand le garçon arriva chez lui, il fut surpris de voir que le Maître était déjà là en train de l'attendre.

Vénérable, dit-il, comment se fait-il que vous arriviez avant moi ?

Peut-être vous vous êtes arrêté en chemin pour jouer au foot ou regarder un film, dit le Maître. En tout cas, votre bicyclette ne va pas aussi vite que la mienne. Et alors je suis là le premier.

Quand le Maître vit la mère du garçon, il était convaincu qu'il n'y pouvait rien faire. Mais il décida quand même d'essayer. Il prescrivit un précieux cachet qui se lit :

Ce garçon est si sincère qu'il a essayé

De couper sa main pour sauver la vie de sa mère.

Maintenant que je l'ai empêché d'agir ainsi,

Cette femme ne doit pas mourir.

Si elle meurt, Roi Yama, dit-il, je serai impoli envers vous.

Le Maître le cacheta et l'envoya. Il a employé un Dharma destiné à rallonger la vie. Jusqu'à trois heures du matin, il alla se coucher. Le lendemain la femme qui avait été dans le coma pendant sept jours se redressa.

Chu Tsu, Chu Tzu, dit-elle, appelant son fils par son petit-nom, j'ai faim. Apportez-moi du riz.

Le garçon se précipita vers sa mère, rempli de joie. Il ne l'avait pas entendue appeler ainsi depuis sept jours.

Mama, cria-t-il. Vous étiez malade pendant plusieurs jours ! Vous vous sentez mieux maintenant ?

J'étais dans une grotte sans un rayon de soleil, de lune, d'étoiles ou d'une lampe, dit-elle. J'ai couru pendant plusieurs jours, cherchant ma maison. J'ai appelé mais aucune réponse. Ensuite j'ai rencontré un moine habillé d'une robe en lambeaux qui m'a guidée chez moi.

A quoi ressemblait-il, le moine ? Demanda son fils. Il était très grand, dit-elle.

C'était lui ? Dit le garçon en montrant du doigt le Maître.

Oui, s'exclama-t-elle. C'était lui qui m'a ramenée. La famille entière, fils et filles, jeunes et vieux, vinrent s'incliner devant le Maître. Puis le village entier prit refuge avec le Maître en disant :

Tout ce que vous voulez qu'on fasse, on suivra avec joie vos enseignements.

CHAPITRE VI

LES DISCIPLES

KUO NENG QUITTE LA MAISON

Kuo Neng, dont le nom laïc est Lu, était le premier disciple qui a quitté sa famille pour suivre le Maître. Il était tailleur. Il gagnait beaucoup d'argent, mais comme sa petite amie fumait de l'opium et très dépendante, bientôt il se retrouvait sans un sou. Quand il se rendit compte combien elle était méchante, il décida de quitter la maison. Quand il apparut sans ressources et en guenilles au temple du Maître Ju Kuang, le Maître Ju Kuang dit :

Vous êtes trop pauvre. Allez-vous en.

Kuo Neng s'asseyait dans la cour du temple jusqu'à ce que les portes fussent fermées : on l'a jeté à la porte. Il retourna à son hôtel où a eu lieu l'ouverture d'un nouveau restaurant végétarien. Le directeur l'appela :

Mon Maître est ici. Venez le rencontrer.

Quand ils se rencontrèrent, Kuo Neng était timide et embarrassé. Il osait à peine regarder le Maître.

Pourquoi êtes-vous si contrarié ? Demanda le Maître.

Je n'ai pas d'argent, dit Kuo Neng. Mais pourquoi êtes-vous ici ?

Le Maître souriait. -Je suis venu pour vous chercher, dit-il.

Pourquoi faire ? Demanda Kuo Neng.

Pour vous faire quitter la vie de famille, dit le Maître.

Kuo Neng était effrayé. Il n'avait raconté à personne qu'il voulait quitter la maison.

Allons-nous en, dit le Maître, avant que votre petite amie revienne.

Mais je n'ai pas de robe ! Dit Kuo Neng.

Voilà, dit le Maître. Et il enleva sa robe extérieure et la donna à Kuo Neng.

Tous deux partaient dans la neige hivernale pour le temple des Trois Conditions.

Au temple, Kuo Neng faisait des travaux durs. Il faisait des choses que personne ne voulait faire : faisant la cuisine, nettoyant et apportant de l'eau. Un jour, il construisit lui-même un beau lit en briques.

Qui vous a donné la permission de construire ceci ? Dit le Maître quand il le vit.

Kuo Neng restait planté là. Personne, dit-il.

Pensez-vous que vous pouvez faire tout ce qui vous plaît ? Vous n'êtes pas le directeur ici, n'est-ce pas ? Dit le Maître.

Non, dit Kuo Neng. Que dois-je faire, maintenant ?

Démontez-le, dit le Maître. Ensuite allumez un bâton d'encens au vernis jaune et agenouillez-vous devant le Bouddha jusqu'à ce qu'il finisse. (Environ trois heures). (à suivre)

L'HISTOIRE DU BOUDDHA

La suite

LA CRAINTE D'UN PERE

Dès son arrivée au palais, le Prince alla immédiatement dans la chambre du roi. Joignant les mains comme il avait la coutume de faire quand il voulait demander une faveur importante, il commença : « Je veux devenir un errant sans abri pour partir à la recherche de la fin de toute souffrance. Donnez-moi votre permission, père, de quitter le palais. »

Le roi s'y attendait depuis longtemps, depuis que le prince était encore bébé. Enfin, l'inévitable est arrivé ; pourtant les paroles de son fils lui causèrent un grand choc. D'une voix émue, les larmes aux yeux, il répondit : « Mon très cher fils, oubliez cette idée. Vous êtes encore beaucoup trop jeune pour mener la vie solitaire d'un saint. Attendez encore quelques années. Pour l'instant, restez ici à Kapilavastu et gouvernez mon royaume. »

« Oh père, je resterai ici à condition que vous me promettiez quatre choses : Que je ne vieillirais jamais, que je ne tomberais jamais malade, que je ne mourrais jamais et que je ne serais jamais malheureux. Si vous ne pouvez pas me promettre ces choses, alors laissez-moi partir immédiatement. »

Le roi fut choqué par ces étranges paroles et commença à se fâcher. « Oubliez ces idées insensées Siddhartha. » Cria-t-il.

Mais le Prince demeurait ferme. « Père, si vous ne pouvez pas me libérer des souffrances de la vieillesse, de la maladie, de la mort et de la tristesse, alors vous devez me laisser partir pour essayer de me sauver moi-même. Ce n'est pas juste de me garder comme prisonnier ici. »

Mais le roi ne voulait plus entendre. « Ne laissez pas partir le Prince ! Surveillez le bien ! » Cria-t-il à ses ministres puis quitta la chambre avec fureur.

(à suivre)

Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
kimquang@free.fr
kimquangtu@hotmail.com

© Người nào có thể hàng phục *Sáu Căn, Sáu Trần, Sáu Thức*, khiến chúng không nhiễu loạn, thì người đó là Bồ-tát. Người nào có thể quét sạch tình cảm, chẳng còn dơ bẩn, thì người đó là Bồ-tát. Bồ-tát thì không khóc, cũng chẳng cười. Ở mọi nơi, mọi lúc, Bồ-tát đều tự tại, chẳng câu thúc, chẳng bó buộc, vô quái vô ngại, chẳng phiền chẳng nã, không sanh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm. Người học Phật phải ở nơi chỗ này mà dụng công.

© Chúng ta phải tạo Thế Giới Cực Lạc. Làm sao tạo ? Trước hết, phải dẹp bỏ *thất tình*. *Thất tình* là gì ? Đó là bảy thứ tình cảm vui vẻ (hỷ), giận dữ (nộ), buồn rầu (ái), sợ hãi (cụ), yêu thương (ái), ghét bỏ (ác), và dục vọng (dục).

Chúng ta phải điều phục bảy thứ tình cảm này, khiến chúng không thể nhiễu loạn nữa. Lúc đó, tâm chúng ta sẽ bình an vô sự, mọi thống khổ đều tiêu tan.

Vì sao chúng ta bị thống khổ ? Vì tâm ta chẳng bình an ! Nếu chúng ta chỉ có an lạc, chẳng còn khổ não, thì nhân gian này chính là Thế Giới Cực Lạc vậy.

Hoà Thượng Tuyên Hoá